Do Võ Phú Hùng cúng Đức Cha Phêrô Kỳ (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đẳng chủ Kho Sách Xưa quán Vĩnh Hưng

NĂM THỨ BA, SỐ 88 — 15 Février 1923

Hữu-Thanh

CƠ-QUAN CỦA HỘI BẮC-KỲ CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP

Tùng-thư của hội Ích-Hữu Thư-Xã

Sáng-lập : NGUYỄN-HUY-HỢI

Chủ-nhiệm : NGHIÊM-VỊNH

DEPOT LEGAL INDOCHINE Nº 949

YẾU-MỤC

PHÁI HÁN-HỌC VÀ PHÁI PHÁP-HỌC	232	GÁI PHỤC THỪ CHA	259
NHÂN-TÂM THẾ-ĐẠO SUY KÉM BỞI ĐÂU	231	TÚY-ĐƯỜNG DIỄN-NGHĨA	265
BÁO ƠN CHA MẸ	236	NHẤT-VĂN-TIỀN	271
SỰ SINH-HOẠT CỦA NHÂN-LOẠI TỪ LÚC SƠ-ĐẦU	242	CÁI MẢ	275
VĂN-THƠ	246	THỜI-ĐÀM	277
LĨNH-NAM DẬT-SỬ DIỄN-CA	250	CÔNG VIỆC HỘI CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP	279

Mỗi tháng xuất bản hai kỳ : mồng một và rằm

DIRECTION — RÉDACTION
ADMINISTRATION

53, Rue du Coton, HANOI

IMPRIMERIE PAPETERIE
Téléphone nº 8.8

1923

Mỗi số 0p.25

HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Luân-Lý. — Học-Thuật. — Thực-Nghiệp. — Kinh-Tế. — Văn-Nghệ

Organe de l'Association Amicale des Employés Indigènes de Commerce et d'Industrie du Tonkin

Edition de la Société «Ích-hữu-thư-xã»

ÂN-NHÂN CỦA « HỮU-THANH »

MM. Phạm-Văn-Thụ	*Thượng-thư bộ Hộ*
Vũ-Ngọc-Hoánh	*Tuần-phủ Lạng-sơn*
Trần-Mỹ	*Tuần-phủ Thái-bình*
Nguyễn-Tất-Tế	*Thương-tá Hà-đông*

Chủ-nghĩa và mục-đích « Hữu-Thanh »

Hữu-Thanh tạp-chí này, lấy « Hữu-ái » làm chủ-nghĩa, mục-đích để cổ-động cái tinh-thần tương-ái trong đồng-bào, mong người trong nước cùng yêu mến nhau như ruột thịt, để nương-tựa nước Pháp lên đường văn-minh.

Biên-tập đủ các môn luân-lý, học-thuật, văn-nghệ, thực-nghiệp, kinh-tế để giúp quốc-dân về mọi đường phổ-thông tri-thức. Phàm biên-tập cốt lấy thông-thường làm trọng.

Giá tạp-chí « Hữu-Thanh »

Sáu tháng... 2 p. 50 Một năm... 5 p. 00 Ngoại-quốc mỗi năm... 6 p. 00

Mua tạp-chí « Hữu-Thanh » xin giả tiền trước

Tòa tạp-chí « Hữu-thanh » ở số 58 Phố Hàng Bông (**58 Rue du Coton** *Hanoi*)

ĐÔNG-PHÁP YÊN-THẢO CÔNG-TY

SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE

SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 6.000.000 FRANCS

Administration et Manufacture à Hanoi

Sản xuất những thứ **THUỐC-LÁ** như sau này :

(PRODUITS RECOMMANDÉS)

Thuốc thái (Tabacs)	Coq et Scaferlatl
Thuốc cuốn (Cigarettes)	Coq, Alliés. Métropole, Favorites. Dragon d'or, Midinettes
Thuốc Si-gà (Cigares) :	Mandarin, Bouquet.

DEMANDEZ LE PRIX-COURANT

Annam : nên hút thuốc lá « hiệu con gà vì giống giọt tại xứ ta, vừa ngon vừa rẻ. Ai ôi nên hút thuốc lá hiệu con gà ».

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

HANOI — số 73, Phố-Mới, số 73 — HANOI

HỮU-HẠN TẬP-CỔ CÔNG-TY

Vốn 42.500 p. 00

Đóng, chữa, sơn lại, các thứ xe tay, xe ngựa.

Xe nhà cao-su kiểu mới, thực đẹp, thực nhã ; các quí-khách muốn đặt kiểu nào cũng được.

Có nhiều kiểu xe đã bầy tại Hội-chợ mới rồi và có nhiều xe chạy trong thành-phố Hà-nội.

Giá tinh phải chăng. Làm cẩn-thận và thật mau.

Các ngài ở nơi xa muốn đóng xe, bản hiệu xin đóng cẩn-thận mà gửi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được xe của bản-hiệu đóng gửi thơ ra ban khen bản-hiệu.

Xin các quí-khách chiếu cố, bản-hiệu hết lòng hoan-nghênh.

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Établissements TIẾN-ĐỨC

84-86, Avenue Paul Doumer, 84-86

HAIPHONG

AMEUBLEMENT GÉNÉRAL

SPÉCIALITÉ

MEUBLES ARTISTIQUES DÉMONTABLES

THĂNG-LONG

15, Rue du Chanvre, 15

HANOI (Tonkin)

Bản-hiệu chuyên nghề làm khăn-xếp, xin các ngài chiếu-cố cho. bản-hiệu sẽ xin chiều được lòng các ngài.

THĂNG-LONG *cẩn-bạch.*

GRANDS MAGASINS RÉUNIS

ĐÔNG-PHÁP ĐẠI-THƯƠNG-CỤC

NHÀ GỖ-ĐA HÀ-NỘI

HÃNG BUÔN RỘNG NHẤT Ở ĐÔNG-PHÁP

Nhiều thứ hàng nhất

NÀY THỬ XEM KHU HÀNG MỚI SANG :

NÀO HÀNG PHA-LÊ, ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ, ĐỒ BẰY

TRONG NHÀ, ĐỒ ĐIỆN, HÀNG GIẦY

HÀNG THỢ MAY

MỘT NGƯỜI CAI CẮT ÁO VÀ MỘT NGƯỜI CAI THỢ GIẦY NGƯỜI PHÁP CHUYÊN LÀM CHO HIỆU

CÓ MỘT KHU RIÊNG BÁN CÁC VẬT-THỰC

Nên đến lấy quyển mẫu hàng về mà xem.

THUỐC CHỮA BỆNH RẤT HAY!!!

Chắc các ngài xem báo Nam-kỳ từng biết tiếng bản-đường có các thứ thuốc trị các bệnh rất hay :

ÍCH-NGƯƠN-ĐƯỜNG LÃO-DƯỢC-PHÒNG

Chủ-nhân : **A-ANH**

ở đường Chợ-cũ số 55, Place Gambetta. Saigon (Nam-kỳ)

Bản đường từ khai-sáng đến nay đã ngoài 50 năm rồi, chuyên việc bào-chế các thứ thuốc Cao-Đơn Hoàn tán Dược-Dầu, Dược-Thủy *đều chọn ròng thuốc thượng-phẩm và có dùng cái nhãn « Mẫu-Đơn-Phượng » làm ký hiệu, và có cầu chứng nơi tòa Saigon : cũng có bán đủ các thứ thuốc hạng như* Sâm, Nhung, Ngọc, Quế, vân vân, *hoặc thang hoặc muốn làm thuốc tễ vân vân đều được cả, lại có chứa đủ các thứ thuốc thần-hiệu của các danh-y bên* Trung-quốc. *Thuốc của Bản-đường có gởi bán cùng Lục-châu. Những thuốc bán tại Bản-đường đều là thuốc ở bên* Trung-quốc *mới kỳ tàu gửi qua, buôn bán đứt mực công bằng khắp nơi trong Lục-châu đều biết. Như quí-vị nào ở xa* châu-thành *mà muốn hỏi thăm điều chi về việc thuốc men hoặc muốn mua thuốc của Bản-đường xin chịu khó mà viết thơ gởi đến Bản-đường. Bản-đường sẵn lòng hồi-đáp lập-tức, nếu tiếp thư mua thuốc thì Bản-đường sẽ gởi* Contre-remboursement.



Phụ khoa khôn phụng hoàn (5)

(*Thuốc điều kinh chưởng từ rất hay*)

Phàm người đàn bà đường kinh-nguyệt có chừng thì được mạnh giỏi hằng ngày, đến gặp cơn xanh đẻ mà được mạnh giỏi cũng bởi nhờ nơi thân thể dung hòa khí-huyết sung túc mà ra. Song ai cũng mong mỏi điều mạnh giỏi việc kinh-nguyệt cho đúng kỳ và cơn sanh đẻ đặng bình an mọi sự, mà chẳng hay tìm phương giữ mình, tìm thuốc hay dùng ngăn-ngừa trước cho khỏi đều hậu hoạn về sau, vì như cây cỏ mà đặng tốt-tươi nhờ bởi khí âm dương hòa hưởn, còn người mà đặng mạnh-mẽ là nhờ khí-huyết đều hòa, nên mọi người lo phòng trước lúc chưa bệnh, hay hơn là để gặp bệnh mới lo tìm thuốc hay : Xét cho kỷ người sinh thường hay có bệnh không chừng. Đây tóm một đều đại-khái của đờn bà khi kinh-nguyệt và cơn sinh-đẻ là đều rất quan-hệ mà nói, còn kỳ-dư biết bao nhiêu chứng bệnh hay xảy đến thình-lình kể sao cho xiết. Nên Bổn-đường có chế phương thuốc Khôn-Phụng này thiệt là một phương thuốc thượng-hạng thuốc đã hay lại hiệp sức diệu được và bào-chế kỷ càng, bao sắp làm hoàn-tánh được mỗi mỗi đều trùng theo cách điều kinh chưởng- ử rất nên thần hiệu, thiên-hạ khắp dùng đã lâu, rỏ là một phương thánh-dược trên đời nếu người cương mạnh mà thường dùng thuốc này thì chắc mạnh giỏi luôn luôn không hay đau vặt, còn còn bà có chồng thì mau sanh con, chí như đã có thai lại thêm bồi-bổ cho an-thai và giúp sức mạnh-mẽ đến con sanh đẻ, chẳng vậy mà thôi, đầu con gái mới lớn lên dùng thuốc này cũng hữu-hạnh lắm là thêm điều-hòa đường kinh, bồi bổ khí-huyết da thịt mịnh màng, thanh tươi nhan-sắc, thân-thể phương-phi, diệt trừ bá bệnh. Thiệt là một phương thuốc vệ sanh của đờn bà.

Trị những chứng

1 Đàn-bà khí huyết kém suy, đường kinh không tốt chậm con.

2 Đường kinh hư, hoặc khi nhiều khi ít trồi sụt không chừng

3 Bởi đường kinh không tốt biến ra chứng đau bụng.

4 Đường kinh bế, nghịch, hàn ói máu.

5 Đường kinh xấu huyết dợt đạt hoặc đỏ bầm.

6 Huyết bạch, huyết băng, thân thể ốm o, tinh thần giã dược.

7 Hoặc lo-lắng nhiều, mệt nhọc chân tay bãi hoãi.

8 Nghẹn, tức, đau lưng mỏi gối ăn không tiêu, nhức đầu, bụng dạ bàn hoàn, mặt mày xấy xám.

9 Thai bệnh, máy động chẳng êm thân-thể mỏi tê, tứ chi phát thũng.

10 Lúc sinh đẻ huyết dư còn lại, hoặc giàu (thai ý) ra không hết mà sinh bệnh.

Các chứng nói trên đây dùng đến thuốc Khôn Phụng này tức thì lành dã.

Mỗi một viên giá . . . . . 0 p. 40

Nguyên một hộp bốn viên giá. 1 50

Hôm trước tôi mua 5 hộp thuốc «phu-khoa khôn phụng-hoàn» cho vợ tôi dùng thiệt là mầu-nhiệm. vợ tôi năm nay đã 43 tuổi sinh đặng mười mấy đứa con, bởi thai nghén nhiều chứng bệnh huyết khí suy kém, xấy xám mặt mày, thân-thể bần-thần, nóng lạnh nhức đầu, mỏi gối đau lưng, ăn uống không ngon, đêm ngủ không an. Nay nhờ thuốc mầu-nhiệm của ông, vợ tôi dùng hết 5 hộp thì tiêu hết bệnh như tôi đã nói trên đây mà lại khỏe hơn hồi trước thập bội, mạnh-mẽ hơn xưa, thiệt là thuốc của ông rất nên thần-hiệu ; nên tôi chẳng nài quê kịch mà tạm đôi lời tỏ lòng cám ơn với ông và rất khen ngợi ông khéo lựa thuốc hay mà luyện chế thuốc « phu-khôn phụng-hoàn » chẳng có thuốc nào bì kịp. Luôn dịp xin ông chịu khó gởi cho tôi mua 15 hộp phụ-khoa khôn phụng-hoàn và 10 hộp kim-y-song- bổ-hoàn gởi contre-remboursement, rất cám ơn.

PHẠM-VĂN-DƯƠNG

Propriétaire à Phước-Thành Bacliêu

Tinh chê huê liễu hoàn *(Số 4)*

(Thuốc tiêu các giống độc)

Hằng tưởng hễ quá vui thì sinh buồn, nên người hay ham vui xấy bệnh chứng sang độc là một chứng rất hiểm-nghèo, thì hoặc nhơn nhiệt độc mà sinh, nhiều khi dùng không đúng thuốc, đau đi đau lại mãi mãi, vui một chốc mà chịu nhọc cả đời, khó cho tuyệt chứng sang-độc ấy, muốn cho tuyệt độc phải trừ căn, vì như dốn cây phải dức gốc nên bổn-đường chế phương thuốc tiêu độc này, chẳng luận lâu mau, hoặc mới phát, cả mình mọc mụn hoặc nơi dương-vật mọc mụn, đái gắt xương gối mỏi-mệ, châu-thân bãi hoải, lột da chơn, các chứng về sang độc, đen thuốc này tức thì hết lại trừ tuyệt nọc độc, khỏi đau đi đau lại nữa, và sức lực trở nên mạnh-mẽ như thường, thực là thần-hiệu hơn các thứ thuốc khác, lại dùng thuốc này sau khỏi lo bệ tuyệt-tự, (thuốc này kỵ thai).

Giá bán mỗi lọ 0p.80

Monsieur Ngô-quang-Sanh

CLERC D'HUISSIER A SADEC

à Monsieur A-ANH

Ích-Ngươn-Đường Saigon

Lời cho ông rõ : Tôi lấy làm khen thứ thuốc «Tinh-Chế Huê-Liễu-Hoàn của tiệm ông bào-chế, thiệt là thuốc rất hay. Tôi đã uống thuốc Tây thuốc Nam nhiều thứ mà không thấy hiệu-nghiệm chút nào, chừng uống thuốc của ông vô thì bệnh thuyên-giảm rất lẹ. Tôi cầu chúc cho mọi người nếu nhầm bệnh như vậy mà gặp thứ thuốc nầy dạng thiệt là rất có phúc. Nay tôi gửi theo đây một cái mandat 3 p. 20 và xin ông gởi lại lập-tức cho tôi bốn ve thứ thuốc đó dạng tôi uống tiếp theo. Tôi cầu chúc cho qui-đường dạng bền vững lâu dài, thạnh-vượng luôn luôn.

NGÔ-QUANG-SANH

N. B. — Tôi xin hỏi ông, như bệnh đã mạnh rồi muốn uống thuốc bổ lại, có thứ thuốc bổ chi hay, ông chỉ giùm cho tôi mua uống. Thứ thuốc bổ nào về bệnh đó cho thiệt hay, đắt bao nhiêu cũng không sao, miễn là thuốc thiệt hay thì thôi, ông nói cho tôi biết hoặc thuốc nước, thuốc hoàn hay là thuốc rượu cũng dạng.

NG. O. S.

廣東二天堂大葯房

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG

PHỤ-KHOA KIM-PHỤNG-HUỜN

Tiệm lớn tại Quảng-Đông tỉnh-thành. Một tiệm tại Nam-kỳ ở tại đường Canton số 38, Cholon

Extrait du Certificat délivré par l'Institut Pasteur de Saigon le 15 Octobre 1921 :

Ces préparations peuvent être considérées, toutes, comme des préparations ou substances de la Pharmacopée chinoise. Elles paraissent ne présenter aucun danger, à condition de se conformer, pour leur emploi interne ou externe, aux indications des notices ou des étiquettes. Enfin, elles sont en très bon état de conservation.

Sao lục tờ vi-bằng Institut Pasteur, Saigon ngày 15 Octobre 1921 chứng rằng :

Các thứ thuốc của tiệm tôi nói trên đây đều làm bằng mấy vị thuốc bên Trung-huê. Thuốc của tiệm tôi không có món chi làm hại hết, miễn là trong khi dùng hoặc uống hoặc thoa, thì phải cứ coi theo cái lời dặn hay là coi theo nhãn. Nói tắt một điều là thuốc của tiệm tôi để lâu chẳng hư.

Phàm đàn-bà khác hơn đờn-ông thì chỉ có hai điều : 1° đường kinh, 2° sanh đẻ mà thôi. Nếu hễ muốn sanh con thì trước hết phải lo cho đường-kinh đều đặng. Nếu đường-kinh chẳng đều thì khó mà có thai cho đặng, ấy là phần nhiều, gốc bởi ngoại-cảm, lục-dâm, hoặc tại ho, rầu, buồn-bực, ưu-huất trong lòng, làm cho khí-huyết hao-mòn, sanh nhiều chứng bịnh, đều cũng do nơi đường-kinh không đều mà ra.

Tiệm tôi đây, từ ngày đặng phương thuốc mầu-nhiệm của ông Tổ truyền lại đến nay, hằng gìn lòng giúp cho đời, lựa những thuốc tốt, gia công chế ra mà làm hườn, để trị cho các chứng-bịnh đờn-bà đều dùng đặng hết.

Còn như bình thời mà thường uống thuốc nầy, thì khí-huyết đầy đủ, chẳng hề sanh bịnh, mà rồi sanh con đẻ cháu cùng nhiều, chi như đờn-bà có thai mà uống thuốc nầy, thì lại đặng an thai bảo sản, chừng sanh con lại đặng mạnh mẽ nữa, ấy là một phương thuốc rất hay, để trị các chứng-bịnh đờn-bà hiệu-nghiệm như thần đó.

Chủ-trị các chứng kể ra sau nầy :

1° Đường-kinh hoặc trồi, hoặc sục, hoặc ít, hoặc nhiều ; 2. Bạch-đái, Bạch-dâm, ra hoài không dứt ; 3. Đường-kinh hoặc vàng dợt, hoặc đen bầm ; 4. Khí-huyết đều hư, đường-kinh không có ; 5. Hoặc đường-kinh ra nhiều quá, như muốn làm băng ; 6. Đường-kinh đi nghịch, sanh ra thổ huyết, trong bụng thì đau ; 7. Thân-thể chẳng yên, xây-xẩm mặt mày, ăn uống không tiêu ; 8. Đau lưng, mỏi cẳng, vàng mét, ốm gầy ; 9. Thai động chẳng yên, trong bụng đau hoài ; Đẻ rồi ứ huyết mà đau, hoặc lá-nhao không ra.

Cách dùng : Mỗi ngày phải uống 1 huờn, uống với nước trà Tầu. Còn đờn-bà để thì phải dùng nước đái con nít mà uống với thuốc.

Cử kiêng : Những đồ sống-sít, lạnh-lẽ, cùng là đồ rang-nướng, nóng-nẩy, độc-địa chẳng nên dùng.

Mỗi hộp 2 huờn giá là . . . 1p.00

Xin các vị có mua thì phải nhìn cho kỹ cái hiệu NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG có hình ÔNG PHẬT, kẻo lầm đồ giả.

Như chư-vị ở đàng xa xuôi mà muốn dùng thuốc chi xin viết thơ gởi cho tiệm tôi rõ, thì tôi sẽ gởi thuốc lập tức, mà gởi contre-remboursement, nghĩa là đem tiền lại nhà thơ mà lĩnh thuốc. Còn để bao thơ như vầy ;

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG

Pharmacie Asiatique

Rue de Canton, n° 38 CHOLON

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MEUBLES ET CARPETTES EN JONC RETORS

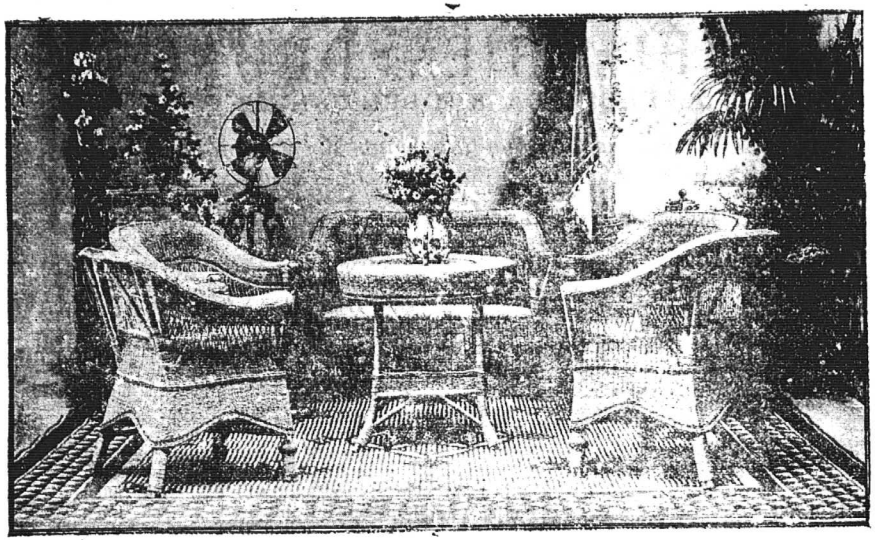

CHÂNTHỤY, 6, Quai Clémenceau, Hanoi

COMPAGNIE DE COMMERCE ET DE NAVIGATION D'EXTRÊME-ORIENT

ALLATINI & Cie

36, rue Harmand, HAIPHONG

1° Bán gia đóng giầy
của các nhà thuộc-gia đã có danh-tiếng bên nước Pháp tại tỉnh STRASBOURG.

Gia boxcalf, gia chevreau, gia vachette vernie, gia ác, gia cổ giầy (giầy mỏng đủ các hạng và các mùi).

Sắp sang gia đế cả cuộn, kiểu giầy, đinh đồng, và chỉ khâu giầy. Lại bán cả các thứ gia cần dùng, như gia làm cương ngựa, yên ngựa, làm đồ gỗ và các giầy chạy máy.

2° Bán rầu máy, hiệu TEXAS OIL ở CITY.

Thứ Summer Black : bán lẻ p. **0.30**, *bán cả thùng p.* **0.275** *một cân.*

3° Đồ dùng về ngày tết Annam.

Rượu mùi, rượu mạnh và các thứ khác.
Kẹo và mứt mới ở bên tây sang đủ các thứ.

AI CẦN DÙNG MUA XIN HỎI TẠI :

Haiphong : số nhà 36 phố Harmand, và Hanoi số 33 phố Đồng-Khánh.

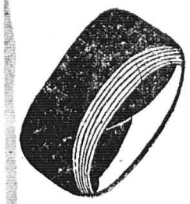

AU BONHEUR DES TONKINOIS

HAI-CHINH

53, 74 et 76 rue du Pont-en-Bois

HANOI



Nhà chế-tạo ra các kiểu mũ và các thức khăn sếp sẵn, xuất-hiện đã 10 năm nay được nhiều cái quang-cảnh hân-hạnh như sau này :

Hoàng-Thượng ban kim-tiền.

Nhà-nước thưởng médaille chương-mỹ bội-tinh.

Hội Ái-Mỹ tặng những bằng khen ngoại hạng (Hors concours).

Nghề làm mũ và khăn của bản-hiệu cũng suy xét được nhiều, dùng toàn thợ khéo làm rất kỹ lưỡng mà hợp-thời-trang ; giá bán phải chăng, qui-khách mua buôn hay mua lẻ xin cứ gửi thơ cho bản-hiệu và gửi cho một phần tiền đặt trước ; tiếp được thơ xin gửi ngay theo cách lĩnh-hóa giao-ngân đi tỉnh nào cũng được.

Nay kính : **HAI-CHINH**

TA NÊN DÙNG ĐỒ NỘI-HÓA

Hiệu CHÂN-THỤY *ở số 4 Phố Mới Hanoi (4 Rue Jean Dupuis Hanoi) có bán đủ các thứ màn chẳng, màn gọng, màn cưới, đủ các mùi. Cũng ở phố ấy số 13 và đường Bờ sông số 6 (6 Quai Clémenceau Hanoi) hiệu ấy lại chuyên cả nghề làm chiếu bằng các thứ cói se nữa. Đồ nội-hóa chế ra theo lối kim-thời đã rất khéo, rất đẹp, lại rất tốt, rất bền, ta nên dùng.*

Các ngài ở xa có lòng chiếu-cố đến xin viết thư cho bản-hiệu hay là cho ông ĐÀO-THAO-CẢNH *Tổng-thư-ký tòa tạp-chí* HỮU-THANH *ở số 58 phố hàng Bông Hanoi (58 Rue du Coton Hanoi) cũng được.*

CHÂN-THỤY cẩn-bạch.

HOTEL DE LA MARINE

(NAM-LỢI KHÁCH-SẠN)

76, Avenue Paul Doumer, Haiphong

Hàng cơm tây to nhất của người Việt-Nam ta chủ-trương.

Ăn tháng, ăn bữa, đặt tiệc đến 500 người. Bản-hiệu lúc nào cũng sẵn sàng thừa-tiếp không phải chờ đợi.

Có phòng cho thuê tháng, thuê ngày, đủ cả quạt và đèn điện.

Lại có xe ô-tô đón khách.

HÃNG TẦU CHẠY SÔNG Ở BẮC-KỲ

F. SAUVAGE, Armateur

SERVICE SUBVENTIONNÉ

Nhà giấy — Số 138, Phố Bờ Sông — Hanoi.

GIỜ TẦU CHẠY

ĐƯỜNG HANOI — TUYEN-QUANG

Lúc đi và lúc về đỗ ở :
Sơn-tây, Viétri, Thum, Phan-lương, Lemy, Kim-xuyên, Phủ-đoan, Đĩa,

ở Hanoi lúc đi	Đến Tuyên-quang
Lúc đi	
Thứ hai Thứ tư Thứ sáu Hồi 10 giờ sáng	Thứ ba Thứ năm Thứ bẩy Hồi 6 giờ sáng
ở Tuyên-quang Lúc đi	Đến Hà-nội
Lúc về	
Thứ hai Thứ tư Thứ sáu Hồi 7 giờ sáng	Cũng trong một ngày Hồi 6 giờ chiều

NHỜI DẠN : Tầu ở Hanoi chạy hôm thứ hai, thứ tư và thứ sáu, thì đỗ ở Viétri để sáng hôm sau hồi 5 giờ thì chạy Tuyên-Quang.

ĐƯỜNG HANOI — CHỢ-BỜ

Lúc đi và lúc về đỗ ở :
Sơn-tây, Viétri, Trung-hà, Laphủ, Tu-vu, Đac-bong, Hòa-bình.

ở Hanoi lúc đi	Đến Chợ-bờ
Lúc đi	
Thứ ba Thứ bẩy (Từ tháng giêng đến tháng 5 tây thôi) Hồi 10 giờ sáng	Thứ tư Chủ nhật (Từ tháng giêng đến tháng 5 tây thôi) Hồi 6 giờ chiều
ở Chợ-bờ Lúc đi	Đến Hanoi
Lúc về	
Thứ năm Thứ hai (Từ tháng giêng đến tháng 5 tây thôi) Hồi 7 giờ sáng	Cũng trong một ngày Hồi 6 giờ chiều

NHỜI DẠN : Tầu chạy ở Hanoi ; hôm thứ ba và thứ bẩy, đỗ một đêm ở Viétri để sáng hôm sau hồi 6 giờ thì chạy Chợ-bờ.

ĐƯỜNG TUYEN-QUANG — CHIÊM-HÓA

Lúc đi và Lúc về đỗ ở :
Song-Gam, Ngoi-cham, Phò-Trinh

Tuyên-Quang lúc đi	Đến Chiêm-hóa
Lúc đi	
Thứ tư và Chủ-nhật Hồi 7 giờ sáng	Cũng trong một ngày Hồi 3 giờ chiều
Lúc về	
Thứ ba và Thứ năm Hồi 6 giờ sáng	Cũng trong một ngày Hồi 9 giờ sáng

Từ tháng năm đến tháng chạp tây thôi.

ĐƯỜNG TẦU THƯƠNG-MẠI

Đường Haiphong — Hanoi

Haiphong : Những lúc đi cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Đường Haiphong, Nam-định và Hanoi — Nam-định, Haiphong và Hanoi thì khi nào cần đến mới phải chạy mà thôi

Hàng hóa thì phải xếp xuống tầu ít là trước khi một giờ tầu chạy.

Nhận hàng chở thẳng tới tận bến hay là dỡ hàng cả các chỗ mán-xế

Nộp hộ thuế thương-chính, trữ hàng — Cho thuê tầu cả chuyến hay chở các phà các thuyền hàng

Tổng-cục : Haiphong

Đường Hanoi — Haiphong

Hanoi : Những lúc đi. Cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Các chi-quán : Sơn-tây, Viétri, Tuyên-quang và Chợ bờ

Năm thứ ba N° 38 15 Février 1923

HỮU-THANH

PHÁI HÁN-HỌC VÀ PHÁI PHÁP-HỌC

Nước ta hiện nay cựu-học một ngày một bỏ dần, tân-học càng ngày càng mở rộng, cựu-học đã bỏ dần thời phái Hán-học sẽ một ngày một ít, tân-học càng mở rộng thời phái Pháp-học sẽ càng ngày càng nhiều. Phái Hán-học ngày nay gần lụn như một phái nhàn-tản, không quan - thiết đến sự tiến-hóa của xã-hội nhàn-quần, mà phái Pháp-học thời hiện đương theo đuổi trên đường văn-minh, vận-mạnh nước ta sau này ai cũng hão là quan-hệ ở đó. Phái Pháp-học và phái Hán-học lên nào trong bọn, thời hiện nay không nói chắc ai cũng rõ. Song ta cứ xét kỹ ra mà xem : truyền-bá văn - minh vẫn là nhờ ở Pháp-học, mà bảo-tồn quốc-túy lại cũng cần phải nhờ ở Hán-học nhiều, vậy thời đương buổi phong-hóa cũ dần suy, tinh-thần mới chưa đủ này, Pháp-học, Hán-học đều phải coi trọng, thời phải Pháp-học cũng phải Hán-học còn lại bây giờ đều nên coi trọng cả. Muốn cho rõ lẽ hai phái ấy vì sao mà nên trọng và làm thế nào cho được trọng, thời luận - giả xin bàn ra sau đây :

Pháp-học càng trọng thời phái Pháp-học càng phải coi trọng

Dân ta đối với Pháp-học tất phải càng ngày càng trọng, lẽ đó ai mà chẳng biết. Đại-Pháp bảo-hộ ta, muốn dìu-dắt cho ta lên đường văn-minh, nên mới đem cái học-thuật văn-minh mà truyền-bá. Truyền-bá cái học-thuật văn-minh của Tây-Âu là cốt nhờ chữ Pháp cả, ta theo học người tất phải hiểu rõ ngôn-ngữ văn-tự của người thời học mới thành. Vậy Pháp-học nếu càng ngày càng lan rộng mãi ra, càng ngày càng nhiều người hiểu rõ, thời đường học - thuật trong nước lại

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

càng thêm tiến-bộ. Ta thử tròng lại trong khoảng mươi, mười lăm năm gần đây: sự Pháp-học ở nước ta tấn-tới biết là bao nhiêu! Trước kia các ông Pháp-học do trường trung-đẳng xuất-thân cũng còn là ít, mà gần đây do các ban Cao-đẳng xuất-thân cũng đã nhiều người, những người ấy đều là những người Pháp-học thành-tài ra ứng-dụng với đời cả vậy. Coi đó biết Pháp-học đã trọng, nên mới được lắm người hữu-dụng ở xã-hội như thế. Song cái trình-độ nước ta sau này muốn cho tiến lên nữa, thời được những người Pháp-học thành-tài như ngày nay cũng chưa là đủ, vì ta theo học cái văn-minh Đại-Pháp, tất phải sao cho học được đến nơi đến chúng, vậy sau này sao cho được nhiều tay khoa-học kỹ-sư, nhiều nhà đại-triết-học, đại-chính-trị để tiện diễn-dịch cái văn-minh thực-dụng của Âu-châu mà truyền-bá cho người mình, thời cái văn-minh mới chắc có phần mong được. Có những cái mong như thế, cho nên bảo là càng phải trọng về Pháp-học, càng phải coi trọng Pháp-học.

Hán-học còn trọng thời phái Hán-học cũng còn phải coi trọng

Phái Hán-học ở vào bây giờ mà bảo còn phải coi trọng, thời không những trong đám Pháp-học có nhiều ông không tin, mà chắc trong bọn cựu-học nhân-tân cũng có nhiều ông không cho là thực. Vậy thời người kiến-thức muốn biết phái Hán-học vì sao mà còn trọng thời nên xét về Hán-học đối với dân ta trước.

Hán-học là quốc-túy của ta, gây dựng cho ta thành nước văn-hiến kể đã mấy nghìn năm nay, dẫu cho rằng sau này văn-minh tiến-hóa đến đâu, nhưng cái đạo-lý cũ của ta chắc cũng không tài nào mà bỏ được. Thực vậy, ta nay đối với gia-đình còn biết hiếu-thuận với bậc phụ-huynh, đối với hương-đảng còn biết kính-nể những người tôn-trưởng, ra đối với nước còn biết tôn-quân thân-thượng, há chẳng phải là nhờ ở cái tinh-thần của Hán-học ru? Cái tinh-thần ấy chắc đến muôn đời cũng không có thể tiêu-diệt được vậy. Ấy, còn có cái tinh-thần Hán-học đó, thời những phái đã học Hán-học mà còn lại bây giờ vị-tất đã là vô-ích cho nhân-quần cả: Vả, quốc-văn ta hiện nay muốn cho phát-đạt tất phải có chữ Hán điểm-nhiễm vào mới đủ tài-liệu, lại phải có cái tinh-thần Hán-văn dung-hợp vào mới nên văn-chương. Như vậy thời phái Hán-học mà giúp được vào phần quốc-văn cũng lại là một sự có ích nữa.

Nhưng luận-giả nói phái Hán-học còn phải coi trọng, không phải là kiêm nói cả những ông Hán-học đứng ngoài thế-cục bây giờ đâu. Những ông Hán-học đứng ngoài thế-cục ngày nay mà trước-thư, lập-ngôn truyền lại về sau, vị-tất đã là vô-bổ. Song hãy nói ngay những người hiện còn có trách-nhiệm trong nước: ta thử xem các bậc lão-thành ở trong hoàn-giới, há chẳng phải có nhiều ngài nước nhà còn phải coi trọng ru? Những bậc ấy phẩm-cách, phong-thái thực đủ làm gương cho người sau cả, mà tức là phái Hán-học còn lại đó! Huống nữa lại còn phần nhiều người trong học-giới ngày nay, đều là ở phái Hán-học mà ra, đều có thể đảm-nhiệm được một phần công-việc trong xã-hội, không đến nỗi phụ với cái học bình-sinh cả. Ôi! cứ coi như thế, thời bảo phái Hán-học còn phải coi trọng tưởng cũng không quá.

Cái lầm của phái Hán-học và phái Pháp-học đối với nhau.

Luận-giả trên kia đã bàn rõ hai phái đều phải coi trọng, nay muốn bàn đến lẽ người trong hai phái ấy làm thế nào cho được đáng trọng, thời trước hết hãy xin thuyết-phá cái lầm của hai phái đối với nhau xưa nay.

Trong xã-hội ta lâu nay phái Hán-học và phái Pháp-học công-nhiên chia ra làm hai. Trong phái Hán-học thời phần nhiều người cho phái Pháp-học là nhố-nhăng, mà trong phái Pháp-học thời phần nhiều người cho phái Hán-học là hủ-lậu; kẻ nòng-nổi ra thời công-kích lẫn nhau, người có kiến-thức tuy không công-kích nhưng trong lòng cũng vị-tất đã không kì-thị. Cứ bình-tĩnh mà xét, thời có lẽ bởi phái Hán-học nhiều người tự-phụ là đạo-đức hơn, mà phái Pháp-học nhiều người tự-phụ là văn-minh hơn, cho nên mới thế. Ôi! thực là một cái lầm của hai phái rất to vậy! Phàm muốn xem xét một đảng-phái nào, không nên lấy một vài người mà nói chung cả, cái lý-thuyết đó mấy nhà đại-ngôn-luận bên Trung-hoa như ông Thẩm-Nhạn-Băng, ông Tôn-Trung-sơn đều đã bàn rõ. Nay phái Hán-học và phái Pháp-học phái nào cũng phải có kẻ hay người dở; lấy cái dở của phần ít người trong một phái mà bảo là cái dở chung của cả một phái, sao nên?

Phải, phái Hán-học cũng có người hủ thực; cứ lấy cái nhân-vật thời nay mà so-sánh thời lại càng cho là hủ thực! Song như những người hiện có công việc trong xã-hội như là đã nói trên kia, há bảo là hủ cả được ru? Vả trông thấy những ông nho-học lỡ thời linh-tinh ở các nơi: dở thằng dở

ông, cầy cuốc không xong, gánh gồng không nổi, khăn áo cũ kỹ, đáng điệu quê mùa, mà cho là hủ, thời nên xét rằng: cái hủ ấy là do ở bọn họ bất-đắc-thời mà ra, không phải là cái hủ của phái Hán-học truyền-nhiễm mà nên hủ vậy. Trông thấy những anh đoán thể, những anh viết thuê cũng là những chú đi tân-tự, thời lại nên xét rằng: bọn họ chẳng qua đội lốt nhà nho để tìm kế hồ-khẩu đó mà thôi, nếu ta vội nhận là nho, thời có khác gì trông thấy những cậu chỉ tốt mã bề ngoài mà ta vội nhận ngay là Pháp-phái? Ấy là nói cho vỡ cái lầm về nhận phái Hán-học là hủ. Nay lại xin nói cho vỡ cái lầm về nhận phái Pháp-học là nhố-nhăng:

Phái Pháp-học mà bảo có nhiều người nhố-nhăng, là chỉ tại có nhiều kẻ đội lốt Pháp-học cũng là nhiều kẻ hiểu Pháp-học chưa được mấy. Xã-hội ta ngày nay thực nhiều những kẻ như thế; nếu ta không xét kỹ ra mà cứ cho là phái Pháp-học cả, thành ra lầm mất! Ta nên biết: xã-hội ta đương lúc coi trọng Pháp-phái, cho nên những kẻ kia mới khoác lấy cái vỏ Pháp-phái để cho người ta trông bề ngoài mà trọng mình, kỳ-thực thời có kẻ một câu tiếng Pháp nói không nổi, có kẻ một chút tinh-thần Pháp-học không có; trách nào cử-động chẳng sai lầm mà khiến cho người ta phải chướng mắt khó coi? Ta cứ xem ngay những ông Pháp-học thâm-thúy có bao giờ như thế đâu? Vậy thời ta có lẽ nào bảo phái Pháp-học là nhố-nhăng cả được. Vả lại không những xét về các ông Pháp-học đã thực thâm-thúy, ta hãy xét ngay những ông có công-phu về Pháp-học trong 4, 5 năm ở trường Trung-đẳng mà ra, có phải cũng đã có nhiều ông có học-thức và có tư-cách lắm không? Như thế thời ai bảo trong phái Pháp-học ít người đáng yêu đáng trọng?

Luận-giả nói xong mấy lẽ đó, nay lại xin lấy lòng công-bằng mà bàn thêm: Hán-học và Pháp-học đằng nào cũng là hay, nhưng nếu học không đến nơi thời tất là có dở. Hay dở đều là tự người học cả. Còn như bảo phái này đạo-đức hơn, phái kia văn-minh hơn, thời thiết-tưởng có ai học được thực đến nơi đến chốn, họa may mới tự-phụ được như thế.

Vả chăng, nếu bảo là đạo-đức hơn thời cái đạo-đức ấy phải làm thế nào cho có bổ-ích đến phong-hóa; nếu bảo là văn-minh hơn thời cái văn-minh ấy lại phải làm thế nào cho có bổ-ích đến nhân-quần thời mới được. Muốn cho có bổ-ích đến phong-hóa, bổ-ích đến nhân-quần, thời hai phái đều cần phải làm hết nghĩa-vụ.

Nghĩa-vụ của phái Hán-học ngày nay thế nào?

Hán-học ngày nay đã là một cái học cũ, đã là một cái học không phải thời-thượng nữa, thời đối với sự tiến-hóa của xã-hội tựa như không còn giúp được phần nào. Vậy phái Hán-học ngày nay không tỉ được với phái Hán-học ngày xưa, nghĩa là cứ độc đem hết cái học bình-sinh của mình ra mà dụng-thế. Tuy vậy, quốc-túy của ta còn ở Hán-học, thời « bảo-tồn quốc-túy» trách-nhiệm ấy ở phái Hán-học càng to. Có trách-nhiệm ấy tức là có nghĩa-vụ vậy. Huống nữa là hiện-thời các khoa-học văn-minh ở Hán-học diễn-dịch ra cũng nhiều, nếu phái Hán-học chịu tra-xét cho kỹ để hoặc dịch hoặc thuật cho người mình xem, thời vị-tất đã không phải là một sự có ích cho đường tiến-hóa. Thế cho nên nghĩa-vụ của phái Hán-học bây giờ cần phải:

1° Đem những cái đạo-học cũng là những luân-lý cũ mà diễn-dịch ra cho xác-đáng, rõ-ràng, lại phải lựa chọn thế nào cho hợp-thời và thiết đến nhân-tâm để cho người đọc, người nghe đều dễ biết, dễ cảm mà noi theo được cả. Ấy là một sự có ích cho thế-đạo đó.

2° Nghiên-cứu những báo Tàu, sách Tàu gần đây cũng là những khoa-học Âu-châu mà người Tầu đã dịch thời đem dịch ra quốc-ngữ cho thật kỹ-lưỡng, vì người Tàu hiện nay sự học đối với các nước văn-minh tuy còn kém, nhưng kẻ cũng còn hơn mình nhiều: các báo Anh, Mỹ họ đã có người dịch nổi, các khoa-học Tây-Âu họ đã có người dịch ra, nay ta lại nhân ngay của họ đã dịch mà dịch cho người mình suy xét, thời tưởng cũng là một cách gián-tiếp để giúp vào đường học-thuật văn-minh ngày nay đó.

3° Lưu-tâm về quốc-văn. Bởi mình đã hiểu chữ Hán, đã có cái tinh-thần của Hán-văn, thời dùng làm quốc-văn thường dễ. Nay phải tìm nhặt cho đủ những chữ Hán nào mà quốc-âm ta phải mượn dùng đến, cùng là những chữ gọn-gàng rõ nghĩa mà người làm quốc-văn không thể bỏ được, thời đem dùng ra quốc-văn cho quốc-âm ngày một thêm giầu lên, nhất là góp thành được bộ tự-điển quốc-âm mà chú-dẫn và sắp đặt cho rõ thời lại càng hay lắm. Còn về sự làm văn thời lại phải lựa đem cái tinh-thần Hán-văn bỏ vào, sao cho văn có lời lẽ, có ý-vị, có âm-hưởng êm-đềm để cho thành được văn-thể mà người tập làm văn có thể noi theo, thời sự xây nền quốc-văn sau này, phái Hán-học tất cũng có công vào đó. Này, ở các trường Sơ-đẳng, Trung-đẳng, cho chí trường Cao-đẳng bây giờ tuy còn có dạy chữ nho, song cốt vì quốc-văn mà học chữ

nho thời là phần nhiều. Lại cũng có ít nhiều ông đã do Pháp-học xuất-thân mà nay cũng thích học chữ Hán, mục-đích cũng là vị quốc-văn đó. Người có trách-nhiệm về dạy chữ Hán tất cũng hiểu rõ mà khéo lựa dạy thế nào cho giản-tiệp để chóng có bổ-ích vào quốc-văn mới phải. Ôi! nghĩa-vụ của phái Hán-học về sự bồi-thực quốc-văn thực lại càng to!

Nói cho thêm rõ ra, phái Hán-học ở thời nay: ông nào học đã thâm-thúy quảng-bác thời nên trước-thư lập-luận để giúp cho đời và truyền lại về sau. Còn thông-thường thời ai ai cũng nên lưu-tâm về quốc-văn và dịch-thuật các sách cũ sách mới.

Vả, đương lúc Hán-học còn thịnh, những sách ta học nhiều người đọc đến thời mới là cũ; vào lúc Hán-học đã bỏ, những điều ta học đem mà diễn ra thời lại là mới..... Các nhà Hán-học nếu chịu khó kê-cứu lại những điều hay ở trong các sách ngày trước cho khỏi sao-nhãng, thời ít lâu nữa Hán-học một ngày một ít, ta sẽ trở nên người học cực-kỳ uẩn-súc cũng nên!..... Nghĩa-vụ của phái Hán-học ở vào lúc này lại càng nên tự coi Hán-học là trọng mới phải.

Nghĩa-vụ của phái Pháp-học ngày nay nên thế nào?

Sự tiến-hóa của nước ta ngày nay cùng mai sau đều phải nhờ ở Pháp-học. Người học chữ Pháp tức là noi theo Pháp-học để bước lên con đường tiến-hóa đó. Vậy cái nghĩa-vụ lại càng to-tát lắm. Ai cũng biết rằng nay ta theo học chữ Pháp là để theo thời mà lập công-danh, nhưng lại nên biết rằng có công-danh tức là phải có nghĩa-vụ, vì sau khi học thành mà ra gánh vác công việc với đời, thời phải làm thế nào cho có ích đến nước, có lợi cho dân chứ không phải là cứ có ích riêng cho thân-gia mà bảo là người đã có công-danh được vậy.

Trong phái Pháp-học cũng không phải không có những ông lỡ thời, không có những ông vì cảnh-ngộ mà không học được đến nơi đến chốn. Đã lỡ thời và không học được đến nơi đến chốn thời khó lòng mà làm cho trọn được nghĩa-vụ, lẽ đó hoặc cũng có. Song tưởng đã gọi được là có chút học-thức có ít công việc thời cũng cứ phải ăn ở cho ra người có học và hết lòng đối với công việc mình, sao cho không hại đến danh-dự một nước, ấy tức cũng là giữ được cái nghĩa-vụ đó.

Nhưng lại lấy sự hiển-nhiên mà nói, thời buổi này các ông Pháp-học lỡ thời vẫn là phần ít, mà những ông Pháp-học đắc-thời vẫn là rất nhiều, vì quí Chính-phủ đã đem Pháp-học

mà truyền-bá, để cho dân ta chuyên theo Pháp-học mà tiến, cho nên những khoa-học phổ-thông cùng những ban học chuyên-môn, mỗi năm kén người vào học và lấy người tốt-nghiệp kể biết bao nhiêu! Các ông đã do những ban học ấy mà xuất-thân đều là những ông học đã thành-tài và sau này sẽ nhận lấy các công-việc to-tát trong xã-hội cả. Trách-nhiệm của các ông ấy như là ông nào có trách-nhiệm giáo-dục thời phải hết lòng dạy bảo kẻ dưới, ông nào có quyền chính-trị thời phải hết lòng trị-an cho dân, cũng là ông nào có trách-nhiệm về y-tế thời phải hết lòng cứu-giúp người, vân vân..... nếu lại nhất-nhất đem mà bàn cả ra thời cũng là thừa, vì ai có trách-nhiệm tất cũng tự biết, không cần phải nói. Nay chỉ xin nói về cái nghĩa-vụ chung của các ông Pháp-học đã thành-tài mà thôi.

Nước ta muốn được văn-minh, thời phàm các việc văn-minh đều cần phải có. Các ông đã đảm-nhiệm được cái công-việc văn-minh thời công-việc các ông rất là quan-hệ với nước. Vậy thời nghĩa-vụ các ông đối với công-việc, cần phải trông người nước văn-minh mà theo cho kịp lên, chớ có nên trông lại người mình mà lấy làm tự-túc: vì không theo được kịp người văn-minh thời công-việc khó lòng bổ-ích cho nòi-giống, đối với người mình mà lấy làm tự-túc, thời dễ sinh ra tính kiêu-căng. Như vậy sao là nghĩa-vụ?

Vả, nhà-nước Bảo-hộ đem học-thuật văn-minh dạy ta, người đã được học được biết, dạy lại người sau thời mới dễ và chóng. Vậy nghĩa-vụ các ông Pháp-học tiến lên một bước lại nên trông lại người sau, nghĩ tới người sau, để dắt người sau theo dần lên, thời mới càng là đáng trọng.

. . .

Đã kể hết cái nghĩa-vụ của hai phái, luận-giả nay xin kết-luận.

Thế-giới còn phải trọng nhân-đạo thời đạo-đức cũ ta còn cần phải giữ, nhân-quần cần phải mong tiến-hóa, thời văn-minh mới ta lại cần phải theo. Bởi hai lẽ đó, cho nên Hán-học và Pháp-học nước ta đều cần phải trọng, mà phái Hán-học và phái Pháp-học đều cần phải có nghĩa-vụ cả. Song Hán-học đã sẵn có đạo-đức, Pháp-học đã rộng đường văn-minh thời hai đằng có dung-hợp cùng nhau, mới càng bổ-ích cho sự học một nước. Vậy thời phái Pháp-học và phái Hán-học nên liên-lạc cùng nhau để cùng giúp vào sự học thời mới phải.

Xưa nay hai phái đó chưa từng có thấy liên-lạc cho thành đoàn-thể bao giờ, mà bởi những cớ đã nói trên kia, thường lại chia đảng công-kích nhau cũng có. ôi ! thật là một sự đáng tiếc !

Phàm vật-lý trong thiên-hạ không biết thế nào là cùng, mà cái kiến-văn con người ta thường chỉ có hạn, vậy phải hợp cái kiến-văn của mọi người mới thành được điều hay. Huống chi cựu-học, tân-học mỗi đằng một khác, song cái chí-lý vị-tất đã khác, vả dẫu có khác nữa ta lại cần phải dung-hợp lại mà cùng xét cùng so-sánh thời mới thêm nảy ra được chân-lý. Ấy là hai phái liên-lạc cùng nhau, có ích cho sự học như thế.

Trước kia ta theo Hán-học là học nhờ người, ngày nay ta học Âu-học là cũng theo học người, vẫn hay rằng sách vở của người mà học cho được khắp, học-thuật của người mà theo cho được tới nơi, cũng là tuyệt khó. Song nay nhờ có quốc-ngữ tiện-dụng, ta nhân cái học của người mà kê-cứu và suy nghĩ, để soạn ra sách vở làm một cái học riêng cho ta, há chẳng là một sự hay ru ? Vậy muốn có sự soạn sách như thế thời lại cần phải có hai phái liên-lạc cùng nhau để châm-chước, tìm xét, mới hợp với thế-đạo, hợp với trình-độ người mình, mà có thể hoàn-toàn được vậy.

Song nói cho phải, thời phái Hán-học nên biết cái học của mình còn có cái sai lầm, còn có cái khuyết-lược, ngày nay muốn giúp vào sự học cũng phải nhờ có phái Pháp-học bổ thêm vào thời mới nên. Còn như phái Pháp-học cũng nên biết cái học văn-minh hoặc mình chưa thấu hết, thời cũng có nhiều lẽ phải, nhiều điều hay, còn phải theo về Hán-học..... Hai đằng cùng nghĩ được như thế, thời tức là có thể liên-lạc được đó.

Học-hội bây giờ đã có người xướng-lập, « người trong hai phái cùng chung hội » thời sự liên-lạc sau này chắc có phần mong. Trước hết hãy mong: hai phái đều không kỳ-thị nhau, mà nghĩ sao cho cùng trọn nghĩa-vụ.

TRỊNH-ĐÌNH-RỰ

Nhân-tâm thế-đạo suy kém bởi đâu ?

Gần đây nhiều người thường nói đến cái hại của văn-minh. Có người bảo rằng nhân-tâm trụy-lạc là bởi tự cái văn-minh về vật-chất tiến-bộ mà ra. Có kẻ bảo rằng cái văn-minh về thế-kỷ thứ hai mươi này tất rồi hãm người ta vào vòng cầm-thú. Những người nói thế, đều cho rằng nhân-tâm trụy-lạc là cái kết-quả trực-tiếp của văn-minh tiến-bộ sinh ra, chưa từng có ai phản-đối lại bao giờ, vì rằng ai cũng đều nghĩ như thế cả, song xét cho kỹ ra, thì có lẽ không phải thế. Nay thử nói cái đại-yếu ra đây, tưởng những kẻ ưu-thế cũng không đến nỗi cho là nhảm tai vậy.

Thế-đạo suy-đồi, nhân-tâm trụy-lạc, đó là những cái sự thực ngày nay không thể vãn-hồi được nữa rồi. Hoặc có kẻ lo cho thế-đạo, hoặc có kẻ than về nhân-tâm, hoặc có kẻ bàn đến phẩm-tính, hoặc có kẻ chủ về nhân-cách, đó toàn là những cái xác-chứng về nhân-tâm thế-đạo suy kém cả. Tuy vậy, những kẻ ưu-thế như vậy vẫn chẳng thiếu gì, nhưng làm sao cho trừ được những cái tệ về nhân-tâm thế-đạo kia, thì nghe như khó lắm. Đại-phàm muốn trừ một cái tệ gì, thì trước hết phải tìm xem cái nguyên-nhân nó bởi tự đâu mà ra, nếu không cùng-cứu được cái nguyên-nhân ấy, hoặc cho cái không phải là chân-chính nguyên-nhân làm nguyên-nhân mà vội đã làm phép kiểu-chỉnh ngay, thì cái kết-quả chẳng những không ích gì mà về sự phát-triển của dân-tộc lại sinh ra những điều phương-hại không thể vãn-hồi được.

Ngày nay nhiều người cho rằng nhân-tâm trụy-lạc là bởi tự văn-minh về vật-chất tiến-bộ mà ra, đó là bởi cớ gì ? Chẳng qua là thấy từ khi cái phong-trào duy-tân tràn sang đến nước ta tới nay, văn-minh về vật-chất tiến-bộ đã nhiều, nhân-tâm trụy-lạc cũng lắm, thì cho rằng một đằng là nguyên-nhân, một đằng là kết-quả. Nhưng hai cái sự thực đồng-thời sinh-xuất ra, tuy vẫn thường có quan-hệ với nhau thực, song thường cũng lại có khi tuyệt nhiên không có quan-hệ gì ; nếu cứ thấy hai cái sự-thực xảy ra đồng-thời mà cho ngay rằng nguyên-nhân đó kết-quả đó, thì nhiều khi lầm to. Bảo văn-minh vật-chất là nguyên-nhân của sự nhân-tâm trụy-lạc, cũng là cái lầm đó. Ta hãy xem như nước ta trong vòng vài ba mươi năm trở lại đây, tuy về đường vật-chất cũng có nhờ nhà-nước Bảo-hộ mà tiến-bộ được đôi chút thực, nhưng nói đến văn-minh thì thực chưa gọi là văn-minh được. Thế mà xét đến nhân-tâm trụy-lạc, thế-đạo suy-đồi thì cũng có phải mới tự trong vòng vài ba mươi năm nay đâu ; trước kia trong xã-hội ta cũng chẳng thiếu chi những sự trái ngược đạo-đức, bại-thương luân-lý, song vì ta không được trông thấy trước mắt và việc xảy ra đã lâu ngày ta không biết hết hoặc là ta quên nhãng đi mà thôi. Vậy nay nếu ta cứ đổ tội cho văn-minh vật-chất tiến-bộ mà làm hư-hỏng cả thế-đạo nhân-tâm, thì thực là lầm. Cho nên ai có lòng ưu-thế mà muốn bổ-cứu cho thế-đạo nhân-tâm thì phải xét kỹ mà tìm cho ra cái nguyên-nhân chung-cực, họa may mới mong có cách bổ-cứu được.

Vậy thì nhân-tâm trụy-lạc, thế-đạo suy-đồi, cái nguyên-nhân chân-chính là tự đâu ? Xét cho kỹ ra là tự cái chế-độ xã-hội, mà cái khuyết-điểm về chế-độ tài-sản lại là cái

nguyên-nhân trọng-yếu hơn nữa. Loài người có một cái tính từ lúc sinh ra đã có, là cái tính không đoái nhìn đến kẻ khác phải uỷ-khuất kém mình. Như hạng người lên xe xuống ngựa, cứ quanh năm được ngồi yên chễm-chện, có đoái đâu đến những kẻ phải mỏi cẳng chồn chân đi bộ ở trên con đường trường ; những kẻ phong-lưu, cao-lương mĩ-vị chẳng thiếu thức gì, có đoái đâu đến những kẻ một bữa không có mà ăn, tay làm không đủ hàm nhai. Đó là kể qua mấy cái chứng hiển-nhiên về cái tính của người ta không hay cố-tuất đến kẻ khác. Mà thực thế, người ta vô-luận hạng người nào cũng đều có cái tính ấy cả. Thế mà họp bao nhiêu những người ấy lại làm một xã-hội, thì cái xã-hội ấy êm-ái hòa-bình thế nào được? Muốn kinh-doanh cái cách sinh-hoạt của xã-hội cho được hoàn-toàn, phải đặt ra những đạo-đức cùng pháp-luật để chế-định lòng người, phải có những cảnh-thự và pháp-đình để trừng-trị tội lỗi. Vậy thì những cái ấy đặt ra, há chẳng phải bởi tự người ta có cái tính không hay cố-tuất đến kẻ khác ư? Nếu lúc thoạt đầu nhân-loại mới sinh ra, đều có cái tính biết cố-tuất đến kẻ khác, không ai đem những điều mình không muốn, mà làm cho kẻ khác phải chịu, thì tất ai cũng được an vui, không ai phải tranh-cạnh nhau, xã-hội rất là hòa-bình. Nhưng nhân-loại ngày nay thì không mong sao cho có cái cảnh-tượng ấy được. Tuy các lễ-văn chế-độ đặt ra cũng có khiến cho ít nhiều người có cái lòng cố-tuất đến nhau đôi chút, song cũng không tài nào đổi hẳn được cái não-tủy thế-thể tương-truyền, hóa hẳn được cái bản-tính cố-hữu, cho nên cái tính không cố-tuất nhau vẫn là một cái chứng không phép nào chữa được. Nhân-tâm trụy-lạc, thế-đạo suy-đồi, chính là bởi cái bản-tính ấy biểu-hiện ra đấy. Nếu nhân-tâm không đến nỗi trụy-lạc lắm, thế-đạo không đến nỗi suy-đồi lắm, chẳng qua cũng chỉ là cái bản-tính không cố-tuất nhau vì có chế-độ xã-hội giữ-dìn mà chưa biểu-hiện ra đó thôi. Chế-độ xã-hội nếu có chỗ không được hoàn-bị, thì cái bản-tính ấy liền thừa-khích mà biểu-hiện ra ngay. Nhân-loại đã có cái tính ấy, không thể bồ-cứu được, thì ngoài sự nghiên-cứu điều-tra những chỗ khuyết-điểm của chế độ xã-hội, sửa-đổi những chỗ sức mình có thể sửa đổi được, để khiến cho cái tính kia không được thập-phần biểu-hiện ra ngoài, thì không tài nào vãn-hồi được nhân-tâm thế-đạo cả. Một nhà chính-trị người Anh đã có nói rằng: «Điều cốt-yếu của chính-trị là tổ-chức nên một cái xã-hội không để cho sự làm điều ác.» Đó chính là cái cách bồ-cứu nhân-tâm thế-đạo vậy.

Xã-hội ngày nay, không có cái gì là cái mới tân-tạo ra cả. Do cái thời-đại dã-man mà lần-lần biến-đổi cho đến ngày nay, trong cái chế-độ xã-hội hiện-tại cũng còn có cái di-phong đời thái-cổ, cũng vì như cái thân-thể của người ta ngày nay cũng còn giống cái thân-thể người đời xưa vậy. Trong chế-độ xã-hội, cũng có cái tuyệt-nhiên vô-hại, có cái rất là thú-vị, cũng có cái làm hại rất lớn, song trong cái chế-độ tài-sản thì càng có điều không thích-hợp với sự sinh-hoạt của xã-hội mà hại đến thế-đạo nhân-tâm.

Không phải bảo rằng cái chế-độ tài-sản ngày nay nhất-luật là cái hại đâu. Họp cả nhân-loại không cố-tuất lẫn nhau mà thi-hành cái chế-độ tài-sản công-cộng, thực đã

không xong rồi. Cho nên mỗi người đều riêng có tài-sản, cũng là cái sự dương-nhiên vậy. Ba bốn nhà buôn, góp vốn buôn chung, rồi chia lời-lãi, đó cũng là việc rất dễ ; song người khó-nhọc tự lấy làm thiệt-hại, người lười-biếng tự lấy làm được lời, rồi những người khó-nhọc mà thiệt-hại nhao nhao lên không chịu. Thế thì muốn họp nghìn vạn ức người lại mà khiến cho tài-sản đều là công-cộng sao được? Vả lại người ta có kẻ khôn có người dại, thì tài-sản mỗi người giầu nghèo khác nhau cũng là sự-lý đương-nhiên. Cần-lao thì giầu, lười-biếng thì nghèo, người khôn lừa người mà lấy tiền, người dại bị người lừa mà mất của, lúc trẻ lao-khổ thì lúc già được an-vui, lúc trẻ an-vui thì lúc già phải lao-khổ, đó đều là cái số tự-nhiên cả. Người ta đều riêng có tài-sản thì để tài-sản lại cho con cái, cũng là lẽ đương-nhiên. Cha con tuy có khi ở đời cách nhau, song cũng là kế-thừa cùng một sinh-mạnh, cho nên người con dẫu ngu hèn nữa, mà thừa-thụ di-sản của cha, người ngoài cũng không ai nói được. Ngay đến các loài động-vật khác, cái lệ tư-sản tương-truyền, cũng như thế cả.

Trong cái chế-độ tài-sản ngày nay, có điều không thích-hợp với sự sinh-hoạt của xã-hội mà làm đến nỗi nhân-tâm trụy-lạc, là sự đem những thổ-địa, vật-phẩm kim-tiền cho người khác vay mà lấy lãi vậy. Sự đó cứ ở cá-nhân mà xem ra thì không có gì là bất-chính cả. Nhưng xét cái ảnh-hưởng ra đến cả toàn-thể xã-hội thì không thể bảo rằng không có hại được. Đã có cái cách cho vay lấy lãi, thì cũng có cái tài-sản định-ngạch, người cho vay không phải khó-nhọc gì mà được, cứ an-vui chung-thân, ưu-du ở trong xã-hội, ăn gạo của người khác làm ra, mặc áo của người khác may ra, lại còn dâm-dật xa-xỉ hơn người khác, như thế mà bảo rằng có ích cho xã-hội, thì không ai tin được. Không những một đời thế mà thôi, đời sau con con cháu cháu lại cứ nhờ cái dư-ấm ấy mà xa-xỉ dâm-dật nữa. Thế-đạo đến thế, thì còn ích-lợi gì nữa. Vả lại những người nhiều của, nếu lại cứ nhờ cái tài-lực của mình mà hết sức kinh-doanh mãi, thì cái kết-quả tất đến người giầu càng giầu thêm, người nghèo càng nghèo thêm. Một đằng thì tha hồ ăn uống chơi bời, dùng của không hết ; một đằng thì đêm ngày đầu tắt mặt tối, còn lo không đủ. Hiện-tượng của xã-hội không may mà như thế, thì giữ sao cho khỏi nhân-tâm trụy-lạc, thế-đạo suy-đồi?

Nước ở trong ao, những cái bụi nhẹ nổi ở trên mặt nước, những cái bụi nặng chìm ở dưới đáy nước, cho nên nước ở trên mặt ao và nước ở dưới đáy ao đều là nước bẩn. Xã-hội loài người cũng vậy : hư-hỏng nhất là những kẻ hào-phú tối-thượng-cấp và những kẻ bần-dân tối-hạ-cấp. Thế-đạo suy-đồi, tất bởi hai hạng ấy trước, rồi sau mới dần-dần lan đến toàn-thể xã-hội. Người ta có tính tự-nhiên hay trông lên trên, trên ưa cái gì, dưới tất bắt-chước, cho nên bậc tối-thượng đã hư-hỏng, thì không bao lâu sẽ lan khắp ra toàn-thể xã-hội. Ai cũng bảo rằng đời nay là cái đời có tiền có của làm gì cũng được. Thực thế, đời nay trong tay đã có đồng tiền thì tha hồ phóng-túng ăn chơi, cũng không phải chịu cái chế-tài của xã-hội. Mua danh mua vị, làm ác làm sằng, dẫu việc làm chẳng chánh-đáng, có tiền

cũng làm được tất ; người đời trông thấy đã hoa cả mắt lên vì đồng bạc trắng kia rồi, chẳng đoái chi đến cái việc làm là thiện hay là ác, miễn là cứ quơ được danh-dự thì thôi. Nhân-tình đều có cái nhược - điểm như thế. Khi nhân - khẩu mỗi ngày thêm nhiều, cách sinh - hoạt mỗi ngày thêm khó, người giầu càng giầu thêm, thế mới lại khốn - khó thêm nữa, rồi những kẻ nghèo cũng chẳng quản chi cái sự vay nặng lãi để phấn-sức bề ngoài, hoặc là chỉ sự cần-dùng; sau đến ăn mặc không đủ, còn ai tưởng chi đến lễ-nghĩa, thế là đạo-nghĩa đi đời nhà-ma cả !

Xem đó thì thế-đạo suy-đồi, nhân-tâm trụy-lạc, cái nguyên - nhân chỉ bởi trong đời này có cái chế - độ nó khiến cho kẻ giầu giầu thêm, kẻ nghèo nghèo thêm mà thôi. Song bảo rằng đời nay thế-đạo nhân-tâm suy kém, tuyệt-nhiên không có quan-hệ gì với sự tiến-bộ của văn - minh vật-chất, cũng không hẳn là phải; duy hai đường không phải làm nguyên-nhân kết-quả lẫn với nhau mà thôi. Cái kết-quả của văn-minh vật-chất, xét cho kỹ ra, đều là làm cho người ta thêm cái sự tiện - lợi : như ngày xưa đi một con đường phải một tháng mới tới, thì nay đi xe hơi chỉ trong một ngày đã tới rồi ; ngày xưa làm một việc gì phải một tháng mới xong, thì nay dùng máy-móc làm chỉ một ngày đã xong rồi. Văn-minh vật-chất tiến-bộ, khiến cho muôn việc đều tiết-súc được cái thời-gian lại cả. Ấy cũng vì vậy mà trong cái chế-độ tài - sản có những điều khuyết-điểm gì, cái ác-quả chưa biểu-hiện ra ngoài, cũng tiết - súc thời-nhật mà biểu-hiện ra ngay. Đời đã có cái chế-độ kẻ giầu giầu thêm, kẻ nghèo nghèo thêm, không sao tránh khỏi được, túng-sử văn - minh vật-chất có đình-trệ không tiến lên chăng nữa, thì cái ác - quả ngầm-ngấm kia chóng chậm cũng có một ngày biểu-hiện ra ở nhân - tâm thế-đạo. Văn-minh vật-chất càng tiến thì những sự biến-hóa càng mau, thành ra trong một xã-hội những kẻ hào-phú thì ít mà hạng bần-dân thì nhiều, nhân-tâm thế-đạo vì đó mới càng mau suy kém đi. Người đời không xét kỹ thì thấy tựa hồ như cái kết-quả của văn - minh tiến - bộ là làm cho nhân-tâm thế-đạo suy-kém, chớ thực thì không phải thế, văn - minh tiến-bộ chỉ làm súc-tiết cái thời-gian cho nhân - tâm thế - đạo suy - kém chóng biểu-hiện ra mà thôi. Ví như lấy lửa thắp hương, hương đã cháy rồi, cứ để yên cho nó cháy thì lâu mới hết, song nếu lại ở ngoài thổi cho nó cháy thì tất nó cháy chóng hết hơn. Văn-minh tiến-bộ tức là cái sức ở ngoài thổi đấy.

Có kẻ ưu-thế quá lại cho cái văn-minh đời nay là không ra gì, bảo rằng văn-minh tiến-bộ nếu tri-hoãn lại một tí thì thế-đạo nhân-tâm cũng bớt suy-kém. Song thực ra, không bao giờ lại như thế được, mà như thế thì lại có hại đến sự phát-triển của thế-lực một nước. Văn-minh vật-chất đã là cái điều thiết-yếu của các nước phải nhờ đó mới sinh-tồn được, nếu cứ lùi mà không tiến lên thì tất nguy đến sự sinh-tồn ; cho nên văn-minh bao giờ cũng phải cầu cho tiến-hành không dừng lại chút nào mới được. Nếu trong thế-giới chỉ có một nước, thì văn-minh vật-chất dù đứng ỳ lại cũng không can gì, song hiện nay là cái thế-giới cạnh-tranh kịch-liệt, nước nào văn-minh vật-chất đứng dừng lại một chút là nước ấy phải nguy ngay, cho

nên nước nào muốn phát-triển cái thế-lực của mình, cũng phải đêm ngày lo làm thế nào cho cái văn-minh vật-chất của mình tiến-bộ hơn người ; người ta chế được cái tầu một giờ chạy nhanh mười dặm thì mình lại phải nghĩ chế ra cái tầu chạy nhanh đến ba mươi dặm, người ta có tầu ngầm ở dưới nước được ba ngày thì mình phải nghĩ chế ra tầu ngầm ở dưới nước được đến mười ngày. Không những về quân-bị như vậy, các phương-diện khác nếu không hết sức làm cho tiến-bộ hơn người thì cũng không sao sinh-tồn trong cái buổi cạnh-tranh này được. Nước ta ngày nay văn-minh vật-chất hãy còn thấp kém người nhiều, thế mà lại muốn cho dật lùi lại nữa thì cái tương-lai của quốc-vận nghĩ sao?

Cái chế-độ cho vay lấy lãi, đời nay đã không thể không được, sự tiến-bộ của văn-minh vật-chất cũng lại là sự cần-thiết của một nước, như vậy thì kẻ giầu giầu thêm, kẻ nghèo nghèo thêm, nhân-tâm trụy-lạc, thế-đạo suy-đồi, là lẽ tất-nhiên không sao tránh khỏi được. Phàm sự-vật trong thiên-hạ, nếu cái nguyên-nhân vẫn y cũ, mà lại muốn trừ bỏ cái kết-quả đi thì không khi nào được. Nay tìm cách cứu-tế nhân-tâm thế-đạo, thực cũng là một sự rất khó, duy chỉ trông ở việc giáo-dục mà thôi, song việc giáo-dục ở nước ta ngày nay cũng hơi sơ-sài, mà dù có hoàn-thiện nữa, có lẽ cũng khó mà cứu-vãn nhân-tâm được, vì rằng nghị-luận dù có tinh-diệu đến mấy nữa, cũng không bằng những cái thực-lệ nó in sâu vào trong tâm-não người ta. Trông thấy những kẻ giầu-sang toàn là những kẻ làm sằng làm bậy mà nổi lên, những kẻ đạo-đức nhân-nghĩa thì chỉ nghèo xuống cả, như vậy thì còn giáo-dục nào dạy cho người ta cứ tuân-thủ lễ-nghĩa, làm việc từ-thiện được. Thế mà gián-hoặc có muốn cần kiệm trừ-súc để trở nên giầu sang, song cũng khó lắm. Phàm những người giầu ụ của lên toàn là những kẻ ngoài cái sự cần-kiệm trừ-súc lại còn làm nhiều những cái bá-đạo mà nên giầu cả, vì vậy người đời mới lại nhiều kẻ sinh ra cái hy-vọng « dậy hóa », nhiệt-tâm làm những việc đầu-cơ thủ-lợi, hoặc là những việc bất-chính ; cho nên những điều cao thượng của nhà hiền-triết hoặc nhà tôn-giáo dạy phải nên đạm-bạc về đường lợi-dục, mặc ai giầu sang, ta cứ giữ sao cho đời tôn-trọng, vẫn là những điều hay thực, song muốn người họa được một vài người theo, chứ muốn cho toàn-thể xã-hội đều như thế cả thì không sao được. Muốn mượn giáo-dục để kiểu-chỉnh nhân-tâm thế-đạo, song nhân-tâm vẫn cứ trụy-lạc, thế-đạo vẫn cứ suy-đồi như thế, đó không phải là cớ gì khác đâu, chính là bởi không sửa đổi cái nguyên-nhân, mà chỉ trừ bỏ cái kết-quả đó thôi, thì còn bổ-ích gì nữa!

Ngày nay tuy có đặt ra những công-cuộc giáo-dục rất hay để kiểu-chỉnh nhân-tâm thế-đạo, thì cũng chỉ vì như thấy một người chắm mình, thì vội vàng chạy ra cứu vớt cho người ta khỏi chết, song cái cớ làm sao mà người ta chắm mình, vẫn không biết và không làm cho mất cái cớ ấy đi được, thì dẫu vớt được người ấy một lần, song lần khác giữ sao cho họ khỏi chắm mình nữa? Cho nên công-cuộc giáo-dục dẫu hay thật, mà cũng là vô-bổ, vì cái nguyên-nhân của nhân-tâm thế-đạo suy kém, sinh ra bởi tự trong chế-độ tài-sản của xã-hội kia mà, thì công-cuộc ấy cứu-tế sao được ?

Vậy thì có lẽ cứ chịu để cho nhân-tâm trụy-lạc, thế-đạo suy-đồi

mãi hay sao ? Chỗ đó thực là rất khó, vì cái nguyên-nhân sinh ra bởi trong cái chế-độ tài-sản của xã-hội, mà cái chế-độ ấy thì hình như không sao cải-lương lại được, có lẽ cũng đến chịu thực. Tuy vậy, giữ-kỳ chịu thực, ta cũng hãy cứ cứu-tế được chút nào hay chút ấy, nghĩa là cái cách cứu-tế bằng việc giáo-dục tuy vẫn biết rằng không sao làm cho nhân-tâm thế-đạo thuần-mỹ lại được, song cũng có bổ-ích được đôi chút chớ chẳng không. Còn như bảo rằng nhân-tâm thế-đạo suy-kém là cái kết-quả của sự văn-minh vật-chất tiến-bộ thì quyết-nhiên không phải, ta chớ nên ngộ-nhận như thế mà mạt-sát cái văn-minh vật-chất đi, vì như thế chẳng những là vẫn vô-ích cho nhân-tâm thế-đạo mà lại thêm phương-ngại đến sự tiến-hóa của xã-hội nữa.

NGUYỄN-THƯỢNG-HUYỀN

BÁO ƠN CHA MẸ

(Lời Phật dạy)

Có một hôm, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, dưới gốc gảy kỳ, thuộc về thành Vương-sá, nước Kỳ-vệ, có cả 28.000 người đại-tỉ-châu và những vị đại-bồ-tát ma-ha-tát.

Bấy giờ ngài sắp đưa những người đi về phía nam, trông thấy một đống xương khô, ngài liền quì hai gối, chống hai tay, cúi đầu lễ đống xương ấy. Ông A-nan bạch ngài rằng : « Bạch ngài, ngài là thầy cả ba cõi, lại là cha cả chúng-sinh, người ta đều kính trọng ngài, sao ngài lại lễ đống xương khô ? »

Ngài trả lời rằng : « Ngươi dầu là học trò bậc nhất của ta, xuất-gia đã lâu, mà chưa biết mấy. Cái đống xương khô này hoặc là ông bà cha mẹ ta kiếp trước đó, cho nên ta lễ. Ngươi thử đưa cái đống xương ấy chia ra làm hai phần; xương dàn ông thì nặng mà đầu xương trắng, xương dàn bà thì nhẹ mà đầu xương đen.

Ông A-nan bạch rằng : « Bạch ngài, những người đàn ông lúc sống mặc những áo, đai, giầy, mũ, trông đó thì biết là đàn ông ; người đàn bà lúc sống phấn son, tô-điểm, lan sạ nức hương, trông đó thì biết là người đàn bà ; còn đến khi chết rồi chỉ đều là đống xương trắng cả, thì chúng tôi biết đâu mà phân-biệt được ? »

Ngài bảo ông A-nan rằng: « Người đàn ông lúc sống thường được đến chỗ chùa chiền luôn, được nghe kinh sách, được lễ niệm phật luôn thì xương trắng. Người đàn bà lúc sống mang-nặng đẻ đau, sinh con nuôi cái, khi sinh con thì băng ra từng ba dấu ba thưng huyết, rồi con lại bú ra tám hộc bốn đấu sữa, cho nên xương nhẹ mà đầu xương đen.»

Ông A-nan nghe thấy ngài nói thế, đau như cắt ruột mà rỏ nước mắt khóc rồi bạch Phật rằng :

« Bạch ngài, ơn-đức mẹ như thế thì biết lấy gì mà báo-đáp được ? »

Ngài bảo rằng : « Bây giờ ngươi hãy yên mà nghe ta bảo cho này : Mẹ mang con trong mười tháng rất là khổ sở, thai ở trong bụng mẹ tháng thứ nhất như là hạt sương đọng trên lá cỏ, sáng đọng trưa tan, giữ được buổi sáng chưa chắc giữ được buổi chiều ; tháng thứ hai như là dựa tó ; tháng thứ ba mới hình ra cục máu ; đến tháng thứ tư mới dần dần thành ra hình người ; tháng thứ năm mới sinh ra năm bào là : đầu, hai tay và hai chân ; tháng thứ sáu mới có sáu tinh là : mắt, tai, mũi, mồm, lưỡi và tâm-ý ; tháng thứ bảy mới sinh ra 360 cái xương và tám vạn bốn nghìn cái lỗ lông; tháng thứ tám thì phủ-tạng mới đủ, mới có ý-tri và thông được chín khiếu; tháng thứ chín thì con ở trong bụng mẹ uống nguyên-khí của mẹ, chưa ăn được những thứ rau quả ngũ-cốc, trong bụng mẹ cái sinh-tạng rủ xuống dưới, cái thực-tạng hướng lên trên, ở giữa có toà núi, núi ấy có ba ngọn : một là tu-di-sơn, hai là nghiệp-sơn, ba là huyết-sơn, núi ấy nó băng ra thì nó hóa làm một mạch máu mà chầy vào mồn đứa bé con; đến tháng thứ mười thì tinh-thần đủ cả, mới sinh ra ngoài. Nếu con hiếu-thảo thì chắp tay sinh ra không hại bụng mẹ, nếu con ngỗ-nghịch thì tay thúc chân đạp để cho mẹ đau như nghìn găm vạn dào đâm dùi trong ruột, đau đớn không thể nói xiết được; sinh ra thân người thật là khéo lắm ! »

Ngài lại bảo ông A-nan rằng: « Ơn-đức cha mẹ có mười thứ, các ngươi im lặng mà nghe :

1· — Một rằng từ thuở có mang,
Hết lòng gìn giữ trăm đàng quản bao.
Hẳn là duyên số làm sao,
Thì nay mới lọt thân vào thụ-thai.

Qua chín tháng mười ngày nhọc mệt,
Giữ làm sao cho vẹn hình người ?
Nặng như đeo đá khốn thay,
Sợ còn nạn gió tai bay bất-kỳ.
Phải lo từng tí tì ti,
Áo thì sốc-sếch mình thì xấu-xa.

2· — Hai rằng đến tháng sinh ra,
Trải qua chín tháng đã là khổ thay!
Bây giờ đã sắp sinh đây,
Bụng đau như cắt đêm ngày xiết bao!
Đòi phen nước mắt tuôn rào,
Gánh này có lẽ người nào đỡ cho ?
Vừa kêu mà lại vừa lo,
Lội sông biết có đến bờ hay không?!

3· — Ba là khi đã đẻ xong,
Thấy con tuyền vẹn thì lòng mới vui.
Nghĩ ra khi ấy ngậm ngùi,
Đau rần từng khúc kêu thời càng đau!
Lại như lúc mới ra đầu,
Tưởng rằng còn được đến đâu bây giờ!
Bao nhiêu là máu tuôn ra ;
Nghĩ càng đau sót ruột già chẳng an!

4· — Bốn là nhường nhịn sự ăn,
Thấy con cha mẹ vẫn hằng yêu thương.
Miếng ngon người chẳng dám đương,
Ngọt bùi người vẫn phải nhường cho con.
Vật gì cay đắng không ngon,
Dẫu như bọ-nẹt, bồ-hòn, người sơi.
Mong cho con ăn, con chơi,
Con no, mẹ đói, mẹ thời cũng cam.

5· — Năm là nói đến sự nằm,
Thử xem nào chiếu, nào chăn, nào giường.
Người nằm người vẫn phải nhường,
Sợ còn rét mướt người thương nhiều bề.

Người nằm chỗ ướt chẳng nề,
Chỗ nào khô ráo, người sè con vào.
Áo che chăn đắp xiết bao,
Còn lo gió lạnh lọt vào mình con.
Vú thì vẫn để luôn mồm,
Hễ con thức dậy thì con lại nhằn.
Có khi người chẳng dám nằm,
Ôm con vào lòng con ngủ cho êm.
Nhiều khi người thức suốt đêm,
Ru cho con ngủ cho yên chẳng rời.

6· — Sâu là kể đến sự nuôi,
Mẹ cha như đất như trời lớn thay!
Trời che đất chở nhường này,
Công cha nghĩa mẹ cũng tầy như nhau!
Phải con hay yếu hay đau,
Giữ gìn thang thuốc âu sầu chẳng nguôi.
Được con mạnh khỏe tốt tươi,
Thì lòng cha mẹ mới vui dần dần.
Không may chẳng đủ hình nhân,
Đui mù què quặt nhiều phần khó coi.
Thế mà cha mẹ yêu nuôi,
Chẳng ai mà lại nỡ hoài con đi.
Vẫn chăm bú mớm phủ trì.
Bao giờ khôn lớn người thì mới yên.

7· — Bẩy rằng tắm rửa vì con,
Nguyên xưa người vẫn đẹp ròn đang xuân.
Son tô phấn điểm lắm phần,
Má đào mày liễu có phần nên khen,
Vì con nhơ bẩn nhọ nhem,
Lau chùi chẳm rửa mới nên phai vàng.
Áo quần nhầu nát như tương,
Tóc dầu bỏ rối dáng thường khó xem.

8· — Tám rằng con đã lớn lên,
Trai lành, gái tốt đã nên thân người.
Đi đâu phải bước xa xôi,
Quá ngày quá buổi chưa lui chân về.
Mẹ cha mong nhớ nhiều bề,
Đêm ngày than thở nằn nì về con.
Thương con lạ nước lạ non,
Một mình lủi thủi phỏng còn yên không?
Hay là gặp sự lòng bòng,
Hại con mà lại đau lòng mẹ cha?

9— Chín rằng ác nghiệp sinh ra,
Vị con nên nỗi mẹ cha phải làm.
Vị rằng yêu giấu muôn vàn,
Yêu con vẫn giết vật thường cho ăn.
Sợ con đói rét thiết thân,
Nhường cơm sẻ áo lắm phần cả lo.
Trai lớn thì lấy vợ cho,
Gái lớn thì cũng phải lo gả chồng.
Phải theo thế-tục mới xong,
Giết trâu, bò, lợn thì lòng cũng cam.
Biết rằng sự ác cũng làm,
Thật là nghìn nỗi trăm đường vì con!

10— Ấy là mười chín thứ ơn,
Thứ mười là sự thương con vô cùng.
Mẹ cha ai cũng một lòng,
Thương con thắm thiết thật không hững-hờ.
Dẫu người trăm tuổi đã già,
Tuổi con cũng đã kể là tám mươi,
Mà lòng thương vẫn chưa nguôi.
Vẫn còn yêu dấu như thời con thơ!
Mẹ cha khuất-núi bao giờ,
Sự thương con ấy bấy giờ mới thôi.»

Đức Phật lại bảo ông A-nan rằng: « Ta xem chúng-sinh dầu được làm người, mà lòng ngu-dốt, không biết nghĩ ơn-đức cha mẹ, không kính-trọng, không hiếu-nghĩa, không tử-tế, không nghĩ rằng: mẹ mang nặng trong mười tháng trời, ngồi, dậy không yên, như đeo gánh nặng, ăn uống khó tiêu, như người ốm đứng. Đến tháng sinh ra thì nào là đau khổ, nào là sợ hãi và máu ra lênh láng chẳng khác gì tiết lợn tiết dê. Phải chịu những sự khổ sở như thế thì mới sinh được thân người; rồi thì ăn khổ nhổ ngon, nuôi nấng bế ẵm; tắm rửa lau chùi chẳng quản công-lao; chịu nóng, chịu rét, chẳng từ cay đắng; chỗ ướt mẹ nằm, đặ

con chỗ giáo, trong ba năm bú mớm đã chịu biết bao sự tàn-khổ; đến khi con lớn dạy bảo lễ phép, hoặc cho học tập, hoặc tìm nghề-nghiệp, lại dựng vợ gả chồng cho nữa... Thật là ân cần lao-khổ mà chẳng kể ơn; khi con cái ốm đau thì cha mẹ cũng lo phiền mà ốm lây, nếu con có khỏi thì mẹ mới yên. Sự nuôi con thế chỉ là mong con chóng được ra người; thế mà khi lớn lại bất hiếu ngay: làm việc gì cũng tự ý kiêu căng, không tuân phép thầy, không theo cha mẹ, ra vào đi lại và nói chuyện với cha mẹ, anh em, cho chí họ hàng đều là nhưng nhác ngông-nghênh, chẳng chút lễ phép gì; hoặc lại khinh nhờn chú bác, đánh chửi anh em. Như khi bé thì cha mẹ chú bác còn có khuyên dăn chứ họ hàng thì ai cũng yêu dang che chở; thế mà lúc lớn lên lại hay dận-dữ, gai ngạnh cả với họ hàng; bàn hay thì bỏ, bàn dở thì theo, quen thân mất nết rồi sinh kế làm sằng, nghe người rỗ dành bỏ cả cha mẹ, quê hương mà đi ở nơi khác, rồi lấy vợ ở đó không về; hoặc ở quê hương mà không cần thận bị kẻ thù, người oán, sinh sự cho đến phải tù phải tội; hoặc bị tai nạn, ốm đau khổ-khổ, đói không ai nhìn đến, rồi người ta khinh rẻ, khiêng bỏ ra đường xá, hóa ra chết đường, không có ai đắp điếm cho, trương nứt thối tha, nắng dãi gió cào, đống xương bừa bãi, hóa ra mùn đất quê người! Thế thì ra trái cả ân-ái với cha mẹ họ hàng để cho cha mẹ thương con phiền não, hoặc khóc con mãi đến nỗi mù lòa thương-tâm mà thành bệnh, hoặc khóc thương quá héo hoắt mà chết đã chết rồi mà lòng vẫn không quên. Có khi nghe tin con không chăm học làm ăn, chỉ theo kẻ vô loài, tập sự ngông càn, đánh nhau, trộm cắp, quấy nhiễu đồng-bào, rượu-chè cờ-bạc, dâm-dục gian-phi, rày-rưởng đến cha mẹ anh em; chỉ sáng đi tối về, để cha mẹ phải phiền não về con; đến cả sự thăm hỏi kinh nuôi hầu hạ, quanh năm ngày tháng chẳng hề nghĩ đến; dầu cha mẹ khi nhàn, khi bận, lúc khỏe, lúc yếu, hoặc đi hoặc nằm, hoặc thức hoặc ngủ, lúc rét lúc ốm, lúc đói lúc no, đều là không biết cả! Có kẻ thấy cha mẹ tuổi tác yếu gầy, sợ người ngoài trông thấy xấu hổ, có đi đâu thì hay lườm nguýt gàn mắng. Lại có kẻ thấy mẹ cha hóa bụa, chỉ ở một mình, coi như khách trọ, rét mướt đói khát, đêm ngày than khóc cũng không hỏi đến; giá bưng thức ăn uống kính nuôi cha mẹ thì đã làm thẹn sợ người cười, nếu đưa cho vợ con ăn thì dầu khó nhọc không từ xấu hổ, lại chỉ tin nghe lời vợ mà chẳng sợ lời ai. Có kẻ hễ cha mẹ sai bảo điều gì thì trợn mắt, chau mày, quát tháo, thế mà vợ con có mắng thì im, cúi đầu chẳng giận, cười thêm đỡ buồn; vợ chồng cùng tuổng bất-hiếu, cùng bụng thâm-trầm, xui nhau ngỗ-nghịch, hễ khi vợ nói một câu, thì chồng cũng phải liệu mau kịp lời, lời cha mẹ mười lời cãi chín, còn một lời dầu nhịn cũng sai! Hoặc con gái lớn, khi chưa gả chồng, họa còn hiếu thảo, đến khi đã gả chồng rồi lại ở ra lòng bội-bạc, ơn mẹ cha đã lạt dần dần, giá chồng đánh chửi thì cam lòng chịu, mà cha mẹ có rũa dạy lại sinh lòng oán; thì ra người khác họ, khác dòng lại tình thâm quyến trọng, mà xương thịt nhà mình lại hóa ra xa! Có kẻ theo chồng ở quê người đất khách chẳng có lòng nhớ mến đến cha mẹ, chẳng chịu gửi lời thăm hỏi đến nỗi tuyệt mù chẳng thấy tăm hơi để cho cha mẹ đau lòng héo ruột, khắc khoải về con.

« Kể thế thì ơn-đức cha mẹ còn thiên-thung-khối-đế, mà sự bất-hiếu của con cũng thế, không kể xiết được !

Khi ấy tất cả mọi người nghe Phật giảng ơn nặng của cha mẹ thế rồi, đều vật mình xuống đất lấy dùi đâm mình, trong các lỗ lòng đều chảy máu tóa ra, rồi lăn đùng xuống ngất đi, hồi lâu mới tỉnh lại kêu to lên rằng : « Khốn nạn thay! đau sót thay! bọn chúng tôi thật là kẻ có tội! Xưa kia chưa biết còn tối như đêm, nay đã hiểu rồi sợ bằng vỡ mật! Chỉ xin Phật ngài sá thương mà cứu vớt cho, bảo cho làm thế nào báo được thâm-ơn của cha mẹ ? »

Bấy giờ đức Phật nói ra tám thứ thâm-trọng bảo tất cả mọi người rằng: « Các ngươi nên lặng nghe này :

I – Giả người nào vai trái gánh cha, vai phải gánh mẹ, mòn da đến xương, mòn xương đến tủy, riêu quanh núi Tu-gi, trải trăm nghìn kiếp máu chảy ngập chân, cũng còn là chưa báo được thâm ơn của cha mẹ !

II – Giả người nào gặp khi đói kém mà xẻo hết thịt mình ra giã giò để cha mẹ sơi, trải trăm nghìn kiếp thế, cũng còn là chưa báo được thâm ơn của cha mẹ !

III – Giả người nào nhân vì sự của cha mẹ mà mình khoét mắt mình ra, trải trăm nghìn kiếp thế, cũng còn là chưa báo được thâm ơn của cha mẹ!

IV – Giả người nào cũng nhân vì việc của cha mẹ mà sợ đau khổ, tự mình cắt cả tim gan ra, máu chảy lênh láng, trải trăm nghìn kiếp thế, cũng còn là chưa báo được thâm ơn của cha mẹ !

V – Giả người nào cũng nhân vì sự cứu cha mẹ mà lấy trăm nghìn con dao đâm vào mình bên nọ rút ra bên gia, trải trăm nghìn kiếp thế, cũng còn là chưa báo được thâm ơn của cha mẹ !

VI – Giả người nào cũng nhân vì sự cứu cha mẹ mà đốt mình làm đèn để cúng-giàng Phật, trải trăm nghìn kiếp thế, cũng còn là chưa báo được thâm ơn của cha mẹ !

VII – Giả người nào cũng nhân vì sự của cha mẹ, phải ghẻ xương mình ra lấy tủy và trăm nghìn dáo-mác cùng đâm xỉa vào mình trải trăm nghìn kiếp thế cũng còn là chưa báo được thâm ơn của cha mẹ !

VIII – Giả người nào cũng nhân vì sự của cha mẹ mà nuốt viên sắt hồng trải trăm nghìn kiếp đốt cháy khắp mình, cũng còn là chưa báo được thâm ơn của cha mẹ ! »

Tất cả mọi người được nghe Phật dạy thế rồi, ai nấy đều như đau cắt ruột mà rỏ nước mắt ra, rồi cùng hỏi Phật rằng: « Làm thế nào báo được thâm ơn của cha mẹ ? »

Đức Phật dạy rằng : « Các ngươi muốn báo được ơn thì nên vì cha mẹ viết kinh này mà tụng để cầu cho cha mẹ, cúng-giàng Tam-bảo, sám-hối tội-lỗi, để cầu cho cha mẹ, thụ trì trai-giới, bố-thí tu-phúc, để cầu cho cha mẹ ; nếu được như thế thì là người con có hiếu, không làm như thế thì là người ở địa-ngục. »

Ngài lại dạy rằng : « Những người bất-hiếu, đến khi chết phải vào ngục A-tì; ngục ấy dài rộng tám vạn dặm, bốn mặt vây thành bằng sắt, dưới đất phun ra lửa dữ-tợn, lại có lò lửa nóng rát như sấm chớp, nấu đồng ra nước rội vào người có tội ; lại có chó đồng rắn sắt phun ra lửa độc, thui nướng thịt mỡ bỏng xôi như chả nướng đau khổ lại còn vòng soay, cần bẫy, súng, dáo, gươm, như mưa như mây từ trên không xuống, hoặc

đâm hoặc bổ vào mình thiên-hình vạn-trạng đau khổ trăm chiều, trải mấy kiếp thế mà không bao giờ được khỏi. Sau lại bắt vào ngục khác nữa : đầu phải đội chậu lửa, quang mình có xe nghiến sé phủ tạng xương thịt, chảy bỏng tan tành, trong một ngày chết đi sống lại đến nghìn muôn lần. Phải chịu những hình thảm ấy là tại lúc sống ở đời ngỗ-nghịch bất-hiếu.»

Ngài lại bảo rằng : « Nếu có người trai hiền gái thảo nào vì cha mẹ dựng được kinh này, ấy thực là báo được ơn thâm của cha mẹ, dựng thành được một quyển được thấy một phật, dựng thành được 100 quyển được thấy trăm phật, dựng thành được nghìn quyển được thấy nghìn phật, vân vân..; bởi người ấy có sức dựng kinh thì các phật ngài thường ủng-hộ cho cha mẹ người ấy chóng được siêu-sinh tịnh-độ lên thiên-đường để khỏi phải chịu khổ ở dưới địa-ngục. »

Lúc ấy ông A-nan cùng cả lũ là các người trên trời, dưới nước, quỉ-thần, dạ-soa, la-sát, các loài người và cả những loài không phải người nữa cũng được nghe Phật dạy thế, rồi cùng nhau phát-nguyện rằng :

«Bọn chúng tôi từ rầy về sau, dẫu nát thân ra như cám đến trăm nghìn kiếp, cũng thề không sai lời ngài dạy ; dẫu trăm nghìn kiếp phải kéo lưỡi ra dài trăm dặm lấy lưỡi cầy sắt rạch ra máu chảy thành sông, cũng thề không sai lời ngài dạy ; dẫu trăm nghìn con dao đâm mình, đâm vào bên nọ rút ra bên kia, cũng thề không sai lời ngài dạy ; dẫu phải lưỡi sắt vây quanh mình đến trăm nghìn kiếp, cũng thề không sai lời ngài dạy ; dẫu phải chém băm thân mình ra đến trăm nghìn vạn mảnh mà da thịt xương gân rơi tan ra các nơi mãi đến trăm nghìn kiếp, cũng thề không sai lời ngài dạy ! »

Ông A-nan bạch Phật rằng : « Bạch ngài, kinh này gọi tên là gì ? chúng tôi phụng-trì thế nào ? » Ngài bảo rằng : « Kinh này đặt tên là kinh « Báo-ơn nặng của cha mẹ », tên là thế, các ngươi nên phụng-trì!»

Khi ấy tất cả mọi người được nghe Phật dạy như thế, đều vui mừng mà xin tin theo phụng-hành, rồi làm lễ tạ xong thì đều lui về cả.

THIỆN-TÍN *dịch*

Sự sinh-hoạt của loài người từ lúc sơ-đầu

(Tiếp theo)

Loài người ấu-trĩ chỉ biết những sự hiện-tại mà thôi ; còn ngoại-giả những sự quá-khứ, sự tương-lai đều không biết đến, không nghĩ đến cả.

Một thiên ký-sự của Đậu-thị chép việc người mán ở châu Phi có nói rằng : « Ta chưa từng thấy có dân-tộc nào thái-bình mà không nhiều-sự như đám dân-tộc ấy. Dân ấy thật không biết nghĩ điều quá-khứ mà sinh hối-hận, hoặc tưởng sự tương-lai mà sinh phiền lo.... » Lại nói : « Bọn họ không hề có mong gì đến cuộc tương-lai cả. Đến khi tuổi già không làm lụng được nữa, không có gì cứu giúp và không có gì để chữ-sức nữa, thì đem tinh-mạnh phó-thác cho sự đói-khát cùng-khổ mà thôi ! » Trong đất châu Phi, cây cỏ tự nhiên xanh tốt, hoa quả tự nhiên to lớn, thật là một cái vườn cảnh của trời sinh, thế mà man-dân ở xứ ấy vẫn không tránh được cái khổ có thừa ăn mà phải chịu đói khát như thế. Họ Đậu lại chép người mán ở Nam-hộ, có nói rằng : « Dân ấy không có cái thông-minh xét việc và không có cái sức tự-chế ; nhất thiết cái cảm-tình và cái dục-vọng đều thuận mà làm, không đoái nghĩ gì đến sự kết-quả theo ý muốn ra thế nào, chỉ biết hưởng cái sinh-hoạt hiện-tại một cách tự-nhiên như đứa trẻ-thơ mà thôi ! » Lại có nhà chép truyện người mán, nói rằng : « Cái sự ngu-muội của bọn họ cũng kỳ lạ thật ! Người họ khi ở ngoài bể hễ gặp gió to, sợ đắm thuyền, thì đem vợ con vứt cả xuống nước một cách như không vậy! Bọn họ không biết có cái gì là quỉ-thần, nên họ đem vứt bỏ vợ con đi thế cũng không phải là đem hi-sinh tinh-mạnh người để hiến cho thần đâu họ chỉ cốt phòng cho khỏi sự chìm đắm một lúc ấy mà thôi ! Ấy cái tình-tình của họ và sự hành-vi tự nhiên của họ là như thế đấy !

Đậu-thị lại nói rằng : « Họ Bạch-cao-mi ở châu Phi không có cái gì để chứ-tích, cũng không có cái di-vật gì từ đời tổ-tiên họ truyền lại để lại cho con cháu ; phàm sự nhu-dụng trong một ngày, họ chỉ lấy ở sự lao-động trong một ngày thôi. » Ông Bồ-lỗ-dòng chép người mán ở mặt đông châu Phi, có nói rằng : « Cứ như cái ý quan-sát của ta, thì không có thể biện-luận mà che-chở cho đám dân-tộc ấy được. Cái tinh-thần tác-dụng của người giống ấy không vượt ra khỏi cái phạm-vi sự cảm-giác, mà sự kiến-văn của họ cũng không ngoại được những cái hiện-tại bao giờ ! » Ông Bạch-khắc-nhị chép truyện những người mán ở Nam-Mỹ, nói rằng : « Thổ-dân này không hề chứa sẵn lương-thực cách đêm bao giờ. » Ông Ti-chi chép người thổ ở xứ Bá-tây có nói rằng : « Dân-tộc ấy cứ trừ ra những vật-chất thiếu-thốn trong sự nhật-dụng mà có cái quan-hệ trực-tiếp, còn ngoại-giả không có một cái gì là họ chịu phải suy nghĩ đến cả. » Những sự vừa kể trên này đủ làm chứng rằng loài người ấu-trĩ chỉ biết có sự sinh-hoạt hiện-tại mà thôi.

Loài người ấu-trĩ chỉ thiết cỏ cái sinh-hoạt hiện-tại thôi, cho nên dù sự gì có cái kết-quả đáng nên làm, họ cũng cứ biếng nhác không chịu làm, vì họ có cái thông-bệnh chỉ ưa

thích thong-thả mà sợ khó-nhọc mà cái đó có lẽ là cái thông-bệnh cả của toàn-thể nhân-loại nữa, nên họ chỉ biết làm sung-túc cái lòng dục-vọng-hiện-tại là đủ rồi. Họ được một bữa ăn no thì cả ngày nằm ngủ không làm việc gì nữa, cái đó là cái thói thường của họ. Người thổ-nhân ở nước Mặc-tây-kha, hễ hai ngày làm lụng mà được lương-thực đủ bảy ngày, thì trong năm ngày kia họ để nghỉ thần xác không chịu làm lụng chi hết. Các giống man-tộc ở châu Phi cũng nhiều chỗ như thế. Họ Đậu khép người giống ấy rằng : « Dân ấy nếu kiếm đủ lương thực trong hai ngày, thì họ chỉ ở trong cái nhà nhỏ, trải chiếu ra nằm hút thuốc và ngủ hết ngày ! » Ông Bạch-khắc-Nhĩ nói rằng : « Xem như dân man-tộc, thì phàm đến những công việc rất trọng yếu mà lại nhẹ-nhàng, nếu không cưỡng-bách, họ cũng tiếc công mà không làm, như việc gánh nước, kiếm củi là việc không thể từ chối được, thế mà họ cũng không chịu làm sẵn đâu ; cứ suốt ngày rong-chơi, đến lúc tà-tà mặt trời mời bảo nhau đi lấy nước lấy củi. » Người giống đen ở họ Qua-đức kha-tư, hễ việc gì không phải là việc cấp bách không đừng được, thì họ không chịu làm bao giờ. Còn như dân-tộc Nã-ma-hắc-nĩ họ ở vào chỗ đất cát phì-nhiêu, nếu hơi chịu khó lao-động một chút cũng đủ kiếm ăn được ; song bọn họ thì không thế, thà cả ngày ngồi nắng cho ấm, chứ không chịu làm ăn, thậm chí đến đói khát khốn khổ, có người khuyên họ phải nên chịu khó làm lụng một chút, thì họ lại nói rằng ; « Chúng ta can gì phải bắt chước cái cách kinh-doanh của giống sâu bọ. » ! Xem thế, thì dân-tộc ấy cực kỳ lười nhác, cho nên họ có đói mới chịu đi săn, săn luôn được giống thú gì, thì họ ăn thịt ngay ở chỗ ấy ; ăn no lại ngủ, ngủ giậy mà đói lại ăn, ăn đến bao giờ hết thịt con thú ấy mới chịu bỏ mà rời đi chỗ khác... Họ Phật-lộc-nè chép giống người Bố-tư-man, ông có lấy một sự sở-kiến mà nói rằng : « Có hai người Bố-tư-man, trong khi mặt trời đã lặn, bắt được một con dê, họ ngồi ngay đó mà ăn thịt ; đến tối, sau khi trăng đã lên, thịt dê ăn hết, chỉ còn có mấy nắm xương thôi, bấy giờ họ mới chịu bỏ mà đi chỗ khác. » Lại một chuyện nữa, họ Nè-khắc-liệt-đặc ở Phi-Luật-Tân hễ đi săn được con hươu hay con lợn nào, thì họ đào ngay đất ở chỗ ấy bỏ con vật ấy vào đó mà đốt lửa cho chín, rồi ai muốn ăn chỗ thịt nào thì cứ cắt lấy mà ăn, ăn no, nằm ngủ ngay ở đấy, khi tỉnh giậy mà đói, lại ăn như lúc trước, kỳ cho đến khi thịt hết, bụng đói không có mà ăn nữa, bấy giờ mới lại bảo nhau đi săn. » Ấy, loài người ấu-trĩ chỉ có cái dục-vọng tiêu-phí hiện-tại như thế mà thôi, họ thật quả không có cái dục-vọng kinh-tế về tương-lai bao giờ. Sự hành-vi của họ, cốt làm cho mãn-túc cái dục-vọng ở trước mắt là đủ, họ không hề có lo-nghĩ gì đến tương-lai hết, nghĩa là lúc nào họ cần muốn cái gì thì làm cái ấy, chứ không có nghĩ trước, làm phòng trước cái gì cả. Bởi vậy, loài người ấu-trĩ làm cái gì là chỉ làm cho đủ dùng một lúc, được lúc nào hay lúc ấy thôi, họ không hề có dự-bị ; khi nào ta có thể nói rằng họ chỉ có cái hành-vi tiêu-phí, mà không có cái hành-vi sinh-sản. Hoặc có người nói : nghề đánh cá với đi săn tức là cái hành-vi sinh-sản của họ. Nhưng

người nào người nấy bồ hôi nhuễ-nhoại ướt đầm cả áo, phải biết rằng : nghề săn lưới của man-tộc kia, mới xem qua, hình như là cách hành-vi sinh-sản thật, song kỳ thực chỉ là một bộ-phận của sự hành-vi tiêu-phí mà thôi. Vì như chúng ta lúc ăn mà dùng cái thùng để đựng cơm, lấy dũa để gắp đồ ăn,..... ấy những sự động-tác như thế không sao tránh khỏi được, song đó chỉ là vì sự hành-vi tiêu-phí mà làm ra một bộ ấy, chứ không thành biệt hẳn ra một cách hành-vi kinh-tế. Giản-hoặc có nhà học-vấn muốn định cho sự hành-vi kinh-tế một cái nghĩa nhất-định, bảo rằng: sự kinh-tế hành-vi là cốt để làm mãn-túc cái dục-vọng, chính là cái hành-vi thu-thập và tiêu-dùng những tài-vật vậy. Quả thật như lời nói ấy, thì chúng ta nói về sự hành-vi tiêu-phí, cũng nên nói bao-quát cả vào trong sự hành-vi kinh-tế, nhưng cái định-nghĩa ấy khi viễn-vông rộng-rãi quá ta không thể tin được. Lấy dũa mà gắp cá hay để ở trên mâm, những sự động-tác ấy quyết-nhiên không gọi là sự hành-vi kinh-tế được; vì thử có cưỡng cho là thế, cũng chỉ thành ra một câu trang-luận đó thôi, chứ như sự nghiên-cứu của nhà kinh-tế quyết không có những cách hành-vi king-tế như thế.

Việc săn lưới của giống người ấu-trĩ, đại khái cũng như cái tiêu-chuẩn sự hành-vi tiêu-phí ; nên chi gọi là một bộ-phận cần phải nên động-tác, không khi nào rời sự hành-vi tiêu-phí ra mà độc-lập để biệt thành ra một cái hành-vi về sinh-sản được đâu. Sự hành-động của bọn họ, bởi cái lòng muốn ăn uống nó sung-động, mà lại không lấy cái dục-vọng cầu được đồ thực-vật để làm máy động-cơ. Lời nói ấy thoạt mới nghe thì ai cũng cho là lời nói quá-đáng, nên cần phải nói rõ ra đây. Sự muốn ăn với sự cầu đồ ăn, hai cái đó tuy có quan-hệ hàm-tiếp, mà giới-hạn nó thì cực rõ-ràng, nghĩa là sự muốn ăn thì tất lấy tiêu-phí đồ thực-vật mới cho là mãn-túc, mà cầu lấy được đồ thực-vật, chỉ cầu cho được có đồ thực-vật thì cái dục-vọng đã mãn-túc rồi, còn tiêu-phí hay là không tiêu-phí lại thuộc vào việc khác. Người man-tộc chỉ có cái lòng muốn ăn, chứ không có cái lòng cầu lấy đồ ăn ; cho nên việc đi săn, đánh cá của họ không gọi là cái hành-vi kinh-tế được ; cứ lấy bề ngoài mà xem, thì cho là cái hành-vi sinh-sản cũng phải, song nghiên-cứu cái lòng dục vọng ở sự hành-vi ấy thì phàm những cách hành vi như thế quyết không phải là sinh-sản hành-vi thì chỉ có thể gọi là một bộ hành-vi tiêu-phí mà thôi,

Xã-hội người mán, từ việc đi săn, đánh lưới, cho chí các cái công việc khác đều nên cho cả là cái hành-vi chỉ cốt làm cho đầy đủ dục-vọng, tức như một sự nhảy múa của họ thì biết. Người mán vốn lười, thế mà đến sự nhảy múa thì họ chẳng quản gì khó nhọc, họ diễn ra một cái hiện tượng khác với bản-tính của họ, mà cái hiện tượng ấy không biết thế nào mà nói cho cùng. Đậu-thị chép họ Bố-tự-man có nói rằng : «Bọn họ mỗi khi đêm họ nhảy múa ở trong nhà thì người đến xem đông lắm, đông cho đến nỗi nhà rộng thênh-thang mà người vào xem đứng vòng trong vòng ngoài như một cái hàng-rào người, không có chỗ mà len chân nữa, chỗ cửa người ta ra vào đèn thắp thâu đêm, chỗ cửa mà chật hẹp thì người múa phải cầm gậy và cúi lưng, gót chân đeo cái chuông múa mãi đến lúc thật mỏi mệt quá không sao được nữa, họ mới chịu thôi. Đêm nào có trăng sáng thì ra ngoài sân đứng vòng quanh mà múa Mỗi khi xong cuộc múa của họ thì

người mệt quá đổ cả máu mũi mà ngã lăn xuống đất.»! Chắc rằng sự nhảy múa ấy là cái tập-tục thông-hành của những man-nhân ở địa-phương ấy, xứ nào ở vào nhiệt-đái như châu Phi thì đêm nào cũng có những cuộc nhảy múa, lấy làm tục thường.

Ôi ! xem như những giống man tộc lười-lĩnh nhường kia, mà đến một sự nhảy múa thì ham thế, ham cho đến nỗi nhảy đổ máu mũi ra mới chịu thôi, là nghĩa làm sao ? Là vì họ chỉ biết lấy sự nhảy múa đó làm cuộc vui vộ-thường, chỉ có cuộc nhảy mũa đó là có thể làm cho thỏa được cái lòng dục-vọng về sự vui sướng mà thôi ! Man-tộc ấy thích sự nhảy múa, cũng như là thích ăn, thích ngủ, thích chơi-bời, lười-biếng vậy. Ở ngoài cái dục-vọng đã mãn-túc, họ không còn nghĩ gì nữa.

Ta cứ xem như nghề săn lưới là một nghề để kiếm đồ nuôi miệng của họ đấy, mà họ cũng trễ nải có chăm-chút được như sự nhảy múa dàu, đối với việc săn lưới hình như bất-đắc-dĩ phải làm, chứ không phải là cái thích của họ như nhảy múa.

Người ta thường gọi cái thời-kỳ đệ-nhất về lịch-sử nhân-loại là cái thời-kỳ chỉ có sự hành-vi tiêu-phí mà không có cái hành-vi sinh-sản, có cái hành-vi túc-dục mà không có cái hành-vi kinh-tế. Nói tóm lại, thì cái hành-vi tiêu-phí với hành-vi sinh-sản, hành-vi túc-dục với hành-vi kinh-tế, mấy cái ấy còn hỗn-độn chứ chưa phân-hóa, chính là cái đặc-trưng ở thời-đại ấy vậy, nghĩa là sự văn-minh của thời-đại tiến-hóa đến đâu thì sự sinh-sản và tiêu-phí nó cũng ly-cách với trình-độ của thời ấy, người ấy và đất ấy dần dần xa mãi ra. Phàm nhất-thiết những hóa-vật của xã-hội ngày nay, từ lúc ra khỏi tay nhà sinh-sản, đến trung-gian lại trải qua vô số người luân-chuyển đi, rồi sau mới đến được nhà tiêu-phí ; sinh-sản với tiêu-phí mà cách nhau ở tại người nhiều lắm cái địa-vị sinh-sản với cái địa-vị tiêu-phí cách nhau cũng thật xa, từ khi sinh-sản hoàn-thành cho đến lúc tiêu-phí, trải qua thời-khắc cũng đã lâu, cho nên sự sinh-sản với tiêu-phí nó li-cách cái quan-hệ của người ta, của địa-phương với thời-đại cũng xa lắm. Vì thế cái hành-vi sinh-sản với cái hành-vi tiêu-phí nhân đó mà phải chia ra làm hai, là : Sự kinh-tế về sinh-sản với sự kinh-tế về tiêu-phí nó phân-li nhau, nên nghề-nghiệp với gia-kế trong nhà, rõ ràng chia ra làm hai việc. Vì phỏng truy-nguyên từ cái thời-đại chỉ biết kinh-tế trong gia-tộc là tự-túc, thì cái chủ-nghĩa sự sinh-sản với tiêu-phí cho làm một, mà cái địa-vị sự sinh-sản với tiêu-phí cũng như nhau ; những hóa-vật ở sau lúc sinh-sản không mấy lúc mà đã cung cho nhà tiêu-phí dùng, thì cái hành-vi sinh-sản với hành-vi tiêu-phí tuy rằng chia đôi, mà cái kinh-tế sinh-sản với kinh-tế tiêu-phí thì vẫn không có thể phân-biệt ra được. Lại thử truy-luận từ thời-đại nguyên-thủy, thì sự sinh-sản với sự tiêu-phí của người ta, của địa-phương với thời-kỳ đều không phân biệt được cả. Vì như người man-tộc đi săn mà được con vật gì, thì tức thời người ấy ở ngay chốn ấy và lúc ấy mổ thịt mà ăn, vậy nên nghề đi săn của họ nên cho là một bộ hành-vi tiêu-phí mà thôi, chứ không phải là cái hành-vi sinh-sản được. Nay vì muốn chia tách ra

mà nói; thì sự đi săn với sự ăn thịt của họ, hợp lại thành ra một cái hành-vi, mà trong một thể ấy thì sự sinh-sản với tiêu-phí lại hỗn-hợp mà chưa phân-hóa. Cho nên cứ lấy lẽ đó mà bàn, thì nhảy múa với săn-lưới, hai cái đó tính-chất phải khác nhau, săn lưới thì hình như thiên về mặt hành-vi sinh-sản, mà nhảy múa thì thiên về mặt hành-vi túc-dục. Xã-hội văn-minh ngày nay cũng lấy sự săn lưới làm sự vui sướng, dân săn lưới được tiến-hóa làm dân canh-nông mà sở dĩ chậm-chạp như thế cũng chỉ vì sự săn lưới là sự vui, không như sự canh-nông là sự khổ. Cho nên bảo người ta tòng-sự về nghề săn lưới, thật không phải là cái sinh-sản hành-vi. Sự hành-vi mà gọi là sinh-sản hay là tiêu-phí, không bởi tại cái tính-chất vẫn có sẵn mà định đâu, chính bởi cái động-cơ sự hành-vi ấy mà định. Tức như một việc nhảy múa, ở các nước Âu-Mỹ thì có cuộc khiêu-vũ, ở nước Nhật-bản thì có lối «nhảy-bổn», vẫn là cái hành-vi để túc-dục; thế mà những con hát người múa lại lấy nghề ấy mà sinh-nhai được; lại cũng có thể cho sự nhảy múa là thuộc về cái hành-vi kinh-tế được. Nói tóm lại, thì loài người ở thời-kỳ mới chỉ biết tiêu-phí mà không biết sinh-sản; săn lưới với nhảy múa chỉ đủ cung cho họ tiêu-phí, song hai cái đó bản-chất khác nhau; nhảy múa tức là cái hành-vi túc-dục, mà săn lưới thì chỉ là một cái bộ-phận hành-vi túc-dục mà thôi. Vì vậy, giống người mãn thích nghề nhảy múa bao giờ cũng nhiệt-thành hơn nghề săn lưới, đó tức là một chứng cớ vậy. Vậy nên lấy những lời bàn ở trên mà kết luận, thì chúng ta tuy gọi tên cái thời-kỳ thứ nhất của nhân-loại là cái thời-đại có tiêu-phí mà không có sinh-sản, nhưng kỳ thực là cái thời-đại sinh-sản với tiêu-phí chưa phân-hóa. Các nhà luận-giả vì không hiểm rằng cái tên gọi còn sai, thì ta lại đặt tên cho thời-đại ấy là cái thời-đại dẫu có cái hành-vi sinh-sản, nhưng chưa đủ cái tính-chất về sự kinh-tế hành-vi vậy.

(còn nữa)

VŨ-KINH *dịch-thuật*

VĂN THƠ

Lên núi Dục-Thúy

Chốn cũ Trương-công dấu đã mờ,
Loảng-nhoảng quốc-ngữ mấy hàng thơ
Nào ai là « khách » ai là «chủ» ? (1)
Non nước nghìn thu dà ngán chưa?

(1) Trên núi Dục-Thúy có những chỗ đá đục ra như là ghế ngồi, trên lại có đục những chữ « khách », chữ « chủ », ý là chỗ này khách ngồi, chỗ này chủ ngồi thì phải.

Chơi chùa Non-nước

Nước non duyên nợ có chi đây,
Mà bỗng lăng-băng đến chốn này.
Sông chảy, đá trơ, mưa nắng giãi,
Tình riêng riêng những ngẩn-ngơ thay !

Đi thuyền đêm ở sông Hạc

Đêm khuya gió lạnh trăng mờ,
Thuyền nan một chiếc lửng-lơ giữa dòng
Bốn bề sóng nước mênh mông,
Tấm thân nhường thoát ngoài vòng trần-ai.

* * *

Xinh thay non nước,
Cuộc nhàn-du ao-ước bấy lâu nay.
Bỗng ai đưa ta đến chốn này,
Kho vô-tận riêng đây thưởng-ngoạn.
Giầu có nào ai ngàn với vạn,
Quan sang những kẻ thiếu cùng thừa.
Thú phong-lưu ai dễ đã hơn chưa?
Thuyền Xích-Bích ngày xưa âu cũng thế.
Bước hồ-hải bềnh-bồng chi sá kể,
Gặp lúc vui chèo quế hãy thung-thăng.
Non sông duyên nợ gì chăng ?

HẠC-THẦN

Bảy mươi tự-thọ

Năm nay cụ đã bảy mươi rư ?
Rượu cụ nào đâu, chỉ thấy thơ ?
Mắt chẳng deo gương nhìn dếch thấy ;
Tay không cầm gậy ngã bây giờ !
Đêm bóng đêm tưởng nằm còn mỏng ;
Thịt nạc ngày kêu nấu chửa rừ !
Hàng xóm linh-đình khao xướng hát ;
Tiệc mừng hỏi cụ, cụ mần-ngơ.

ĐÔNG-LÀM *sao-lục*

« Cô đầu đương » mắng « cô đầu cựu »

Xưa kia em ở chỗ nào ra ?
Thờ « Bạch-mi thần » với chúng ta.
Nay mới khỏi vòng, cong... vội mấy !
Nghênh-ngang giở giọng bộ quan-bà.

Đáp lại

Hồng-lâu chốn ấy thoát vòng ra,
Gặp khách phong-tình cứu vớt ta.
Có sắc, có tài, tri-kỷ khéo,
Xưa con nay đã nhảy lên bà.

Thanh-Bình TRẦN-VĂN-THỌ

Núi « Con gái »

(Tại vịnh Hạ-long có rất nhiều núi mọc gọi là núi « Con gái » thế núi hiểm-trở mà cảnh đẹp lắm).

Chiếc lá bồng-bềnh chở nhẹ tom,
Quanh đèo nghe sóng vỗ lòm bom.
Khỉ chui kẽ đá giơ đầu trọc,
Chăn rúc lùm cây uốn khúc khom ;
Nháo-nhác đầu non chim bắt bọ,
Lao-xao mặt bể cá vờn tôm.
Chơi đây « Con gái » trời kia tạo,
Nhắn hỏi làng chơi mấy kẻ nhòm ?

KÍNH-ĐÀI

Nợ đời

Ai trút cho ta gánh nợ đời ?
Nợ đời rầy lắm hỡi ai ôi !
Bèn tình, bèn nghĩa, bèn ân-ái,
Mới lọt lòng ra đã nợ rồi.

* * *

Mới lọt lòng ra đã nợ rồi,
Kẻ vay người trả biết bao thôi ?
Nằm đêm riêng tưởng mình ta mắc,
Nào biết nhân-gian mắc khối người.

* * *

Nào biết nhân-gian mắc khối người.
Khối người vương-víu chẳng mình tôi.
Cậy ai nhắn nhủ người đồng-bệnh,
Trang-trải dần khi cũng phải xuôi.

Tùng-long NGUYỄN-KHÁNH-VĂN

Thấy ảnh nhớ người

Những là xa vắng bấy nhiêu lâu,
Thấy ảnh nhau mà lại nhớ nhau.
Nhớ lúc đầu non vầng nguyệt tỏ;
Nhớ khi trước án ngọn đèn thâu.
Đoái nhìn cây cỏ lòng thêm ngán;
Nghĩ tới non sông ruột lại rầu.
Khôn biết cùng ai mà nhắn hỏi :
Bể đông kia phỏng mấy trùng sâu?

Tự-Thuật

Trông gương ta lại tiếc cho ta,
Tuổi đã đôi mươi mấy nữa già.

Chi cả những mong đền nghĩa nặng;
Phận hèn chi dám ngại đường xa.
Biết rằng trời có chiều chăng nhỉ?
Mà để lòng này mãi thế a?
Vơ vẩn những say, say lại tỉnh,
Hỏi ai ai có thế du mà?

Nhớ bạn

Lần lần tháng trọn ngày qua,
Đổi thay rầy đã nên và thu-sương.
Xa xôi cách mấy dặm trường,
Nhớ người cố cựu dạ càng ngẩn ngơ.
Buồng văn hôm sớm đợi chờ,
Đợi chờ biết đến bao giờ gặp ai?
Sông kia chi để cật bồi,
Non kia chừng cũng nhuộm mùi rêu xanh.

Suy đi hỏi lại một mình,
Một mình với bóng tự tình là hai.
Mịt mù nước thẳm non khơi,
Chung quanh nào biết ai người tri-âm.

Lòng riêng riêng những âm-thầm,
Đàn treo biếng gẩy, thơ ngâm ngại lời.

Mây bay man mác phương trời,
Trông mây luống chạnh nỗi người hợp tan.
Tình thương khôn xiết muôn vàn,
Làn la gió nội trăng ngàn làm khuây.
Còn trời còn nước non dây,
Cuộc vui ta sẽ đợi ngày trùng-lai.

Phúc-đình DƯƠNG-DUY-DAO

Cuộc luân-chuyển

Miễu

Cuộc đời luân-chuyển càng dài,
Càng năm, càng tháng, càng ngày, càng lâu.
Càng thêm cho quả địa-cầu,
Càng quay càng đặc cái bầu càng to.

Nói :

Xuân lai xuân khứ :
Xuân khứ xuân hựu lai.
Trải bao phen vật đổi sao dời,
Hết xuân, hạ, thu, rồi đông lại tới
Tính đốt đã băm-tư năm mới :
Mà xuân này nào khác những xuân xưa.

Chúa-xuân kia sao khéo thờ-ơ,
Chi để khách làng-thơ thêm thắc-mắc ?

Cuộc canh-cải cùng, thông, thất, đắc;
Đường thế-đồ nam, bắc lại đông, tây.
Nghìn muôn năm âu cũng thế này,
Cuộc ngày tháng vẫn xoay còn mãi mãi.
Minh-nguyệt thanh-phong thiên-cổ lại
Vô-tận-tàng riêng đãi khách văn-nhân.

Có khi vạn-vật hồi-xuân.

NGUYỄN-DUY-LIÊM

Cuộc đời

Thị-phi chỉ tại da khai-khẩu,
Phiền-não dai do cưỡng xuất-đầu.
Gẫm cuộc đời, ờ ! bãi bể nương dâu,
Nỡ đem thói cơ-cầu chi cho nhọc.
Một dẫy thị-thành đem bán rẻ,
Nhắm chừng thôn-lãnh rược đi ro.
Nợ trần-hoàn ư-hử đừng lo,
Ai đòi hỏi, nọ sẵn kho vô-tận.
Thử-địa dung-thân vô hối-hận,
Nhân-cư lạc-xử mạc cần-lao.
Của trời phong-nguyệt tiêu-rao,
Rượu lếu-láo đủ nghêu-ngao vui thú.
Vạn-vật hữu thường-thường rả chủ;
Mặc non, già, thiếu, đủ đến đâu đâu.
Trăm năm kẻ trước người sau....

Kính-trai LÊ-QUANG-TÚC (Huế)

Bài phú «đánh bạc»

(Tập Kiều)

Lấy vần « Này ai mê vào sau mà chừa đi »

Lân-la nhà bạc,
Âm-ỹ canh chầy.
Hai bên giáp mặt,
Trăm lạng trao tay.
Tiền lưng đã sẵn,
Túi tham cho đầy.
Lần-giở trước đèn, ầm-ầm đâu đã ;
Khiến người trong tiệc, đăm đăm càng say.
Buổi mới lạ-lùng, chưa từng lòng đây lòng đấy.
Tiếng đồn nô-nức, rõ-ràng mặt ấy mặt này.

Có một người :

Vì chút hay chơi,
Ngày xuân còn dài.
Bạc đem mặt bạc,
Ai cũng như ai.
Khách viễn-phương bấy lâu nghe tiếng,
Người tri-kỷ luống những lắng tai.
Bên nào nặng hơn, mua về thoắt bán ;
Tiếng nào là chẳng, một đã ra mười.
Đóng mặt trong ngoài, lối nào cho qua ai dứt.
Dịp đâu may-mắn, được rày như chút thơm rơi.

Đã quen :

Liệu nẻo đi về,
Lưng túi đề-huề.
Đà-mang lấy nghiệp,
Học lấy những nghề.
Mảng vui chè trưa rượu sớm,
Biết bao công mượn của thuê.
Rập-rìu tài-tử đai-nhân, trong tay đã sẵn.
Đua nhau vương-tôn quí-khách, hơi đồng thì mê.

Khéo thay !

Người gặp-gỡ,
Lời kết-giao.
Xắn tay mở ;
Quen mặt chào.
Bằng lòng khách mới :
Của dẫn tay trao.
Trước thì vốn, sau thì lời, ngẫm xem cho kỹ.
Vào thế kia, ra thế ấy, biết nghĩ làm sao ?
Mẹo lừa đã mắc vào khuôn, làng chơi ta phải biết.
Đêm ngày giấu quanh giữ mực, nợ đâu ai dắt vào ?

Thôi còn !

Rấy lần mai lừa,
Vào trước ra sau.
Cùng nhau trông mặt,
Vừa ý gật đầu.
Khi chung-chạ, khi đứng-ngồi, đã cầm cho vững.
Càng quen-thuộc, càng dan-díu, hạ-cố đến nhau.
Vội về thêm lấy của nhà, gỡ ra cho được.
Chầy xuôi thì theo ngọn nước, thấm vào càng sâu !
Trơ như đá vững như đồng, khéo thay mặt dạn !
Quỉ đưa đường mà dẫn lối, chắc vào lưng đâu ?

Âu là :

Lại hợp một nhà,
Thua cờ cầu-hòa.
Buồn này đã bỏ !...
Vui gượng kẻo mà !...
Vài canh mua vui, rủi-may âu cũng !
Trăm nghìn đổ một, sau-trước cũng là !...

Lỡ một lầm hai, phong-trần đã dấy vào kiếp !
Thay đen đổi trắng, vốn-liếng đi đời nhà mà !

Rồi ra :

Nỗi lòng dòi-đoạn !
Trông mặt ngẩn-ngơ !
Người dâu sâu-sắc,
Khách đề hững-hờ ?
Có vững tay co, người ta tiền ai mất ?...
Bỏ trong miệng kiến, làm cho bạc chẳng vừa !
Rủng chàm đã biết dại rồi, có làm chi nữa !
Hồi đen qua chơi lại gặp, từ sau xin chừa !

Thôi thì thôi !

Nghề chơi cũng lắm,
Cứ trong mà suy.
Nhân khi bàn-bạc,
Biết lời thị-phi.
Mắt xanh chẳng để,
Bạc-đen việc gì ?....
Của hãy còn, nghìn vàng thân ấy !
Nợ chưa trả, Trăm năm kể chi !
Quân-tử đã lòng đa-mang, sao cho thoát khỏi ?...
Tri-kỷ mấy người sau trước, thì cũng bỏ đi !

(Lại-trì Cử-nhân Hà-mai-Khôi soạn)

Nguyễn-bá-Sưởng sao-lục.

LĨNH-NAM DẬT-SỬ DIỄN-CA

(Diễn-giả : Lâm-chúc-Hiền tiên-sinh)

(Tiếp-theo)

Hồi thứ hai mươi mốt

Hoàng-Phùng-Ngọc tìm được Trương-Thu-Cốc

Phút nghe có thám-tử về,
Rằng quân Hoả-dới đánh kề Thác-viên.
Triều-đình khu-xử chưa yên,
Lòi thòi mấy lúc còn phiền binh, quan.
Chàng liền bẩm tỉnh xin sang,
Quyết trừ giặc dữ, cứu an dân lành
Đến nơi giết được Lại-Danh,
Phá đồn Hoả-dới tan tành một khi.
Khinh Hà-túc-Tượng ngu-si,
Bắt không thèm giết, tha đi về làng.
Tượng về vừa đến nữa đàng,
Gặp quân du-kỳ bắt sang Trái-đầu(1).
Đạo trời báo ứng chẳng lâu,
Dữ lành đến lúc đáo đầu mới hay.
Ông bà Thu-Cốc cũng may,
Ở lành gặp phúc bấy nay song toàn.
Hỏi ra trong lúc gian-nan,
Quí-Nhi chẳng biết lạc đàn về đâu ?
Chí-Long lã chã giọt châu,
Mẹ cha còn đó, em đâu mà tìm.
Trương người bèo nổi, mây chìm,
Vật mình, Hoàng khóc đường Kim khóc Kiều.
Trương-công khuyên giải hết điều,
Mai-Thư, Công-chúa cũng theo dỗ-dành.

(1) Du-kỳ là quân trinh-thám. Quân du-kỳ ở Trái-đầu đi tuần, gặp Hà-túc-Tượng mới bắt qua Trái-đầu. Đến sau Túc-Tượng bị Trương Quí-Nhi giết.

Giặc yên thưởng tướng khao binh,
Tư-văn một lá phúc trình tỉnh-quan.
Ai ngờ gặp Đốc-bộ-đường,
Là tên Súc-Nhục ghét chàng đã lâu.
Biểu văn thêu dệt vài câu,
Muốn gia cho tội, còn cầu gì công.
Cửa vua ngàn dặm, chín trùng,
Sao duyên nước cá, mây rồng dở giang.
Đón dàng đã mắc sài-lang, (1)
Treo cung (2) chàng muốn về làng tỉnh thân.
Chúa rằng họ Súc lòng sằng,
Chàng đi e nỗi khó khăn giọc đường.
Lòng người hãm hại trung-lương,
Một mình dâu dễ chống đương được người.
Mẹ cha hội-ngộ còn dài.
Hiếu thân nên trước liệu bài thủ thân.
Thấp cao mấy lẽ phàn trần,
Chàng nghe, nghĩ cũng nhiều phần khó đi.
Chốn này chẳng ở làm chi,
Cùng nhau lại phải lui về Gia-sạn.
Xót lòng kỉnh-tử cung tang, (3)
Đám mây xa ngút, non Hàng ở đâu? (4)
Lục-nga nhớ đến vài câu, (5)
Này ơn chín chữ cao sâu chưa đền.
Kim-thoa dở đến của tin,
Nghĩ mình phụ ước cho nên lụy người.
Bấy lâu góc bể chân trời,
Chiếc thân bồ-liễu, giữa đời phong-ba.

(1) Có câu rằng : sài-lang đương đạo yên vấn hồ ly, nghĩa là muốn sói đón đàng thì phải lo đã, chớ lo gì đến con chồn con cáo.

(2) Treo cung là ý nói không theo việc chinh chiến nữa.

(3) Tang-tử là cây tang cây tử của cha mẹ chồng. Cung tang kỉnh-tử là lòng kính mến cha mẹ, yêu chuộng quê hương.

(4) Xưa ông Địch-nhân-Kiệt trông thấy đám mây bạc trên đỉnh núi Thái-hàng mà nhớ đến chỗ cha mẹ ở.

Nỗi riêng, riêng những xót xa,
Một là thất hiếu hai là phụ tâm.
Phòng-loan tuy sẵn sắt-cầm,
Ôm cầm thiếu một tri-âm khốn đàn.
Sớm thăm tối viếng nhạc-đàng,
Sai người tứ xứ tìm nàng Quí-Nhi.

Hồi thứ hai mươi hai.

Trương-quí-Nhi về ở Đào-hoa-thôn.

Mai-thôn từ lúc tương-tri,
Trăm vàng trả nghĩa, gắm ty kết nguyền.
Nghĩ mình duyên đã đẹp duyên,
Đợi chàng về sẽ đoàn-viên vợ chồng,
Ngày đêm chăm việc nữ-công,
Thêu may khăn áo đàn ông, cho chàng.
Ai ngờ tai-biến lạ nhường!
Nửa đêm gặp giặc tìm đường lánh thân.
Đem theo một gói áo khăn,
Bờ ao bụi hóp bàng khuâng một mình.
Rạng xem nhà cửa tan-tành,
Thị-tì chỉ một Tiểu-thanh hãy còn.
Nghĩ mình phận gái phẩn son,
Mẹ cha lạc nẻo, bà con niềm người.
Ở đây nương tựa cùng ai ?
Đào-thôn thôi phải tìm nơi nhà chồng.
Thẩm tình nhìn mặt khóc ròng,
Khóc thôi mới quyết một lòng ra đi.
Sẵn đồ khăn áo còn đây,
Cải trang nam-tử, tớ thầy bước ra.
Quản bao ngàn dặm quan-hà,
Quản bao nắng táp mưa sa giọc đàng,
Mười ngày đến huyện Trình-hương.
Lần lần lại hỏi đến làng Đào-hoa.
Núi khe trải mấy khúc qua,
Quanh quanh đàng núi, xà xà bóng cây.

(5) Thơ lục-nga là thơ của người hiếu-tử kể công ơn cha mẹ.

Hoa đào rực rỡ tốt thay,
Dưới đào đã thấy lố bày thôn-trang.
Hỏi thăm nhà cửa rõ ràng,
Vào nhà yết-kiến gia-nương bày tình.
Đầu đuôi kể hết rành rành :
Gấm tơ lễ sính bên mình dâng lên.
Ông bà thấy vật mới tin,
Trông con mấy lúc, nay nhìn nàng dâu.
Vào nhà đổi áo ra hầu,
Non xuân mày lợt, trăng thu mặt tròn (1).
Thấy dâu chẳng khác thấy con,
Đoan-trang nết ở, thần-hồn lễ thường.
Quanh năm chẳng thấy tin chàng,
Người nương cửa khóc, kẻ trông gương sầu.
Qui-Nhi về đó ít lâu,
Một ngày có khách ở đâu đến nhà.
Hỏi tên rằng gã Bàn-La,
Hỏi quê rằng ở trên Gia-san về.
Chuyện chàng kể rõ mọi bề,
Phong thư lễ vật, chỉnh tề bày ra.
Rằng : người Công-chúa sai qua,
Lễ nầy dâng chúc ông bà bình an.
Được tin, ông lại lo bàn,
Nghĩ con lỡ bước, sợ nàng sầu riêng.
Qui-Nhi vui vẻ thưa liền,
Rằng : nghe Công-chúa kết duyên cùng chàng.
Quản người tì hổ muôn ngàn,
Dù quân Hỏa-đới bạo - cường cũng thua.
Nhờ người may phục được thù,
Mẹ cha lưu-lạc ngày sau tìm về.
Ông nghe dâu nói cũng ghê,
Khen rằng kiến-thức chẳng hề ghen tuông.
Trông chồng ngày một nhớ thương,
Thu thâu đã mãn, dòng tàng lại qua.

(1) Mày lợt như non xuân, mặt tròn như trăng thu.

Vườn xuân mấy độ tin hoa,
Trúc reo luồng gió, mai tà bóng trăng.
Lệ châu thấm đỏ gối, chăn,
Bên tình, bên hiếu, bệnh càn khó trừ.
Dần dần nhuốm bệnh ưu-tư,
Thuốc thầy chẳng hiệu, phù sư chẳng nhằm.
Thấy dâu, ông những lo thầm,
Trông con, ông chẳng thấy tâm dạng gì.
Nghĩ rằng bệnh nó ngày nguy,
Tìm con ta phải kíp đi mới đành.
Nghe bàn thời bệnh liền lành,
Cải trang, nàng lại quyết tình theo chàng.

Hồi thứ hại mười ba.

Hoàng-tư-Trai tìm con gặp giặc.

Tiệc nhà phó thác gia-nhân,
Thuê phu mượn kiệu tưng bừng rước đi.
Ông bà cùng ả Qui-Nhi,
Theo hầu thời có thị-tỳ Tiểu-thanh.
Bàn-La cũng bạn đồng-hành,
Quen đàng chỉ dẫn rành rành chẳng lo.
Tùng-giang đi đến bến đò,
Thuê thuyền xuôi nước thẳng ro một dòng.
Cơ trời họa phúc khôn lường,
Tìm người chưa gặp, giữa đường gặp ma.
Trời hôm, sóng rộng bờ xa,
Thuyền dâu rược đến nhầy qua một bầy.
Bàn-La tỉnh giấc ra tay,
Rút gươm kháng-cự, giết ngay vài thằng.
Thương thay chích thủ đơn thân,
Phải tên phút đã ngã lăn giữa dòng.
Một thuyền thầy tớ vợ chồng,
Bó tay chịu trói ôm lòng kêu oan.
Ông bà khôn xiết kinh hoàng.
Qui-Nhi khi mới làm gan anh-hùng.

Nghĩ mình đã mắc vào vòng,
Dù kêu khóc mấy, cũng không được gì.
Sao bằng liệu chước cứu nguy,
Làm người ứng biến tùy kì mới là.
Rạng ngày theo lũ lâu-la,
Ghé thuyền lên bộ giẫn qua Trái-đầu
Nhìn xem dinh, trại, nhà, lầu,
Người đều mặt ngựa đầu trâu dữ dằn.
Bèn trên chủ trại Lam-Nang,
Mặt chàm râu đỏ, trắng trắng mắt thau.
Hai bên, quân tướng đứng hầu,
Bốn bề khí-giới, gươm dao rạng ngời.
Lòi-đình hầm hét vang trời,
Mà nàng đứng vững tươi cười chẳng nao.
Lam-Nang thấy vậy đòi vào,
Hỏi rằng : thằng bé làm sao chẳng quì ?
Thưa rằng ngài chẳng rộng suy,
Vòng tay cúi mặt ích chi cho ngài.
Muốn nên việc lớn giữa đời :
Mà không dùng kẻ hiền tài, lẽ chi.
Lam nghe lời nói cũng kỳ,
Rằng mày, hẳn có tài gì khoe khoang ?
Rằng tài Y, Lữ dám đang,
Còn như mưu lược văn-chương đủ dùng.
Nếu ngài bắt chước Hoàng-công,
Biết tài Quản-Trọng mở vòng tha ra.
Hay là bắt chước Hàng-Gia,
Xuống thềm mở trói Tả - Xa mời ngồi. (1)
Cho tôi được triển tài tôi,
Giúp người sự-nghiệp, để đời công-danh.

(1) Xưa ông Hàng - Tín bắt được ông Tả-xa mở trói mời ngồi mà hại mưu kế.

Ngài đừng thấy trẻ mà khinh,
Vua Lưu tam cố Khổng-Minh làm gì ?
Đại-vương sức mạnh ai bì,
Ba quân hổ báo, hùng tì xiết dâu. (1)
Thế mà cử sự đã lâu,
Ra vào một cõi Trái-đầu mà thôi.
Há không gươm lớn giáo dài,
Bởi người mưu-sĩ chưa ai giúp cùng.
Thấy người ăn nói lầu thông,
Kíp truyền mở trói vào trong cho ngồi.
Qui-nhi cúi tạ ơn người,
Lại xin mở trói cả hai ông bà.
Tiểu-Thanh cũng được tha ra,
Trọng tài, Lam lại rượu trà khoản-tân. (2)
Hỏi tường tên họ ân-cần,
Nam-trang, ai biết thoa-quần mà nghi.
Cùng nhau bàn luận binh-kỳ,
Uốn ba tấc lưỡi, hỏi gì đáp xong.
Lam nghe, đẹp ý bằng lòng,
Thương người lại muốn sàng-đông lựa người. (3)
Nhà Lam có một gái tài,
Cũng tay sắc nước hương trời kém chi.
Cũng dòng cây ngọc ngành chi,
Con nhà họ Tạ, tên thì Kim-Liên.
Trẻ thơ gặp lúc chuân-chiên,
Minh-linh (132) gá nghĩa thuyền-quyên lạc loài.
Mượn tình cha ghẻ con nuôi,
Mấy lâu sơn-trại theo đòi họ Lam.

(1) Hổ, báo, hùng, tì là tên bốn con thú vật. Quân mạnh như cọp như gấu.
(2) Khoản-tân là tiếp khách.
(131) Lam-Nang muốn gả con gái cho Trương-qui-Nhi,
(3) Minh-linh là con nuôi. Chữ rằng minh-linh hữu tử qua lỏa phụ chi : nghĩa là con tò-vò cũng con sâu về làm can.

Thù cha dạ vẫn chưa cam,
Chút thân bỏ-liễu biết làm sao đây !
Trời xui hội-ngộ cũng hay,
Tạ, Trương hai ả, đông tây một nhà.

Hồi thứ hai mươi bốn

Tạ-kim-Liên hết bạn phục-thù

Cầu thân vừa rõ ý ra,
Qui-Nhi kinh hãy thưa qua mấy lời.
Quá thương xin đội ơn người,
Tôi còn chút bệnh lôi thôi chưa lành.
Vả tôi tuổi tác còn xanh,
Xin cho lập được công danh sẽ bàn.
Lam rằng : ta chức Đại-vương,
Mày làm Phò-mã, còn bàn công-danh.
Thưa rằng : sung sướng đã đành,
Chỉ hiềm vương-bả chưa thành việc chi.
Trái tai, Lam muốn giết đi,
Kim-Liên trong trướng tức thì thưa xin.
Rằng : cha mở rộng lượng trên,
Đương đồ nghiệp lớn, chẳng nên hại người.
Xin đem giam cầm một nơi,
Thế nào gã cũng thuận lời dám sai.
Nghe con tỏ giải một hai,
Mặt chàm xem cũng bớt oai lôi-đình.
Qui-Nhi may khỏi gia hình,
Phạt giam ra ở một mình vườn hoa,
Trong vườn có cảnh, có nhà,
Có hồ nước chảy, có tòa đá xây.
Xót mình lưu lạc đến đây,
Vào vòng trộm cướp biết ngày nào ra.
Đêm khuya trống đã điểm ba,
Bên tai tiếng sáo, tiếng ca lại gần,
Sáo đâu nghe tiếng não nhân ?
Ca đâu nghe tiếng mười phần thanh-tao ?
Ngẫn ngơ chưa rõ thế nào,
Người tiên bỗng thấy bên dào bước ra.
Tay cầm một nhánh hoa lan,
Hỏi rằng người phải Hoàng-lang đó mà ?
Nghe chàng có tiếng hay thơ,
Đồng-tâm-lan ấy, xin nhờ khúc ngâm (1).
Tôi là thị-nữ nhà Lam,
Tiểu-thư người dạy ra làm thơ chơi.
Qui-Nhi nghe cũng chịu lời,
Thơ ngâm tứ tuyệt một bài chẳng lâu.
Hai người xướng họa cùng nhau,
Bên câu u-oán, bên câu ân-tình.
Bốn bề người vắng đêm thanh,
Ngâm rồi, người lại đinh-ninh việc người.
Rằng em bất quản hồ người,
Đến đây có một vài lời xin thưa,
Vốn em có việc thù xưa,
Báo thù em chỉ trông nhờ tay anh.
Qui-Nhi thấy nói cũng kinh,
Hỏi rằng cái sự bất-bình tại đâu ?
Rằng em nhà ở Tô-châu,
Năm xưa bị giặc Trái-đầu phá tan.
Hai mươi bảy miệng thác oan,
Mẹ con lại mắc vào đoàn thù - nhân.
Em không phải gái Lam-Nang.
Vốn dòng họ Tạ, tên rằng Kim-Liên.
Nay đà khuất bóng từ-huyên,
Một mình khốn giải oan-khiên cả nhà.
Nói thôi ngọc ủ châu sa,
Qui-Nhi mới dám tỏ ra sự mình.
Mới hay chị chẳng phải anh,
Em, tình như chị, chị tình như em.
Đồng lòng kết nghĩa đoàn-kim (2).
Trên hồ chỉ nước, trước rèm chỉ trang.
Phòng hương ả Tạ lui chân,
Rạng ra gửi với Lam-Nàng ít lời.

(1) Nàng Tạ-kim-Liên giả làm người tơ gái cầm hoa lan ra xin Qui-Nhi vịnh thơ. Chữ rằng : đồng tâm chi ngôn kỳ xú như lan ; Kim-Liên lấy hoa lan làm đề thơ, ý muốn tỏ giải việc đồng tâm vậy.

(2) Nghĩa đoạn-kim là nghĩa bạn bè đồng lòng với nhau. Chữ rằng : nhị nhân đồng tâm kỳ lợi đoạn-kim.

Rằng con đã khảo thơ bài,
Nay chàng chẳng dám ỷ tài nữa đâu.
Rộng ơn tha tội Sở-tù (1).
Trong quân dùng gã vận-trù cũng hay.
Lam nghe, truyền lệnh tha ngay,
Qui-Nhi từ đó hết ngày gian-chuân.
Chọn ngày làm lễ thành thân,
Giai-nhân sánh với giai-nhân lạ lùng.
Chén quỳnh tịch-thuốc động phòng,
Đáng ngoài chồng vợ, tình trong bạn-bè.
Vườn hoa sửa dọn chỉnh-tề,
Ông bà Hoàng-thị rước về cả hai.
Việc mình khi đã yên rồi,
Việc người khi mới bày tài kinh-luân.
Nào khi tập trận, diễn quân,
Xem ra thao-lược cũng gần Tôn, Ngô. (2)
Tin dùng tài rể, chẳng lo,
Quân-sư ấn kiếm giao cho binh quyền
Trời cho trả được thù riêng,
Gặp Hà-túc-Tượng, nàng liền hỏi tra. (3)
Đầu đuôi Tượng phải khai ra,
Nỗi thù Phùng-Ngọc dốt nha Trương-công.
Nỗi sau lại bắt Chi-Long,
Gặp người tuổi trẻ anh hùng cứu đi.
Nỗi Hoàng-Lang mắc tai-nguy,
Nỗi bà Công-chúa giải vây cứu chồng.
Nỗi quân Hỏa-đới đã tan,
Hoàng-Long tha tội mới sang chốn này.
Mấy lâu nhập lỏa ở đây,
Việc Trương-thu-Cốc, chẳng hay dặng tường.

(1) Xưa ông Chung-Nghi là người tù nước Sở.

(2) Ông Tôn-võ-Tử, ông Tôn-Tẫn và ông Ngô-Khỉ đều giỏi việc binh.

(3) Lúc ấy Hà-túc-Tượng qua ở Trái-đầu làm tướng nên Qui-Nhi gặp được.

Qui-Nhi nghe nói xót thương,
Tìm mưu giết Tượng giải oan-trái nhà.
Lưới trời chẳng lọt yêu ma,
Cao bay xa chạy chẳng qua trong vòng.
Vừa khi họ Súc đồng nhung,
Vài ngàn quân lính đùng đùng kéo lên.
Trái-đầu đồn lũy vững bền,
Qui-Nhi trù-hoạch lại nên mọi bề.
Làm cho một trận gớm ghê,
Quân thua, họ Súc chạy về Quảng-đông.
Việc biên gởi thấu cửu-trùng,
Tội người thất trận chẳng dung, xiềng về.
Đạo trời báo phục cũng ghê,
Ganh tài hại nước, miệng bia muôn đời.

Hồi thứ hai mươi lăm.

Trương-Qui-Nhi gặp chồng

Hung-tinh khi đã trừ rồi,
Phúc-tinh mừng thấy chiếu trời sai ra (1).
Có quan danh-tướng nước nhà,
Họ là Ngô-thị, tên là Quế-Phương.
Khâm-sai tiết-chế một phương,
Đem quân tiến-tiện liễu đường chiêu an.
Nghe rằng có gã Hoàng-Lang,
Có bà Công-chúa có nàng Mai-Thư.
Các người binh mạnh sức dư,
Dùng người thì việc tiễu - trừ mới xong.
Điều-trần sớ tấu một phong,
Xin cho Phùng-Ngọc hợp tùng quân quan.
Sớ lên, châu điểm sắc ban,
Đặc-ân phong chức Thị - lang cho người.

(1) Hung tinh là chỉ họ Súc, phúc-tinh là chỉ Ngô-quế-Phương.

Mừng nay mưa móc ơn trời,
Hoàng-Lang bái mệnh đến nơi hội-đồng.

Mai-Anh cũng muốn lập-công,
Kéo binh-mã đến Quảng-đông một ngày.

Ngô-Phương tiếp rước mừng thay,
Khai diên khoản đãi, định ngày hợp công.

Lam-Nàng nghe báo hãy-hùng,
Dóm binh hội tướng, bàn cùng quân-sư.

Qui-Nhi đã thám biết dư,
Biết chàng đã đến, biết cơ dễ làm.
Lập mưu, thưa với họ Lam,
Xin đi trình-thám cho am binh-tình.
Tiểu-đồng một gã tùy hành,
Địa-đồ với bức gấm Trình đem theo.
Tớ thầy dàng xá cheo leo,
Tìm dinh Phùng-Ngọc, vượt đèo băng sang.

Tuần-dinh bắt được hỏi han,
Dẫn vào đến trước dinh nàng Mai-thư.

Bên cật-vấn, bên đáp thưa,
Nàng Mai nghe chuyện cũng chưa rõ tường.
Chỉ-Long bỗng đến dưới màn,
Nhìn rằng: người ấy rõ ràng em ta.
Hỏi rằng nào mẹ nào cha,
Anh ơi! chính chị em là Qui-Nhi.
Ngọn ngành kể hết một khi,
Từ ngày ngộ biến ra đi đến giờ.
Hoàng-Lang nghe tiếng chạy ra,
Thấy chàng, nàng lại thẹn hoa khôn chào.

Tay nàng bức gấm liền trao,
Nhìn xem vật cũ, tuôn dào lệ thương.
Vì đây nên lụy đến nàng,
Mỗi người lưu-lạc mỗi dàng bấy lâu.
Cảm nàng ơn nặng nghĩa sâu,
Hai thân qua ở Trái-đầu bình yên,
Thưa rằng: chức phận đương nhiên.
Ơn chàng mấy lúc chu-tuyền nhà tôi.
Tấm riêng chi xiết khúc-nhôi,
Việc công xin hãy xem coi bản-đồ.
Cầm tay Công-chúa phân-phô,
Những nơi hiểm-yếu trên đồ phân-minh.

Nơi nào thời phải phục binh,
Nơi nào thời phải cướp dinh, rõ bày.
Nói xong, từ biệt ra ngay,
Mai-Thư theo gót để thay tiểu-đồng.
Hai nàng về đến vườn hồng,
Lấy tin Phùng-Ngọc ngỏ cùng Tư-Trai.

Ông bà mừng rỡ hỏa hai,
Chị em hợp nghị liệu bài nội-công.

Hồi thứ hai mươi sáu.

Hoàng Phùng-Ngọc gặp cha mẹ

Hai bên tin tức đã thông,
Lam-Nàng đâu biết trở lòng mà nghi.
Liền đem binh-mã ra đi,
Giữa đồn giao mặc Qui-Nhi một mình.
Bốn bề mai-phục rừng xanh,
Muôn tên bắn đến, ngàn binh ép vào.
Tung hoành trong trận binh-đao,
Phải tên, Lam đã tê dào xuống an.
Lâu-la kinh hoảng chạy tan,
Quân Hoàng đuổi đến ải-quan Trái-đầu.

Sẵn mưu nội ứng đã lâu,
Trong đồn mở cửa ra đầu quân quan.

Treo cờ ra lệnh chiêu an,
Vườn hoa đến viếng song-đường một khi.

Khóc rằng cha mẹ lưu-ly,
Bấy lâu kinh hãi, tội thì tại con.
Tải mình lỗi đạo thần-hôn,
Thua người hạ-sảnh đông-ôn đã nhiều (1).

(1) Xưa ông Hoàng-Hương thờ cha mẹ, đến mùa hạ nóng thì quạt hầu cho mát-đến mùa đông lạnh, thì mỗi bữa tối vào giường nằm của cha mẹ mà nằm trước cho có hơi ấm.

Cúi đầu cam tội hết điều,
Ông bà thấy cũng khóc theo dầm dề.
Qui-Nhi cũng đứng gần kề,
Cúi đầu chàng lại tỏ bề tạ ân.
Mai-Anh, Công-chúa tiếp chân,
Đều vào bái-yết hai thân họ Hoàng.
Mừng dâu đông đủ một đoàn,
Họ Mai, họ Lý, họ Trương ba người.
Tạ-kim-Liên cũng dễ cười,
Phù riêng đã trả, duyên trời mới xe.
Vì xưa đã nặng lời thề,
Chị em một dạ, theo về Hoàng-Lang.
Lạ cho túc-phước của chàng, (1)
Một mình bẻ liễu đài-trang bốn ngành. (2)

Chồng chung đều đẹp duyên lành,
Buồng hương gối phượng, tiệc quỳnh chiếu hoa.

Vợ gặp chồng, con gặp cha,
Trương, Hoàng hai họ ông bà gặp nhau.

Rượu chuyền chén, thơ nối câu,
Tiệc vui đồ hết gánh-sầu bấy nay.
Cờ hồng báo tiệp, mừng thay,
Ngô-Phương dâng sớ tàu bày chiến-công.

Duyên cá nước, hội mây rồng,
Ơn trời ban sắc gia phong mọi người.
Anh-hùng nỗi tiếng giữa đời:
Anh-thư nay cũng gặp thời hiển-vinh.

Gia-sơn, Thiên-mã bãi binh,
Đem nhau về với triều-đình, làm quan.
Người có xưa ở Trà-san,
Bây giờ mừng thấy một đoàn dâu con.

Thăm cô ba bốn năm tròn,
Xây quanh Quế-lĩnh, Mai-thôn rồi về.
Trời xui lắm sự nhiêu-khê,
Vầy duyên hội-ngộ được bề công-danh.

(1) Túc phước sở di, nghĩa là phước đời nào để lại.

(2) Ấy nói Phùng-Ngọc được bốn vợ. Liễu đài-Chương, điển-tích đã chú-thích ở trước rồi.

Vợ chồng về đến thần-kinh,
Chồng ngồi các tía, vợ vinh cáo vàng (1).

Khi nên cả họ giầu sang,
Trương-phi-Long cũng bảng vàng luân khôi.
Trương-thu-Cốc, Hoàng-tư-Trai,
Đều lên cõi thọ cả hai ông bà.
Phong-lưu phú-quí một nhà,
Sắt-cầm vận hợp, gần xa tiếng lành.
Hoàng-Thông, Hoàng-Hán, Tiểu-Thanh,
Tớ nhờ lộc chúa cũng vinh một đời,
Cho hay muôn sự có trời
Lòng ngay, ở phải, mấy người gian-nan.

Có ngày tư-đệ thanh nhàn, (2)
Chu-Thư Vân-Muội hai nàng ghé qua.
Một đôi cá gáy bày ra,
Rằng này lễ mọn gọi là tình xưa.
Mừng rằng trải mấy nắng mưa,
Thuyền tình thuận gió bây giờ đến đây.
Đáp rằng: tan hợp đường mây,
Năm xưa đã định hôm nay trùng-phùng.

Chuyện trò vừa cạn chén nồng,
Chị em từ-biệt, cầm không rốn ngồi
Rằng: xin tự-tiện đến lui,
Chiếc thuyền chẳng cột thả trôi mới tình. (3)

Nói rồi, đời bước khỏi dinh,
Bỗng đâ cánh hóa lông sinh mấy lần
Mới hay người ở cõi tiên,
Một ngày cũng có trần duyên với chàng.

(1) Đàn bà được phong, có kim-hoa-cáo.

(2) Tư-đệ là nhà riêng của các quan.

(3) Ý nói tự-do không hệ-lụy gì đến việc chồng, con là vui hơn. Chữ rằng: Điều bãi qui lai bất hệ thuyền.

(4) Chữ rằng: vũ hóa hoàn sinh, là hóa lông cánh mà bay lên cõi tiên.

Hồi thứ hai mươi bảy.

Tri-sĩ về làng.

Nhớ lời đạo-sĩ Hoàng-san,
Công thành danh toại, thì chàng nên lui.
Ngoài vòng cương tỏa là vui. (1)
Lạt mùi thành-thị, mặng mùi điền-viên.
Khất-hưu dàng sớ một thiên,
Vợ chồng Phùng-Ngọc về miền Đào-thân.
Gốc tùng, bụi cúc hãy còn. (2),
Nhờ trời mưa móc, thêm non vài phần.
Nhớ người truyền thọ chú thần,
Chùa xưa, cảnh cũ, ân cần đến thăm.
Then mày gõ cửa thuyền-lâm,
Người đà tọa-hóa vài năm nay rồi. (3)
Dưới tùng than thở một hồi,
Bóng người dù khuất, lời người còn ghi.
Cõi trần, danh lụy, tinh si,
So cùng cõi phật từ-bi khác nhiều.
Từ ngày ấn cỗi trâm deo. (4)
Năm hồ rộng rãi, thuyền chèo vui chơi. (5)

Đầy sàn lan ngọc tốt tươi, (1)
Vợ chồng vườn cũ thảnh-thơi tháng ngày.
Một nhà phúc ấm ai tày,
Chung tay giai lão, dâu mày như tân. (2)
Trích-tiên đã chán cõi trần,
Hoàng-san y ước, đến sàn rước mời.
Kim-đồng Ngọc-nữ năm người,
Cỡi mây, theo gió về trời làm tiên.
Tiên dâu mắc phải trần-duyên,
Trải mùi cay đắng, ghê phen não-nùng.
Chỉ nhờ giữ được tấm lòng,
Chữ trinh, chữ hiếu, chữ trung vẹn tuyền.
Vậy nên thoát khỏi chuân - chiên,
Công danh tỏ rạng đoàn-viên vui vầy.
Gẫm ra thế-sự cũng hay,
Hiền, ngu đều một ngày như nhau. (3)
Chỉ hơn chút tiếng về sau,
Khiến người xem chuyện, vuốt râu khen thầm. (4)

(1) Danh cương lợi tỏa, nghĩa là danh lợi như giây trói, như xiềng khóa ; ra khỏi vòng danh-lợi mới vui.

(2) Chữ rằng: Tùng cúc do tồn.

(3) Hòa-thượng chết, gọi là toa-hóa.

(4) Cỗi ấn quăng trâm, là thôi làm quan

(5) Xưa ông Phạm-Lai thôi làm quan về chơi cảnh năm hồ.

(1) Chi-lan, ngọc-thọ là nói con cháu hiền.

(2) Dai lão là vợ chồng đều già ; như tân là vợ chồng kính mến nhau như tiếp người khách.

(3) Chữ rằng: hiền, ngu, qui tiện đồng qui tận, nghĩa là kẻ hiền, kẻ ngu, kẻ sang, kẻ hèn đều chết như nhau.

(4) Câu nay là người dịch sách tự nói rằng mình thấy chuyện Phùng-Ngọc mà khen cho mấy người trong chuyện. Chớ không phải dám tự ngụ việc mình mà trông người khác khen đến mình đâu.

GÁI PHỤC THÙ CHA

(Cô-long-ba thiếu-nữ)

Colomba par Prosper Mérimée

Bùi Huy-Cường dịch-thuật

(Tiếp theo)

Liếp-ba lẳng-lặng một lúc lâu rồi cất tiếng hỏi Ni-viên một cách hơi lúng-túng rằng :

— Bẩm tiểu-thư ! Cứ thực-tình ra thì tiểu-thư coi chị tôi ra người làm sao ?

Ni-viên đáp :

— Tôi rất lấy làm bằng-lòng chị ấy...

Sau tiểu-thư lại mỉm cười nói tiếp một câu nữa rằng :

Có lẽ tôi ưa chị ấy hơn công-tử kia đó ; là vì rằng chị ấy mới thực là người Coọc, chớ như công-tử thì văn-minh lắm, không được chân-thật cỗ lỗ như chị ấy.

— Tôi văn-minh lắm à ? — Chao ôi ! thế mà tôi tự thấy tôi, từ khi bước chân lên hòn đất quê-hương này, lại thành ra người mọi-rợ như khi trước đấy, tiểu-thư ạ ! Mà tôi dẫu không muốn cũng không được ; tôi thấy trong óc tôi sinh ra nhiều cái tư-tưởng quái-ác nó quấy rối lòng tôi, khiến cho tôi muốn được cùng tiểu-thư ngồ nỗi tâm sự trước khi bước về nơi quê cha đất tổ...

Công-tử phải can-đảm mới được chớ ! Công-tử há không biết Cô-long-ba tiểu-thư có tinh nhịn-nhục đấy ư ? Ấy công-tử phải lấy tiểu-thư làm gương mới được.

— Ôi ! tiểu-thư chớ tưởng lầm vậy, tiểu-thư chớ tưởng chị tôi tinh nhịn-nhục đâu ! Tuy chị tôi chưa ngỏ ra một điều nào, song trong mỗi cái nhìn của chị tôi, tôi cũng đủ biết là chị tôi mong tôi trở về quê-hương để mưu những việc gì rồi...

— Vậy tiểu-thư mong công-tử về để mưu gì kia ?

— Ôi ! chị tôi chẳng mong tôi về để làm chi hết!.. chị tôi chỉ mong tôi về để thử xem súng của trung-tá đại-nhân cho tôi bắn người có tốt bằng bắn cút không đó thôi.

— Ý-tưởng của công-tử mới kỳ-lạ làm sao chớ ! Công-tử chưa nghe thấy tiểu-thư ngỏ một lời gì mà công-tử đã dám đặt-để ra một ý-tưởng vậy sao ? Nếu quả vậy thì ra về phần công-tử, tôi đây cũng lấy làm ghê cho cái khuynh-hướng của công-tử lắm.

— Tiểu-thư phải biết rằng nếu chị tôi không nghĩ đến việc phục-thù, thì trước hết chị tôi đã nhắc đến tên thân-sinh tôi và những tên người mà chị tôi ngờ lầm là những kẻ đã ám hại cha tôi khi trước, thế mà chị tôi tịnh không dả-động chi đến việc ấy hết. Cho biết rằng chị tôi cũng rất khôn-ngoan mưu-mẹo như những phần nhiều người Coọc khác. Hiện nay chị tôi cầm chắc được tôi ở trong tay, chị tôi không dám ngỏ ý ra, sợ rằng tôi còn rộng cẳng, tôi lấy thế làm kinh, tôi lại trốn chạy mất chăng ? Vì vậy, chị tôi đợi tôi đến khi nào đã khôn thoát khỏi tay chị tôi, nghĩa là khi nào tôi đã bị kéo tới bên cái vực sâu hang thẳm,

đầu tôi choáng-loạng, óc tôi quay-tít, thì chị tôi mới nhân dịp ấy đun tôi ngã xuống đó. »

Rồi Liếp-ba lại kể chuyện cha chàng bị giết cho tiểu-thư nghe. Chàng lại đoan rằng cứ xét mọi lẽ đó thì quả tên A-gô-ty là người giết cha chàng thật, chớ chàng không nghi-ngờ cho ai giết. Chàng lại nói thêm với tiểu-thư rằng :

— Chị tôi quyết-định lạ-lùng lắm ! Tôi xem như bức thơ chị tôi vừa mới gửi sau cùng cho tôi đây thì tôi biết rằng lòng chị tôi như sắt đá, dẫu lay chẳng chuyển mà rung chẳng rời. Chị tôi đã nguyền ở trong thư rằng thể nào cũng trừ được hết giống nhà Bi-ly-sĩ mới nghe !... Đó, tiểu-thư xem ai ngờ tâm-sự với tiểu-thư như thế, thì có phải tôi đã tin-cẩn tiểu-thư lắm rồi không !... Mà nếu chị tôi không nhờ có một cái hủ-tục ở nước tôi đây thì cha con nhà Bi-ly-sĩ kia đã bị ly-trần từ đã lâu rồi. Hủ-tục ấy bắt rằng người trưởng-tộc mới được quyền báo-cừu, vì danh-dự của người trưởng-tộc là do ở sự báo-cừu ấy. Tôi đây là trưởng-tộc, phận-sự tôi là phải báo-cừu, nên chị tôi phải dành dợi tôi về, chớ không thì chị tôi đã tự một mình hạ-thủ những tên nhà luật-sư kia rồi.

— Không có lẽ thế ! Công-tử lại nói xấu tiểu-thư đó chớ gì !

— Không, tôi đâu lại bảy thế ! Tiểu-thư há không đã nói hôm qua rằng chị tôi là người Cọoc đấy ư ? Vậy chị tôi là người Cọoc, tất chị tôi phải tư-tưởng như người Cọoc. Tiểu-thư hôm qua hẳn thấy tôi có vẻ buồn rầu lắm ; vậy chớ tiểu-thư có biết vì lẽ gì chăng ?

— Tôi không biết, song đã mấy bữa nay, tôi thấy công-tử có việc chi ra ý buồn rầu thảm hại lắm... Trong mấy ngày ta mới quen biết nhau, công-tử có vẻ vui tươi hơn kia !

— Không, thế nhưng mà chính hôm qua tôi lại tự thấy vui hơn mọi khi đó. Là vì lẽ làm sao ? Là vì tôi thấy tiểu-thư đối đãi với chị tôi rất là tử tế rộng dung ; — tôi rất lấy thế làm cảm tạ... Tiểu thư có nhớ cái hôm ta mới bước xuống thuyền đi A-giác-xi-ô không ? Ấy, chính hôm ấy tên thủy-thủ cầm lái dã-man kia nó dùng tiếng lóng mà mắng nhiếc tôi đấy. Nó chửi tôi rằng : « Này, Liếp-ba ơi ! Liếp-ba bắn tài thật, song cũng chưa tài bằng Bi-ly-sĩ luật-sư ! »

— Vâng, thế nhưng mà trong mấy lời đó có chi là gớm-ghiếc ? Tôi rất lấy làm coi thường vậy. Vả chăng, nếu thế thì ra công-tử dám tự-phụ là người sắn tài nhất cả hay sao ?

— Kìa, thế ra tiểu-thư nghe mấy câu đó không hiểu rằng tên kia có ý nhiếc tôi là không đủ can-đảm giết lão Bi-ly-sĩ đấy ư ?

— Chao ôi ! Công-tử khiến cho tôi sợ nhủn cả mình ! . . . Cái không-khí ở cù-lao Cọoc này không cứ làm cho tôi phát nóng người lên mà thôi, nó lại khiến cho tôi phát điên lên nữa ! Cũng phúc cho tôi, là chẳng bao lâu nữa cha con tôi cũng từ-giã xứ này trở về cố-quốc.

— Nhưng mà tiểu-thư không được trở về Anh-quốc trước khi tới thăm Bi-trần-noa cố-hương của chúng tôi đấy nhé ! Tiểu-thư đã hứa cùng chị tôi điều đó kia mà !

— Thế thì giá thử như cha con tôi nuốt lời hứa ấy, có lẽ rồi bị Cô-long-ba tiểu-thư theo-đuổi trả-thù mất !

— Tiểu-thư có nhớ bữa hôm nọ, quan trung-tá kể với tôi một chuyện sảy ở một xứ kia, những dân bản-xứ đe quan Toàn-quyền rằng nếu quan Toàn-quyền không liệu sự với chúng thì chúng sẽ để cho chết đói đấy ư ?

— Công-tử nói thế nghĩa là công-tử muốn nhịn đói cho chết đó phải không ? Nếu vậy, công-tử nhịn cơm một ngày, nhưng rồi thế nào Cô-long-ba tiểu-thư chẳng mang một cái bánh sữa đến dứ công-tử, công-tử thấy thơm ngon quá lại không dành nhịn được chăng ?

— Tiểu-thư hay nói một cách độc-ác lắm, tiểu-thư ạ ! Đáng lẽ tiểu-thư phải hậu-đãi tôi hơn là những lời tiểu-thư nói móc tôi kia ! Tiểu-thư há không thấy tôi đây chỉ có một thân một mình hay sao ! Ngoài tiểu-thư ra, tôi phỏng rằng có ai giữ cho tôi phải chăng nữa ! Chính tiểu-thư đã tự-nhận chức-trách cầm-giữ cho tôi khỏi nhắm mắt làm liều ; thật tiểu-thư đã là thần bảo-hộ của tôi, thế mà bây giờ. . .

Liếp-ba vừa nói tới đó, Ni-viên tiếp ngay lời rằng :

— Bây giờ công-tử lấy danh-dự một người tráng-sĩ ra giữ ý khuynh-hướng của mình chớ gì ! . .

Rồi nàng ngoảnh sang bên phải ngắt một bông hoa trao cho chàng mà pha-trò rằng :

— Mà nếu bông-hoa này có bổ-ích gì cho sự giữ mình của công-tử, công-tử nên giữ lấy làm của tin của vị thần bảo-hộ công-tử. . .

— Ôi ! tôi cảm ơn bụng tiểu-thư lắm. Chẳng hay rằng tiểu-thư có tự thấy bận lòng đến. . . ?

Ni-viên thiếu-nữ có ý cảm-động, bảo Liếp-ba rằng :

— Công-tử hãy nghe lời tôi nhé ! Công-tử xem thế còn hãy trẻ thơ lắm, vậy tôi cũng phải đối-đãi với công-tử như đối đãi với một cậu trẻ thơ mới được. Khi tôi còn nhỏ, mẹ tôi cho tôi một cái vòng, tôi lấy làm ưng-ý lắm, song mẹ tôi lại dặn với tôi rằng : « Mỗi lần con đeo cái vòng này, con phải nhớ rằng không chừa học nói được tiếng Pháp đó nhé ! » Cái vòng kia vì vậy mà đối với con mắt tôi kém mất giá-trị ít nhiều ; song cũng vì thế mà rồi tôi biết nói tiếng Pháp sõi ; cái vòng ấy tức là cái sự hối-hận mà tôi cần phải đeo luôn vậy. Này, công-tử có trông thấy cái nhẫn này không ? Cái nhẫn này có hình một con.... người ta đã bới thấy ở trong xứ...Ai-cập đó. Này, cái hình chữ này coi như hình một cái trai, ấy nghĩa là *đời người* đó ; còn cái hình in sau đây tức là một cái cánh tay người đàn ông cầm một cái dáo và một cái khiên, cái hình ấy nghĩa là sự *chinh-chiến*, sự *thắng-bại*. Vậy thì hình nữ trên hợp với hình chữ dưới nghĩa là « *Đời người* là một cuộc *chinh-chiến*. » Tôi lấy nghĩa đó làm thú lắm, thực là một cái phương-châm rất nên theo. Nhưng công-tử đừng tưởng rằng tôi đây có tài tán chữ cổ nước Ai-cập như thế đâu ! Ấy cũng nhờ một ông triết-học giảng cho tôi đó. Công-tử hãy cầm lấy cái nhẫn này, tôi xin vui lòng kính-tặng công-tử. Khi nào công-tử thấy có một tư-tưởng Cọoc nó chờn-vờn trong óc công-tử, công-tử nên nhìn cái *bù* tôi tặng công-tử này mà rồi tự bảo rằng : « Trong việc ta chinh-chiến với những sự su-hướng kia, ta phải sao cho thắng mới được ! »

— Phải, tôi dùng cách này hóa công-tử có lẽ cũng không phải là vô-bổ đâu đây.

— Vâng, tôi xin tưởng đến tiểu-thư luôn và tôi xin mỗi lúc tự bảo tôi rằng. . . .

Chàng chưa nói hết lời, nàng đã tiếp ngay vào lời chàng rằng :

— Công-tử nên tự bảo công-tử rằng công-tử có một người bạn gái này, mà người bạn ấy thấy công-tử làm ác để hại đến thân thì ắt phải buồn rầu lắm đấy. Nhưng mà sự tôi làm đó có lẽ không được hả lòng cho những vị cai-trưởng tiền-bối công-tử đấy nhé ? »

Nàng nói dứt, bỏ cánh tay chàng ra, lon-ton chạy lại gần trung-tá : « Cha ơi ! cha hãy tha cho những con chim khốn nạn ấy đi ; cha nên cùng chúng con lại cái hầm Nã-phá-luân mà cảm-hứng nên thơ thì hay hơn, cha ạ ! »

VIII

Dẫu rằng ta từ-biệt nhau trong một đôi ngày mặc lòng, song trong lúc từ-biệt bao giờ cũng có vẻ long-trọng dường-bệ. Liếp-ba hôm sau phải cùng chị đi từ sáng sớm tinh-sương, thành ra tối hôm trước chàng phải đến từ-dã Ni-viên thiếu-nữ. Chàng đến thế, là vì chàng chắc rằng không khi nào Ni-viên lại vì mình mà bỏ thói thường, sáng sớm mai thức dậy tinh-sương để tiễn chị em mình được.

Hai người từ-biệt nhau buổi đó có vẻ lạnh-lùng, song trịnh-trọng lắm. Từ bữa hai người cùng nhau trò-chuyện ở trên bờ biển đến giờ, Ni-viên thiếu-nữ vẫn có ý e rằng mình tỏ với Liếp-ba thân-cận quá, mà Liếp-ba cũng có để tâm những điều thiếu-nữ cợt-nhả mình, coi thiếu-nữ như kẻ nhẹ-dạ dãng-tâm, chắc chẳng được bao lâu sẽ quên hẳn mình vậy. Liếp-ba cũng đã có một lúc tưởng rằng thiếu-nữ có bụng thương-yêu mình lắm lắm, nhưng chàng thấy cách cử-chỉ của nàng đối-đãi với mình hờ-hững nhẹ-nhàng như thế thì lại sinh lòng tuyệt-vọng. Thế mà tới sáng hôm sau, chàng đang ngồi uống cà-phê với trung-tá bỗng thấy nàng cùng chị Cô-long-ba dắt tay nhau bước vào, chàng ngạc nhiên như một kẻ nằm mơ tỉnh dậy. Nàng là một người con gái Anh, mà lại biết dậy sớm như thế, thực cái « dậy sớm » ấy cũng đáng cho nàng lấy làm tự-đắc, tự-cao vậy.

Liếp-ba vội-vã đứng dậy từ-tạ rằng :

— Tiểu-thư phải bận lòng dậy sớm như thế, tôi rất lấy làm ái-ngại, chắc lại chị tôi to tiếng để tiểu-thư không yên giấc được hẳn? Ấy là tôi đã hết sức dặn-dò chị tôi đừng làm động-dậy quá để làm cho tiểu-thư mất ngủ đấy ! Tiểu-thư chắc cũng rủa ngấm rủa ngầm chúng tôi chớ chẳng không ! Có lẽ tiểu-thư đã cầu cho tôi bị can án mắc tội chắc ?

Ni-viên thiếu-nữ không muốn để cha nghe thấy, bèn dùng tiếng Í-đại-lợi se-sẽ đáp Liếp-ba rằng :

— Không, không phải thế ! Tôi dậy sớm tới đây là vì hôm qua trong lúc hai ta trò-chuyện cùng nhau, công-tử có ý lấy những lời riễu tự-nhiên của tôi làm mích lòng; vậy tôi không muốn để công-tử đi mà mang theo một mối ác-cảm đối với người bạn gái của công-tử như thế. Ôi ! Những người Cooc như công-tử ăn-ở mới độc-ác làm sao chớ ! Thôi, chào công-tử lên đường ; chắc nay mai ta lại được sum-vầy cùng nhau, ta có ngại gì ! »

Rồi nàng đưa tay cho chàng bắt.

Liếp-ba chỉ biết trả lời nàng bằng một tiếng thở dài thôi. Sau Cô-long-ba lại gần em, dắt em ra chỗ cửa sổ, đưa cho em xem một vật gì thu-thu ở dưới vạt áo, rồi nói nhỏ cùng em một vài câu gì không rõ.

Sau thấy cậu em Cô-long-ba lại gần Ni-viên thiếu-nữ mà nói rằng :

— Thưa tiểu-thư, chị tôi muốn tặng tiểu-thư một vật dị-thường lắm, nhưng mà tiểu-thư phải biết cho rằng những người Cooc như chúng tôi đây, ngoài cái tình thân-ái bất-chu bất-diệt ra thì không vật gì đáng quý để tặng người quí-khách nữa. Chị tôi nói với tôi rằng tiểu-thư có ý nhìn-nhận con dao găm của chị tôi một cách lạ-lùng lắm. Con dao ấy là một cổ-tích để kỷ-niệm ở trong nhà, nó đã được cái danh-dự đeo ở thắt-lưng một ông cai-trưởng tổ-tiên chúng tôi đó. Vì vậy, chị tôi lấy nó làm vật quí lắm, có tỏ ý cho tôi rằng muốn đem nó kính tặng tiểu-thư để gọi làm của tin trong khi cách biệt ; nhưng tôi không biết có nên bằng lòng thế chăng ? Tôi chỉ sợ tiểu-thư lại lấy thế mà cười chúng tôi là quà quê-mùa mọi-rợ thôi.

Ni-viên thiếu-nữ đáp :

— Con dao găm ấy đẹp và quý lắm, song đó là một vật kỷ-niệm trong nhà, tôi không thể nhận lấy được !

Cô-long-ba vội nói :

— Bẩm tiểu-thư, không phải là vật kỷ-niệm của cha tôi đâu ; đó chỉ là một vật của vua Théodore ban cho một người trong họ bà tôi đó thôi. Nếu tiểu-thư có lòng tốt nhận lấy, chúng tôi thực hân-hạnh lắm.

Liếp-ba trung-úy cũng nói :

— Thôi, tiểu-thư ạ! Một vật của vua ban, chẳng lẽ tiểu-thư lại không đáng lấy hay sao?

Đối với một người hiếu-cổ, vật đó có giá-trị hơn là những vật quý của các vị hoàng-đế. Nên chi Ni-viên tiểu-thư tôi trông thấy nó nhấp-nhoáng ở trên bàn mà khôn bề từ-bỏ; tiểu-thư bèn ngần-ngừ cầm lấy, miệng tủm-tỉm cười nụ một cách rất nên yêu mà từ-tạ Cô-long-ba thiếu-nữ rằng:

— Cô-long-ba tiểu-thư yêu-quý của tôi ơi! tôi không nỡ, tôi không dám để cho tiểu-thư đi về một mình không có khí-giới như vậy!..

— Cô-long-ba lên giọng tự-đắc trả lời nàng rằng:

— Tôi đã có em tôi đi với tôi, và em tôi lại có khẩu súng của quan trung-tá cho nữa... Kìa! chẳng hay cậu nó đã nạp đạn sẵn-sàng chưa đấy nhỉ?.

Ni-viên thì không rời mắt nhìn con dao nọ, mà Cô-long-ba thì bắt nàng phải trả mình một su. Vì rằng nếu cho bà con một vật gì xấc nhọn mà không đòi lấy được một đồng tiền nhỏ vào thì là một sự rất nguy-hiểm cho mình. Đó cũng là một hủ-tục của dân xứ Cooc.

Nhưng mà giờ từ-dã nhau đã tới. Liếp-ba nắm chặt tay nàng Ni-viên một lượt nữa. Còn Cô-long-ba thì hôn nàng, rồi lại đưa môi đỏ hỏng-hỏng cho trung-tá hôn. Trung-tá thấy cách xử-thế bên Cooc như vậy thì rất lấy làm lạ.

Ni-viên đứng trong cửa sổ nhìn ra thấy hai chị em ai cất mình lên lưng ngựa. Nàng lại thấy mắt Cô-long-ba có vẻ đắc-chí lộ ra con ngươi. Nàng tưởng-tượng đến những lời e sợ của Liếp-ba khi xưa, thì nàng coi Cô-long-ba như một vị hung-thần mắt to, trán rộng, sức khỏe, người cao đang kéo chàng xuống hang sâu vũng thẳm vậy.

Liếp-ba khi đã ngồi trên mình ngựa, ngẩng đầu nhìn thấy nàng đứng bên cửa sổ. Chẳng hay nàng biết thấu tư-tưởng nàng trong lúc bấy giờ hay là chàng muốn tỏ ý tứ-dã nàng một lần sau cùng nữa, mà chàng đưa ngay cái nhẫn Ai-cập buộc ở đầu giày lên miệng hôn-hít.

Ni-viên thấy thế, có ý thẹn-thùng, quay mặt trở vào, song chẳng bao lâu lại ngẩng đầu nhìn theo hai chị em người đang vó câu rong-ruổi trên lối sườn non. Cách chừng một nửa giờ nữa, trung-tá cầm ống viễn-kính nom theo, bảo con gái rằng hai chị em chàng hiện nay đang đi men bờ vịnh A-giác-xi-ô, mà chàng thì cứ quay đầu lại nhìn về phía trung-tá luôn luôn. Rồi sau, trung-tá mới thấy hai người khuất bãi cỏ-lau đi mất. Bãi lau ấy hiện nay đã thành một thửa vườn hoa đẹp có tiếng ở A-giác-xi-ô rồi.

Lúc ấy, Ni-viên nữ-sĩ vào nhìn trong gương, thấy mặt mình tái mét như lo-sợ một việc gì vậy. Nàng tự hỏi rằng: « Chẳng hay chàng thanh-niên kia tưởng mình ra làm sao ? . . . . Mà mình tưởng chàng ấy ra làm sao ?... Ấy mới là một việc khó nghĩ . . . . Mà cớ sao mình lại tưởng đến chàng ấy nhỉ ? . . . Chàng ấy đối với mình chẳng qua chỉ là một người quen-biết ở giọc đường mà thôi ! . . . . Mà ta tự Anh đến Coọc để làm gì đây ? Chính ta cũng không tự biết nữa !... Hay là ta có bụng yêu chàng chăng?. Không có lẽ, không có lẽ Ni-viên nữ-sĩ lại là em dâu một chị đi hát tử-ca, như thị Cô-long-ba kia lúc nào trong lưng cũng giắt một con dao găm dài nhỉ ? . . »

Nàng nói vậy, nàng sực nhớ rằng trong tay nắng lúc ấy đang cầm chặt con dao của Théodore đại-vương, nàng bèn quẳng lên bàn rửa mặt, miệng lại lầm-bầm nói rằng :

« . . . Rồi Cô-long-ba đến kinh-thành Anh-quốc nhảy-múa, thì coi gớm-ghiếc lắm nhỉ ! quái lắm nhỉ ? Trời ơi ! chẳng lẽ nào mà ta dám nhận nàng là chị chồng nữa nhỉ ? Nếu quả nàng như thế thì khá ghê thật...Nhưng mà chàng yêu ta lắm thì phải, ta đã chắc thế rồi ! . . Thực là một vai chính ở trong tiểu-thuyết đã vì ta mà dứt dường phiêu-lưu từ đây chắc ! . . . Nhưng chắc chàng có ý về quê-hương để phục-thù cho cha chăng ? . . . Trông chàng giở ra người anh-hùng mà lại giở ra loài công-tử... Nhưng mà ta muốn cái cho thành hẳn một viên công-tử chính-hiệu cũng không lấy gì làm khó, mà cho hẳn làm một viên công-tử xứ Coọc lại càng dễ lắm nữa ! »

Rồi nàng nằm xuống giường nhắm mắt lại, song không tài nào nhắm được mắt cả. Nàng lại lầm-bầm nói một mình, nhưng kẻ ký-giả nay không lẽ lại đem câu chuyện vấn-tâm của nàng ấy ra kể cho nhàm tai chư-vị độc-giả được, vậy ký-giả chỉ nói qua-loa để các ngài biết rằng trong lúc nàng vấn-tâm đó đã từng một trăm lần nàng tự-bảo rằng không bao giờ Liếp-ba trung-úy lại đáng quan-tâm cho nàng cả....

IX

Về phần Liếp-ba thì vẫn cùng chị đi đường. Vì ngựa chạy mau, tiếng chân ngựa gõ xuống dưới đường đá lộc-cộc, hai chị em không thể cùng trao nhau được nửa lời. Song đến chỗ nào phải leo lên sườn núi hay là bước xuống dưới thung, ngựa phải bất-dắc-dĩ cho đi bước một, thì chị em mới có thể cùng nhau trò-chuyện một đôi câu về cha con trung-tá được !

Cô-long-ba tỏ với em rằng nàng chưa thấy ai nhan-sắc như Ni-viên thiếu-nữ, đến cả như tư-cách nói-năng cử-động cũng là dưới trần ít có. Rồi nàng lại hỏi em xem có phải trung-tá giầu lắm và Ni-viên là con một của trung-tá không ? Nàng lại bảo em rằng : « Món ấy khá đó, cậu ạ ! Mà chị xem trung-tá cha nàng có ý mến em lắm thì phải. » Nàng nói vậy, Liếp-ba cũng cứ lặng-im không đáp, nàng lại tiếp theo luôn rằng : « Vả chăng giòng-dõi nhà ta là giòng-dõi sang-cả giầu-có nhất làng ; Khắp trong đảo ai mà không kính-phục ! Kể trong đảo ta bấy giờ thì chỉ có giòng-dõi cai-trưởng là đáng tôn-phục nhất, thế mà ta lại là giòng-dõi những đấng cai-trưởng khai đường mở lối cho các vị cai-trưởng khác. Chắc cậu cũng nhớ rằng tổ-tiên ta vốn ở bên kia dẫy núi Hoành-sơn, ấy cũng vì nội-loạn mà cha con ta phải tránh nạn sang bên này. Nếu tôi mà như cậu à ? thì tôi hỏi phắt ngay Ni-viên thiếu-nữ làm vợ... (chỗ này Liếp-ba nghe chị nói, nhún vai lên một cái) Rồi tôi lấy tiền hồi-môn của nàng tậu rừng ở quanh miền và tậu ruộng ở dưới lũng để mở-mang bờ-cõi, tôi lại làm một cái nhà to bằng đá và cúng tiền để nàng cái đền thờ đức thánh Sam-bucuccio lên một từng cao nữa. »

Liếp-ba thúc ngựa chạy nước đại, bảo chị rằng :

— Chị ăn-nói rõ như có vẻ điên vậy !

— Cậu đã thành-nhân rồi, chắc cậu phải biết phận-sự cậu hơn một con người đàn-bà chớ ! Nhưng mà cậu thử nói tôi xem ông trung-tá kia vì lẽ gì mà lại không cúng cả con cái cho cậu nào ? Như ở Anh-quốc có các đấng cai-trưởng không ? hử cậu !... »

(*Còn nữa*)

N° 6

TÙY-ĐƯỜNG DIỄN-NGHĨA

NGUYỄN BÍNH-GIAI *dịch-thuật*

Thúc-bảo cũng biết chủ-quán là đứa tiểu-nhân, song đương lúc mình còn thiếu tiền trọ chưa trả được hắn, nên dẫu biết hắn xử đều-rả vô-lý ngay ra mặt với mình, mà cũng phải làm ngơ đi, cũng phải bấm bụng chịu nước dưới vậy, liền dịu nét mặt mà trả lời một cách tự-nhiên rằng :

— Được, tùy nhà chủ muốn cho ai trọ thì trọ ; ta có kén chọn đâu, ở đâu xong thôi, quí-hồ yên thân là được, có làm chi cái đó. Vậy chớ nhà-hàng định giọn cho ta trọ sang phòng nào thì đưa ta lại.

Chủ trọ liền cầm đèn đưa Thúc-bảo đi ra lối sân sau, vừa đi vừa làm ra ý hình như lấy việc đó làm áy-náy không dành lòng và nể Thúc-bảo lắm. Sau đưa đến một chỗ, chủ-quán đứng dừng lại, ra bộ luống-cuống thất-thố mà khẽ nói rằng :

— Thưa ngài đây ; thưa, ở đây.....

Thúc-bảo ngẩng mặt lên nhìn, nhờ cái ánh sáng đèn nhập-nhoạng, coi ra là một nơi như nơi nhà bếp,

chớ không phải là phòng cho khách trọ: bốn bề vách nát tả-tơi, bước vào trong trông lên trên nóc thì những tầu lá gồi lợp nhà gió đánh lật lên hở tứ-tung nom thấy cả những vì sao lấp-lánh trên trời, trong nhà nào cót thóc bịch lúa ngổn-ngang, củi-giả bừa-bãi ; những đồ-đạc của Thúc-bảo thì chất cả lên trên bịch lúa ngay ở đầu cái giường-trõng siêu-vẹo, tứ phía gió thổi ào-ào, ngọn đèn thắp để vào một nơi xó nhà phì-phụt lập-lòe lúc xanh lúc đỏ, phải lấy mấy cái mảnh nồi vỡ che dạy chung quanh mới khỏi tắt... Chủ trọ đưa Thúc-bảo vào, thấy cái quang-cảnh tiều-tụy tồi-tàn quá, cũng có ý hơi sượng mặt mà rằng :

— Thưa ngài, chỗ này khi không được tử-tế một chút, song là chỗ để ngài nghỉ tạm-bợ, một vài bữa bọn khách kia đi, lại xin rước ngài sang nghỉ phòng cũ, xin ngài rộng lượng bằng lòng vậy, cho nhà hàng được nhờ mà kiếm ăn thêm.

Thúc-bảo bấy giờ vừa giận vừa tức, không thèm nói đi nói lại nửa lời. Chủ hàng biết ý, cũng vội lẳng đi ngay. Chủ hàng đi rồi, Thúc-bảo lên giường ngồi một mình buồn-bực quá, tuốt thanh kim-giản ra vừa gõ nhịp vừa hát :

Nước đời lắm nỗi lạ nhường !
Anh-hùng lỡ bước cùng đường, bực chưa ? !

Buộc nhau cho đến bao giờ ?
Tức gan riêng giận ờm-ờ ông xanh!
. . . . . .

Thúc-bảo đương hát, lặng nghe như ngoài sân có tiếng chân người dần-dần đi lại, rồi nghe tiếng gõ cửa. Thúc-bảo bấy giờ đương cơn giận, thấy tiếng người gõ cửa, tưởng là lại chủ hàng đến làm nhiều gì, liền gắt mà nói to lên rằng :

— Ai gõ cửa? Chủ quán phải không? Mày là quân tiều-nhân, không ra gì! Mày đã vội tưởng ta lừa mày mà trốn mất sao? Ta đây không có thèm làm những sự ăn-mày ấy đâu, mày đừng vội giở mặt!...

Dứt lời thì ở ngoài nghe có tiếng nói vào rằng :

— Chết nỗi! xin ngài đừng vội nóng! Can chi ngài phải nóng như thế! Tôi đây mà... có phải hắn đâu...

— Chẳng hay đêm-hôm mụ đến đây có việc chi, cần hỏi chi ta?

— Thưa ngài không, không có việc chi hết. Tôi đưa cơm lên ngài sơi đây... Thưa ngài, nhà-tôi vốn là người tục-tằn không biết gì cả, tôi vẫn lấy làm ngượng, mà can hắn không được, hắn không hiểu chi hết. Thôi, xin ngài, hắn có chót dại có điều gì lầm-lỗi, xin ngài cũng rộng lượng bỏ quá đi cho.

— Ta cũng vẫn biết mụ là người biết điều, chớ những như chồng mụ thì thật quá tệ. Nhưng thôi, có làm chi cái đó, ta đâu lại có trách chi nhà-hàng.

— Vâng, thưa ngài, chúng tôi cũng chắc rằng ngài là bậc lượng-cả có sá kể chi lũ hàng-họ chúng tôi... Thưa, cơm nước tôi đã mang đến để cả ngoài này, xin ngài mở cửa cho tôi bưng vào.

— Thôi, cám ơn, mụ cứ để đó cho ta; mụ đi đi, kẻo đêm-hôm nói chuyện lôi-thôi không tiện.

— Vâng, tôi xin để sẵn cả ngoài cửa này; đây lại xin đưa sẵn cả kim chỉ để ngài dùng và gọi là tôi có chút tiền riêng xin để cả trong mâm đây, ngài có cần đến hãy lấy dùng tạm, chờ khi nào ông bạn ngài sang tới nơi, ngài có sẽ cho lại cũng được. Tôi cũng biết nhà-hàng chúng tôi là đắc-tội với ngài nhiều lắm, xin ngài đại-lượng thứ cho.

Mụ hàng nói vậy, rồi đi. — Thúc-bảo để cho mụ đi được một lát rồi mới mở cửa ra bưng cơm vào ăn. Đếm chỗ tiền mụ hàng đưa cho mượn tất cả được 300 đồng tiền, rồi cất vào rương. Cơm xong, sẵn có kim chỉ mụ hàng mới đưa cho, bèn cởi áo ra khâu giùm mấy chỗ rách qua-loa, đoạn rồi đi ngủ. Một mình lượng-lự canh chầy: Nào biết Kiến-uy có nhớ ra mà mang tiền sang cho không ? Chờ đợi hão thế này thì biết đến bao giờ, biết nó ra làm sao, biết tính làm sao bây giờ ? . . . càng nghĩ càng thêm sốt gan nóng ruột ! Đứa chủ trọ kia ta có sá trách chi, nghĩ chỉ ngán cho cái thói đời viêm-lương, giở mặt như bàn tay mà thêm ghét, thêm bực mình ! Ừ mà mụ chủ làng kia đàn-bà mà còn có chút lương-tâm, có cái con mắt biết người, ta cũng phải nên biết bụng cho mụ, cám ơn cái lòng mụ tử-tế, có ý chu-toàn cho ta trong cơn túng-lỡ này...» Hết nghĩ gần thôi lại nghĩ xa, thành ra chần-chọc suốt đêm không ngủ được. Nằm nghe tiếng gà gáy, ngẩng cổ trông ra trời đã sắp rạng-đông, bèn giở dậy ngồi đợi cho đến sáng. Sáng sớm rửa mặt uống nước xong, lại ra đi ngóng Kiến-uy như mọi ngày.

Thúc-bảo bấy giờ trong túi đã sẵn có được 300 đồng tiền, bước chân ra đi cũng hơi vững dạ và khởi-sắc đôi chút; bấm lung đủ tiền ăn đường, đã toan liều sang Trạch-châu tìm Phàn Kiến-uy, song nghĩ đi nghĩ lại, lại sợ rằng sang tới nơi may vận-nhất mà tìm thấy Kiến-uy hãy còn ở đó thì đại-phúc, nhưng mười phần không chắc đến chín phần rưỡi đã hẳn được Kiến-uy hãy còn ở đó, nếu sang đến nơi mà Kiến-uy về mất rồi, không gặp, thì làm thế nào, lấy gì ăn đường mà lại trở về đây ? Vả đi như thế thì không những vẫn vơ vô-ích mà lại chỉ tổ làm cho Tiều-nhị hắn đem lòng sinh nghi, rồi thêm khó lòng ra cho mình. Nghĩ thế nên lại thôi, không dám tính đến chuyện đi Trạch-châu nữa, bèn mua ít bánh ăn lót-dạ rồi lại loanh-quanh đi vơ-vẩn ngoài đường ngóng Kiến-uy suốt ngày. Bấy giờ trời đã sế chiều, trên con đường thiên-lý khách qua lại đã dần thưa, chợt thấy trước mặt tự đằng xa dần dần đi lại một người cưỡi ngựa, mình mặc áo xanh, đội nón, đeo con đoản-đao, lưng mang một cái rương nhỏ, xa trông tưởng là Kiến-uy, bụng đã mừng, kịp khi tới nơi thì là một người đi săn, ngựa chạy lanh vượt qua trước mặt, Thúc-bảo liền vội vàng chạy giật-lùi để tránh, đương lúc bất-thần hoảng-hốt thế nào suýt nữa nhảy choàng vào lò lửa của người đàn-bà đương ngồi đun ở trước cửa một nhà bên vệ đường, giật mình ngoảnh lại coi, thì ra một bà chừng vào chạc ngoại 50 tuổi đương ngồi lượm củi đun nước. Bà già thấy Thúc-bảo như vậy, cũng ngẩng mặt lên nhìn; Thúc-bảo xin lỗi rồi đứng ra bên cạnh, bà già nhìn một lát rồi hỏi :

— Tôi coi ý thầy hình như rét lắm thì phải ? vậy thầy hãy ngồi tạm đây mà sưởi một chút cho đỡ lạnh.

Thúc-bảo cám ơn, rồi ngồi xuống bên lò lửa để sưởi. Bà già lại hỏi :

— Tôi coi thầy cũng là người tử-tế, mà có dễ thầy ở xa tới đây thì phải, chớ quyết không phải người vùng này, vậy chớ thầy tới phủ đây có việc chi, mà thầy đi đâu coi bộ vất-vả thế?

Thúc-bảo nói :

— Thưa bà, tôi vốn người ở Sơn-đông, đi việc quan sang đây, nay nhân hết tiền ăn-đường không lấy gì trả tiền nhà trọ mà về được, phải đợi một người bạn ở Trạch-châu có sang thì mới có tiền trả nhà trọ và ăn-đường mà trở về.

— Vậy tôi đây cũng vô-vẽ biết « bấm-độn », tôi bấm cho thầy một quẻ coi thử, xem bạn thầy có sang không và chóng chậm thế nào nhé ?

— Vâng, xin nhờ bà làm phúc xem giúp cho được thì còn gì hơn nữa. Tôi thật đương mong-mỏi người bạn sốt cả ruột, không biết hắn có rẽ sang nữa không hay lại thẳng đường về luôn rồi cũng nên, nhờ bà bấm giúp cho một quẻ xem sao.

Bà già hỏi giờ, rồi bấm quẻ mà nói rằng :

— Cứ như quẻ này, thì người bạn của thầy đương mong đợi đây thế nào cũng có sang đón thầy, duy sang thì quyết hẳn là có, mà điều khi chậm, thế nào cũng trong vòng ngoài một tháng nữa thì mới có tin.

— Vâng, xin cám ơn bà, cứ như lời bà dạy thế, vậy tôi phải chờ đợi ở đây trong vòng ngoài một tháng nữa thì người bạn tôi mới sang ? Tôi bây giờ sự-thế bất-đắc-dĩ, nếu quả như lời bà dạy, thì dẫu chậm cũng phải đành đợi vậy, chớ biết làm thế nào ! Thưa bà, tôi hỏi khi không phải, xin bà tha lỗi, vậy chớ quí-quán bà ở về đâu ? tôi nghe tiếng bà nói thì hình như bà cũng không phải người trong vùng này thì phải ?

— Phải, tôi vốn họ Cao, người ở Thương-châu, nhân năm trước thầy cháu chẳng may mất đi, nhà nghèo phải đưa cháu sang ở nhờ người bà con trong họ tôi ở đây.

Thưa bà, thế cậu em năm nay đã bao tuổi và đã làm gì chưa ?

— Tôi, chẳng may thầy cháu mất sớm, hiếm lắm, chỉ được có một thằng cháu, năm nay cháu cũng đã lớn tuổi, tên cháu là Khai-Đạo, nhờ trời cháu có sức-lực, nhưng không chịu làm-lụng chi cả, chỉ thích tập-tành vũ-nghệ, lêu-lổng quanh-năm, không mấy lúc chịu ở nhà hết.

Bà già nói đến đó, liền đứng dậy nhìn Thúc-bảo mà rằng :

— Tôi coi thầy như chừng đi cả ngày nhọc mệt lắm thì phải, có đỡ thầy chưa sơi cơm trưa ? Tôi, chỗ quê-mùa chả có gì, nhân có cháo mì vừa nấu xong, không mấy khi thầy tới chơi, tiện đây xin mời thầy vào trong nhà ngồi nghỉ thư-thả sơi bát cháo cho đỡ mệt thì hay lắm.

Nói đoạn, liền mời Thúc-bảo vào trong nhà, lấy cháo lên mời ăn. Thúc-bảo ở nhà trọ đi từ sáng sớm chưa cơm-nước chi, bụng đương đói, người đương mệt, được bà già có lòng tử-tế cho ăn, chẳng đợi bà phải nói đến hai lời, vội đỡ lấy bát cháo, cám ơn, rồi ăn hết ngay.

Bấy giờ trời đã sàm-sầm tối, phố xá đã thấy lên đèn cả, Thúc-bảo ăn xong, nói qua-loa mấy câu chuyện xoàng, liền đứng dậy tạ ơn trở ra về. Bà già nói :

— Thầy cứ an-tâm, cứ như quẻ đoán tôi bấm xem khi nãy thì quyết rằng chóng chậm thế nào ông bạn thầy cũng qua đây tìm thầy. Thầy còn ở đây, thư-thả lúc nào lại xin mời thầy quá bộ đến chơi cho cháu được hầu thầy, tiếc rằng bữa nay tình-cờ thầy vào chơi lại gặp buổi cháu nó đi vắng.

Thúc-bảo từ-biệt trở về trọ.

Vương Tiểu-nhị chờ hết ngày ấy sang ngày khác không thấy bạn của Thúc-bảo sang, có ý ngờ là Thúc-bảo nói dối, sinh lòng nghi, nên ngày ngày thằng-thúc đòi tiền trọ riết quá. Một hôm sớm đây, Thúc-bảo đương ngồi một mình giở thanh kim-giản ra lấy rơm lau những cái ghét rỉ đồng đi, thì Tiểu-nhị chợt vào trông thấy, thảy-tình ngay, liền kiếm lời nói với Thúc-bảo rằng :

— Thưa ngài, nhà hàng chúng tôi bấy nay thật vẫn hết lòng cố theo-

đuổi hầu-hạ ngài, song thật sức đã kiệt-quệ, túng-quẫn quá, mà chờ ông bạn ngài sang ngài mới có tiền ban cho, thì không biết đến bao giờ, vậy sẵn ngài có thanh kim-giản này, chúng tôi thiết tưởng giá ngài hãy rộng ơn quyền-nghỉ đem cầm tạm cho một hiệu cầm-đồ ở đây lấy ít tiền chi đỡ về chi trước cho nhà-hàng lấy tiền đong gạo, chờ ông bạn ngài tới nơi, khi đó có tiền ta sẽ lại chuộc về cũng không hề chi. — Nguyên Tiểu-nhị thấy thanh kim-giản tưởng là bằng vàng thật, mới định lập tâm nếu Thúc-bảo đem cầm tôi ít bữa sau mình sẽ đem tiền đến chuộc liền về, lấy phắt rồi giấu đi một nơi, có lẽ sẽ khởi-nghiệp về đó cũng chưa biết đâu ; nên mới cố ý nài Thúc-bảo đem cầm. — Thúc-bảo thấy chủ trọ bách-thúc quá, nghĩ thanh kim-giản là vật báu của tổ-phụ để lại cho, thân-thế mình là trông ở đó, mà mình đem cầm đi, lỡ mất thì sao. Bèn kiếm lời thoái-thác, nhưng cũng không xong, cực-chẳng-đã đành phải chịu đem đi cầm vậy. Tiểu-nhị thấy Thúc-bảo thuận đem cầm thanh kim-giản, thì mừng-rỡ lắm, liền bảo Thúc-bảo cùng đi đến tiệm cầm-đồ « Long-mậu » ở gần đó.

Khi đến tiệm, đưa thanh kim-giản ra cầm, thì chủ tiệm xem đi xem lại, kiếm lời chê-bai gièm hàng, bảo là đồ đồng vô-dụng, đem cân được 120 cân đồng, cứ tính cân ra trả gim giá xuống, sau nhất-định chỉ trả có năm lượng bạc. Thúc-bảo thấy chủ tiệm không biết của đã bực mình, vả hắn cầm hạ quá, thành cũng không đủ mà trả tiền trọ, nên ngần-ngừ lưỡng-lự hồi lâu, rồi đành đem về không chịu cầm. Tiểu-nhị thấy vậy cũng phải chịu cay đắng theo Thúc-bảo trở về không.

Về tới nhà, Tiểu-nhị lại càng đòi làm rầy-rà quá, sau cùng kể không sao được phải bảo hắn để đem ngựa đi bán ; Tiểu-nhị thấy nói đến bán ngựa thì cả mừng mà rằng :

— Thưa ngài, ở Lộ-châu chúng tôi đây, người lỗ-độn lắm, thanh kim-giản của ngài đó mà họ bắt-biện ra là vàng, họ không chịu mua, thật đáng tiếc quá ; song ngựa thì chắc bán được, vì ở vùng này phần nhiều toàn là đường bộ cả, cần dùng ngựa lắm, mà ngựa ở đây thì hiếm ; con ngựa của ngài là ngựa tốt, nếu bây giờ ngài đem bán đi, chắc rằng họ sẽ tranh nhau mua, sẽ được giá cao. Ngài quyết-định cho vậy thì tiện lắm, chợ hàng ngựa ở ngay phía cửa tây phủ-thành đây, chợ thường mỗi ngày họp từ đầu canh năm cho đến sáng rõ thì tan, vương-tôn qui-khách, người thương-mại, nhà phú-hào tới tậu đông lắm, sáng mai đầu trống canh năm ta đưa tới đó mà bán thì sẽ được ngay. Vậy xin ngài cứ nhất quyết cho như thế.

Đoạn, bảo người nhà giọn cơm lên ăn, Tiểu-nhị cùng ngồi ăn với Thúc-bảo, chuyện-trò vui vẻ lắm. Cơm nước xong, hai người cùng đi ngủ sớm. Thúc-bảo tuy đi nghỉ sớm, song chẳn-chọc suốt đêm, hết nghĩ gần lại nghĩ xa, vừa bực-tức căm-giận cái thói đời điên-bạc, vừa tiếc con ngựa, lại vừa lo nhân-thân có một con ngựa đem bán đi mất thì rồi lấy gì cưỡi mà về Tế-châu.

Một mình lượng-lự canh chầy,
Đường xa nghĩ nỗi sau này mà ghê !.....

Không ngủ được, nằm đợi suốt mãi cho đến gà gáy sớm, trở dậy rửa mặt chải đầu xong, ngồi đợi một lát thì Tiểu-nhị mang đèn đến, rồi hai người cùng soi đèn đi ra tàu-ngựa ; khi dắt con ngựa ra thì thấy gầy-gò lả-lướt coi ra bộ đói quá.

Nguyên từ bữa Thúc-bảo hết tiền, thì Tiểu-nhị rặn người nhà không được cho ngựa ăn thóc nữa, chỉ mỗi ngày cho ăn vài bó cỏ mà thôi, mụ chủ trọ tuy có lòng tốt, song chồng giữ riết lắm, họa-hoằn mới giấu cho ăn được ít thóc, thành-thử ngựa bị nhịn đói, lao-mòn dần mãi đi, đi không buồn bước nữa. Thúc-bảo tuy trông thấy thương-tâm mà không dám trách-móc chi nhà chủ, chỉ phàn-nàn qua-loa một vài câu rồi dắt ngựa ra. Khi dắt ra khỏi cửa, con ngựa hình như biết là chủ mình sắp đem bán cho người khác, có ý quyến-luyến mà không nỡ dứt tình, loanh-quanh mãi rồi nằm phục xuống đất nhất-định không chịu đi, lôi kéo thế nào cũng cứ nằm ỳ ra không đứng dậy nữa.

Thúc-bảo bấy giờ có ý thương-tình không nỡ đánh-đập bắt ép ngựa đi, thành ra cứ giùng-giằng mãi, Tiểu-nhị nóng ruột sợ muộn quá lỡ mất buổi chợ không bán được, liền giở cái thủ-đoạn tàn-nhẫn ra, dút ngay cái dóng cửa gỗ nhằm cái hông gầy lõ xương của con ngựa ốm-o rán hết sức nện cho một cái, con ngựa đau quá phải đứng phắt dậy nhảy cẫng lên mấy cái, rồi siêu-vẹo lại chực ngã lăn ra, sau hai người phải hết sức đỡ mãi mới đứng vững lại được, cho đứng yên một lát rồi dắt đi ra chợ. Tới chợ thì đã hơi muộn, nhưng người mua kẻ bán vẫn còn tấp-nập, người khoe con ngựa này tốt, kẻ khen con ngựa kia hay, bán bán mua mua ồn-ào rộn-rịp, duy có con ngựa của Thúc-bảo, đáng chừng thiên-hạ coi bộ nó khặc-khừ ốm-đói, nên dắt đi cùng cả chợ, không có lấy một ai hỏi-han được lấy nửa lời, thậm chí không ai thèm để mắt qua tới một chút nữa. Đành phải dắt ngựa trở về. Thúc-bảo đương lúc buồn-bực, lại vừa tối không ngủ được, thành ra vừa mệt vừa buồn ngủ, đi không buồn bước, trước còn dắt ngựa, sau hóa ngựa dắt đi theo, vừa đi vừa chập-chờn ngủ gật. . . . Bấy giờ trời đã sáng rõ, ngựa ở chợ đi ra, về đến gần cổng thành, chợt gặp một ông già gánh củi ra chợ bán, những cành củi mới chặt chưa gióc hết lá xanh (ở Sơn-đông khí-hậu tốt, nên cuối thu rồi mà cây hãy còn lá xanh), ngựa sực đi qua, đương đói bụng, thấy lá cây, tiến ngoài cỗ lại ăn, bất-thình-lình làm cho ông lão gánh củi giật mình ngã lăn xuống, củi tung tóe ra giữa đường. Thúc-bảo đương ngật-ngà ngật-ngưỡng đi theo ngựa, cũng giật mình choàng mắt ra nhìn, thấy vậy liền vội chạy lại đỡ ông lão, nhưng ông lão vừa ngã xuống thì đứng dậy được ngay, Thúc-bảo đến gần xin lỗi ; còn con ngựa thì cứ tự-do ăn hết cả những cành củi lá ; ông lão thấy Thúc-bảo có dáng băn-khoăn xin lỗi mình, thì nhẹ-nhàng mà rằng :

— Thôi, cái đó cũng là lỡ ra tại con ngựa, có làm chi, già này ngã nhưng không can chi cả, bác cần chi phải nhọc lòng lòi thôi làm vậy. Con ngựa, bác đem ra chợ bán về hay sao mà lại dắt đi đâu sớm thế ? Con ngựa này coi tốt lắm thì phải, sao lại không bán được ? Nhưng nó phải cái khí hơi gầy ốm, giá chăm nuôi cho béo tốt lên một chút mà đem bán, thì hẳn được nhiều người chuộng mua.

Thúc-bảo đương lúc buồn-bực, gặp được ông lão biết người biết của thì liền hởi nét mặt lên mà rằng :

— Vâng, thưa cụ, con ngựa này của tôi nguyên là ngựa tốt lắm.....

— Phải, con ngựa này chắc tốt, trông qua cũng đủ biết. Già này năm nay ngoại sáu mươi tuổi đầu rồi, nhưng nhờ trời sức-lực còn mạnh, nhà già ở cách đây độ 15 dặm, bốn bó củi này nặng tới ngoại trăm cân, nhưng già gánh từ nhà ra đây vẫn đi thẳng một mạch, không phải nghỉ cũng không cần phải đổi vai ; vậy mà con ngựa của bác ốm-o như thế này, đi lượt qua đớp bó củi làm cho già phải giật mình mà ngã, thì đủ biết con ngựa này khá lắm. Chao ôi! con ngựa thế này mà bác đem ra chợ ngựa bán thì chẳng là uổng lắm! Ở chợ ngựa, những con nhà phú-quí chơi ngựa, có mấy người họ chịu đến tận nơi mà mua bán gì đâu, thường họ chỉ sai người nhà đầy tớ đi mua, mà bọn gia-đình thủ-hạ thì có biết quái gì, hễ cứ chọn con nào tốt-mã là mua, chớ có kể chi là ngựa hay hay ngựa dở ! Trách nào con ngựa gầy-còm của bác không bán được là phải lắm. Chà ! thiên-hạ dễ đã mấy người biết chơi ! . . .

(Còn nữa)

NHẤT-VĂN-TIỀN (1)

« Nhất-Văn-Tiền », đó là tên một cửa hàng vải ở thành Cô-tô bên Tàu vậy. Nguyên xưa có hai chàng phú-thương Giáp và Ất, người tỉnh An-huy, chung vốn nhau sang mở hiệu buôn-bán ở Cô-tô ; sau mỗi chàng gian-díu với một ả hồng-lâu, thành ra tiêu-pha huy-hoắc, nhãng bỏ cả việc buôn-bán. Hai ả tình-nhân vốn là người khá, biết nghĩ, thấy vậy lấy làm lo, thường lúc đêm vắng vẫn kiếm lời khuyên-can khai chàng rằng :

— Thưa hai chàng, hai chàng phải nên nghĩ lại mới được. Xưa nay những phường « Tú-bà » hai chàng còn lạ gì, ấy còn tiền thì còn đi lại, hết tiền là hết trọng-khinh, cái nghề-nghiệp bán thịt buôn người đều như thế cả, họ chỉ lấy đồng tiền làm lào ! Chúng em chẳng may lỡ bước sa vòi, phải gửi thân vào đây, vẫn biết là cái thân bỏ đi này còn có ra gì ! Được hai chàng có lòng quá thương, ấy giá như ai kia thì lấy thế làm mừng, vớ được món hời, còn tiếc chi mà chẳng bòn-mót cho thẳng cánh. Song, như chúng em đây, không phải là nói khéo đâu, càng thấy hai chàng thương tới bao nhiêu, càng cảm lòng hạ-cố bao nhiêu, thì lại càng lo càng nghĩ bấy nhiêu. Thân-phận thiếp đã dành, nhưng còn thân-thế chàng thì sao ? Vẫn dành rằng hai chàng đã nặng lòng thương thì có ngại gì ; song chúng em thật vẫn lấy làm lo, lo rằng sự-thế rồi đây biết có được như rày mãi chăng ? ... Có điều chi nữa mà ngờ, hai chàng có lòng quá thương, chúng em cũng vẫn biết lắm, không phải rằng lo hai chàng không thương cho vẹn được đâu, lo là lo rồi đây cái sự-thế không thể sao được...Cũng không phải là lo miệng thị-phi thiên-hạ làm cho chuyện chúng mình vỡ-lở rồi chẳng ra sao đâu, điều đó cốt ở hai chàng có lòng thương đến chúng em là hết, có phải ngại gì. Chúng em lo, nói đây xin hai chàng bỏ quá đi cho, vì hai chàng đã có lòng quá thương, nên mới dám lấy thực-tình mà nói, là lo rằng hai chàng chỉ vì chút tình đeo-đẳng với chúng em mà bỏ cả

(1) Một đồng tiền.

công việc bán buôn, tiêu-pha huy-hoắc như thế thì đến núi của cũng phải xạt...Hai chàng xa cửa xa nhà tới đây buôn-bán làm ăn, nay chỉ vì vướng vịu vào với chúng em mà đến nỗi của hết nghề bỏ, nếu hai chàng không mau mau sớm liệu, e nữa rồi đây hối lại không kịp, thì bấy giờ còn ra làm sao ! Hai chàng phải nên hồi-tâm mà nghĩ kỹ lại xem, chớ chúng em lại chẳng mong nhờ tay tế-độ của hai chàng mà cứu vớt cho thoát khỏi kiếp trầm-luân này sao ? Ấy chúng em sở-dĩ lo nghĩ đêm ngày là chỉ vì có chỗ đó.

Giáp và Ất nghe lời lấy làm phải, song chỉ vì chút lòng quyến-luyến, tơ-mành khôn gỡ cho ra, nên chi cứ nấn-ná mãi không sao dứt tình ra được. Mụ - dầu đòi tới cái gì, là cũng phải cố lo chạy cho kỳ được như ý sở-cầu của mụ. Nghề phường bán-thịt buôn-người còn có biết thương sót gì ai bao giờ, bóp nặn cho đến kỳ cùng, miễn sao cho đầy túi, đứa nào dại đứa ấy chết, tuây kệ ! Cứ như thế, hai chàng theo đuổi mãi đã kiệt-quệ, chẳng bao lâu cầm-cố bán-chác khánh-kiệt cả. Cái nghề khách chỉ vác cái mặt không đến chơi xuông, họ không còn sơ-múi gì, thì họ giở mặt ngay. Khi mụ xem chừng hai chàng đã xác như vờ rồi không còn bóp-nặn được nữa, mụ sắp giở mặt hạ « trục-khách-lệnh » (1) thì hai ả biết ý, bèn nói trước với hai chàng rằng :

— Trời ơi ! nếu hai chàng mà nghe lời trước, thì đâu có đến cơ-hội này! Chúng em vẫn đã sớm liệu có rày chớ phải không dâu ! Chúng em chẳng may xẩy vời lỡ bước, sa chân vào đến chốn này, thật là xấu-sa hổ-nhục trăm chiều ! Được hai chàng có lòng hạ-cố, rộng thương chút phận bọt-bèo, thì chúng em xin một dạ đinh-ninh, vâng tạc những lời vàng-đá. Chúng em xem hai chàng chẳng qua cũng là xẩy ra khi đến thế này đó thôi, chớ quyết không phải là người đến nỗi nào phải cực khốn thế này mãi...Vậy thì dám xin hai chàng hồi-tâm nghĩ lại, hãy tạm xa chúng em ít lâu đặng mà đồ-mưu khôi-phục lại lấy cơ-nghiệp, khi bấy giờ ta sẽ tính cuộc sau này cũng không vội gì.

Một lời đã quyết tâm-giao,
Dưới dầy có đất trên cao có trời.

Chúng em xin thề chết mà dợi hai chàng, mong có ngày sẽ được đem tấm thân đồng-cát mà đền nghìn trúc-mai, để báo lại được cái ơn tri-kỷ của hai chàng, thì dù mai này trời có bắt tội thế nào, phận-bạc mà không được nhờ người phúc-hậu chăng nữa, cũng có thể nhắm mắt ở chốn trùng-toàn được ! Hai nàng nói vậy rồi trao cho mỗi chàng 50 lượng bạc và giục hai chàng nên kịp liệu đi ngay. Giáp và Ất thấy hai nàng ý-quyết như thế, không sao được, cũng đành phải cầm tiền gạt lệ dứt tình ra đi. — Bấy giờ vào cuối năm, trời rét, hai chàng ở hồng-lâu ra, bàng-khuâng thân-thế, ngổn-ngang trăm mối bên lòng, lại vừa đói bụng vừa lạnh cóng, bèn cùng nhau vào hàng cơm uống rượu giải buồn ; tì-tè quá chén thành ra hai người cùng say tít cả, lúc ở hàng cơm trở ra về, bỏ quyên mất túi bạc ; về đến trọ mới biết, vội-vàng chạy lại hỏi nhà hàng cơm thì, than ôi ! tiền đã theo hơi men bốc mà đi đời mất rồi ! Tuế là sạch-sành-sanh trong tay không còn lấy một trữ ! Chủ trọ đòi tiền trọ không có, phải gạt áo-xống để thế vào, thế là nhẫn-nhục áo rét không còn lấy một manh!

(1) Hạ lệnh đuổi khách.

Ôi ! sự-thế đã đến thế, thế là tình hết, tiền hết, hy-vọng hết, đến cả cái thân lay-lắt sống thừa kia cũng cơ-hồ hết chỗ mà dung-thân, hết đường mà nuôi miệng ! Năm cùng tháng tận, đất khách quê người, lấy gì mà độ-thân, lấy gì mà hồ-khẩu ! Cùng-bất-đắc-dĩ, túng thế phải dám ra dắt nhau đi ăn mày. Ngày thì đi ăn xin khắp đầu đường só chợ, tối đến lại về ngủ núp nơi hè miếu cửa chùa ; một điều khổ-tâm nữa là đã đến nước đi ăn mày ngoài đường mà vẫn còn phải để ý trông ngược đón xuôi, hoi thấy hút hai ả tình-nhân cũ ở đằng xa là đã phải tìm đường kiếm lối mà tránh mặt cho mau rồi, nhất là chỗ phố hai nàng ở thì không hề dám bén-mảng đến gần lúc nào nữa ! . . . Hôm ấy chiều ba-mươi tết, đi nhặt cành cây khô về đốt lên ngồi sưởi ; hai người đương ngồi buồn thanh thân, bỗng dưng Giáp lần lưng thấy còn xót lại một đồng tiền, liền quẳng xuống đất mà rằng :

— Chà ! Nghìn ấy vạn khác, bây giờ còn tay không ! Làm chi một đồng tiền khốn-nạn này !....

Bèn nhặt đồng tiền toan vất đi cho rảnh mắt. Ất chợt nghĩ ra, vội-vàng giằng lấy đồng tiền mà rằng:

— Thong thả !....bác làm chi thế ? bác thấy thế mà đã vội tuyệt-vọng ngay sao ? Chắc dâu một đồng tiền còn sống xót lại trong lúc tuyệt-vọng này lại không là cái hy-vọng cuối cùng của ta, lại không có thể làm sinh-sôi nẩy-nở ra nghìn ấy vạn khác nữa được sao ? Bác phải biết rằng chúng ta lúc hai bàn tay trắng bưng đầu mà ra, nào đã có nghìn ấy vạn khác nào, nào đã có lấy một đồng một trữ nào !..... Đồng tiền nhỏ này dù sau này có thể làm một vị thiên-thần cứu-mạnh hay chỉ là một cái ảo-vật không dâu nữa cũng mặc lòng, song ở đời ta phải vững dạ mới được chớ, mình còn thoi-thóp kia mà, can chi đã phải vội tuyệt-vọng đến thế, bác ! ?

Đoạn, cầm lấy đồng tiền giắt vào lưng và nói luôn rằng :

— Bác cứ để mặc tôi, rồi bác coi...

Giáp thấy Ất nói quả-quyết như thế, cũng cho là những dọng thường của người ta trong lúc thất-vọng phải bịa-đặt ra để lấy đó mà tự yên-ủi cho khuây lòng ; nên trong bụng Giáp không lấy làm tin và cũng không cho lời nói của Ất vào dâu cả.

Hôm sau, Ất giắt đồng tiền ra phố mua được ít bột, và đi nhặt-nhạnh các thứ lông gà vịt chim ngỗng và những giấy ngũ-sắc vụn-vặt người ta vất ngoài đường, lại kiếm lấy một ít cuống cỏ cùng một ít thanh tre nữa mang về đưa cho Giáp xem mà rằng:

— Thế bác có biết tôi làm gì không ? Thôi, gặp lúc bần-tiện thì mình lại phải tìm cách bần-tiện mà xoay vậy, chớ có lẽ cứ bó tay mà chịu chết dây hay sao ?

Bèn nhóm lửa đem bột quấy hồ, đoạn lấy cỏ quấn đầu thanh tre, rồi gián giấy ngũ-sắc và đính các thứ lông sặc-sỡ vào, coi in như hình những giống cầm-điểu. Giáp trông thấy bật cười mà rằng :

— Chao ôi ! bác khéo vẽ chò trẻ, đã khốn-khổ chết dở đi mà còn cứ nhơn-nhơn, bày ra những đồ nhi-hý mà chơi !

Ất thấy Giáp nói vậy thì chỉ cười lạt không nói đi nói lại chi hết. Gia công làm suốt một đêm được hai ba trăm cái. Sáng hôm sau bảo Giáp cùng mang đi với mình đến cửa chùa Nguyên-diệu ở gần đấy để bán. Giáp tuy trong lòng vẫn hồ-nghi không tin, song cũng phải gượng đi theo Ất

Chùa Nguyên-diệu là một nơi thắng-cảnh thành Cô-tô, gặp buổi xuân-quang, người vãn-cảnh, khách dâng hương thành hàng thành lũ.

Rập-rìu tài-tử dai-nhàn,
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm!

Đàn-bà con-trẻ thấy những cái đồ chơi của Giáp và Ất bán coi hay-hay mà lại rẻ tiền, thì tranh nhau mà mua, thành ra đắt hàng quá, chỉ có một chốc bán hết sạch cả mấy trăm cái ; cứ mỗi cái bán mươi lăm đồng tiền, thành tất cả bán một buổi được tới bốn năm nghìn đồng tiền. Giáp bấy giờ mới biết, mới chịu phục Ất là người có tâm-cơ, có tài khéo. Đoạn, hai người mừng-rỡ trở về. Hai anh em ngồi nghỉ-ngơi thư-thả, rồi Giáp hỏi Ất rằng :

— Thế một đồng tiền thì bác tính thế nào mà làm cho đủ được tần ấy cái ?

Ất nói :

— Thế ra bác vẫn chưa hiểu sao ? Như những thanh tre, cây cỏ, giấy vụn và các thứ lông gà, vịt, lông chim, thì ở các nơi địa đường só chợ chán ra, chỉ phải chịu khó đi lượm lấy là được ; còn đồng tiền kia thì mua lấy một đồng bột quấy hồ để giản, thế là đủ rồi. Bác bảo như thế thì phỏng có cần chi đến nhiều tiền mới làm được ?

Giáp nghe nói lại càng lấy làm thích và càng phục Ất lắm. Từ đó hai người bàn nhau rồi bỏ tiền ra mua giấy ngũ-sắc thật tốt và các thứ lông sặc-sỡ thật đẹp, chế ra những hình nhân-vật hoa-cỏ, v v..... Cứ đêm thì gia sức làm, ngày lại mang ra các cửa đền cửa chùa bán rong.

Như thế, suốt một vụ mấy tháng xuân, sang đầu hạ tính ra được tất cả tới 3000 quan tiền. Bấy giờ liền xoay ra mở được một cửa hàng nhỏ bán tạp-hóa, buôn-bán tần-tảo, một ngày một lên mãi, trong hai năm trời vốn-liếng được tới vài ba vạn, bèn mở hẳn ra một hiệu bán vải ở ngay ngoài cửa thành, đặt tên hiệu là « Nhất-Văn-Tiền » để làm kỷ-niệm (1). Sau mỗi người đem một nghìn lượng vàng đến hồng-làu cưới hai tình-nhân cũ về làm vợ. Kinh-doanh buôn-bán không dầy trong vài năm, thành ra giầu-có nhất một vùng ấy. Bấy giờ hai chàng mới cho người về An-huy đón gia-quyến sang, rồi từ đó hai nhà cùng nhau kết-thân và chung việc buôn-bán mãi-mãi. Tới nay đã hơn hai trăm năm, mà ba chữ vàng « Nhất-Văn-Tiền » vẫn hãy còn chói-lọi ở trước nơi đền thờ Tần-bá ngoài cửa thành Cô-tô, khiến cho người du-lịch, khách vãng-lai, ai qua thấy cũng phải lưu-tâm chú-mục.

NGUYỄN BÍNH-GIAI *thuật.*

(1) Là để kỷ-niệm nhờ « một đồng tiền » nhỏ kia đã khôi-phục lại và gây lên được cái cơ-nghiệp lớn ấy.

Cải-Chính. Số báo trước (số 37) bài tiểu-thuyết « Bức-danh-thiếp » ở trang 195 cột thứ nhất, dòng thứ 18, câu *tình-nhân tri-kỷ*, chính là *tình-nhân chú Lý mà nhà in sắp lầm, vậy nay cải-chính cho đúng.*

CÁI MẢ

Một hôm, một lão phú-ông nhà quê ngồi trước nhà mình mà ngắm trông cái phong-cảnh vườn ruộng: nào là lúa-má tốt-đẹp đầy đồng, nào là cây-cối chĩu-chịt những quả. Lúa những năm trước cũng còn tích đầy kho, nặng quá làm cho ván sàn nhà cơ-hồ phải xụt xuống. Lão đến xem chuồng nuôi súc-vật thì đầy những bò đực, bò cái béo mập, ngựa cũng béo khỏe lông mỡ nhoáng lên. Rồi lão lại vào trong nhà nhìn cái tủ-sắt đựng đầy những bạc. Trong khi đương mê-man ngắm-nghía những của-cải của mình như thế, thì lão hình như nghe có tiếng đập mạnh. Không phải là tiếng đập vào cửa phòng lão, mà là đập vào cửa lòng lão vậy. Cửa ấy mở ra, lão nghe có tiếng nói rằng :

— Anh đã làm được điều gì hay cho người đồng-loại với anh bằng vàng của anh chưa ? Anh đã giúp đỡ được người nghèo nào chưa ? Anh đã chia bánh cho người khổ nào chưa ? Anh giầu có như thế anh đã mãn-nguyện chưa hay anh còn muốn giầu hơn mãi mãi ?

Trong lòng lão không ngần-ngừ mà trả lời rằng :

— Tôi thực dạ sắt gan lim, tôi chưa làm điều gì hay cho người đồng-loại tôi bao giờ cả. Thấy người nghèo khổ tôi ngảnh mặt lờ đi. Tôi chẳng sợ gì trời, tôi muốn được giầu thêm mãi mãi. Dầu cho khắp gầm trời này, cái gì cũng là của tôi, tôi cũng chưa mãn-nguyện.

Nghĩ vậy sợ quá, hai chân đầy-đầy run mạnh đến nỗi lão phải ngồi xuống. Lại có ai đập cửa, nhưng lần này là đập vào cửa phòng lão. Đó là người láng diềng lão là một anh nghèo có một lũ con mà không có gì nuôi cả. Anh ta bụng tự nghĩ rằng : « Lão láng-diềng ta nó giầu nhưng nó kiệt lắm, nó cũng chẳng giúp ta đâu, nhưng lũ con ta cứ đòi bánh, thì ta cũng thử hỏi vay nó xem sao. »

Anh ta đến nói với lão phú-ông kia rằng :

— Tôi cũng biết ông không thích cho ai cái gì, song tôi cùng-khổ quá sắp chết, lũ con tôi đói, xin ông cho tôi vay bốn thùng lúa.

Phú-ông ngẫm-nghĩa anh kia hồi lâu, rồi một cái tia sáng thương-tâm mới làm tan lớp váng đóng ở trong tấm lòng tham-lận kia. Lão trả lời rằng :

— Tôi không cho anh vay bốn thùng lúa, tôi sẽ cho anh tám thùng, nhưng có một điều-khoản này.

Anh nghèo hỏi :

— Thưa, điều gì ?

— Là sau khi tôi chết thì anh phải canh giữ mả tôi ba đêm.

Nghe lời yên-cầu ấy, anh nghèo cũng rùng mình, nhưng tình-cảnh anh ta bấy giờ như thế thì gì mà anh ta chẳng phải bằng lòng. Anh ta cũng hứa lời như vậy, rồi mang lúa về nhà.

Lão phú-ông kia hình như đã biết trước những sự sắp đến ; ba hôm sau thì lão thốt-nhiên chết thực. Chẳng ai biết vì sao lão chết, cũng chẳng ai thương tiếc cả. Khi đã an-táng rồi, anh nghèo nhớ đến lời hứa của mình, cũng muốn lờ đi, nhưng anh ta lại tự nghĩ rằng : « Lão này xử với ta rộng-rãi lắm, ta đã lấy lúa của lão mà nuôi con ; vả lại, dù không thế nữa, ta cũng phải giữ lời ta đã hứa ra. » Đêm đến, anh ta ra bãi tha-ma, ngồi cạnh ở mả lão. Bốn bề yên-tĩnh, sáng trăng soi tỏ cả những mả lớn mồ con, chỉ thỉnh thoảng một con cú bay kêu những tiếng thê-thảm ; sáng ngày ra, anh nghèo về nhà không gặp sự nguy-hiểm gì cả. Đêm hôm sau cũng vậy.

Đến đêm thứ ba, anh ta sợ lắm, sợ có sự gì xảy ra chăng. Đi gần đến bãi tha-ma thì anh ta trông thấy ở dọc tường có một người chưa từng nhận ra. Người ấy đã hơi già, mặt thì đầy những sẹo, hai con mắt sắc thao-láo lộ ra cái dạng lo-sợ. Người ấy mặc một cái áo tơi cũ, ở dưới thò ra đôi ủng kị-mã to-tướng.

Anh nghèo kia hỏi rằng :

— Anh đến đây tìm gì ? Ở bãi tha-ma này anh không sợ à ?

Người ấy trả lời :

— Tôi chẳng tìm gì cả, nhưng tôi không sợ. Tôi cũng như thằng bé con đi khắp thiên hạ để học biết cái sợ rồi khi trở về thì lấy một nàng công-chúa có của hồi-môn ức triệu, nhưng tôi thì tôi hãy còn nghèo. Tôi chỉ là một tên lính bị thải-hồi, tôi muốn đến đây ngủ, vì không có chỗ nào dung-thân.

Anh nghèo nói :

— Này! nếu anh không sợ thì ở lại đây với tôi mà canh dùm tôi cái mả này.

Người ấy trả lời :

— Được, canh gác là việc của người lính, rồi có sự gì xảy đến cho anh hay hay là dở ta cùng chịu nhé.

Đoạn rồi hai người cùng ngồi ở cạnh mả. Đến nửa đêm vẫn yên lặng. Bấy giờ nghe có một tiếng còi rít lên rồi thấy một con ma hiện thành hình người đứng ngay trước mặt.

Con ma ấy quát lên rằng :

— Đồ khốn-nạn bước đi! Người chết nằm trong mả này là của ta, ta đến đem đi, nếu chúng bay không cút đi mau, thì ta vặn cổ đi bây giờ.

Người lính nói :

— Hỡi thần nanh đỏ mỏ kia, anh không phải là quan cập-tên coi ta, ta không vâng lời anh, mà ta cũng không biết sợ là cái gì đâu. Thôi đi đi, chúng ta đây cứ ngồi bên cái mả này.

Con ma bụng bảo dạ rằng : « Vàng thì mới bảo được hai đứa khốn-nạn này. » Rồi hắn đấu dịu mà làm cách thân-thiết hỏi hai anh kia có bằng lòng về nhà mà được túi vàng đầy không.

Người lính nói :

— Nói thế được rồi, nhưng một túi vàng thì không đủ cho chúng ta ; nếu anh bằng lòng cho ta vàng đầy một chiếc ủng của ta này, thì ta nhường chỗ cho.

Con ma nói :

— Trong mình tôi không có được ngần ấy vàng nhưng để tôi đi lấy đến. Ở thành phố cạnh đây tôi có một người bạn làm nghề cho vay, anh ta sẵn lòng cho tôi vay.

Khi con ma đi rồi thì anh lính rút chiếc ủng ở chân trái ra mà rằng :

— Ta sẽ làm một trò cười này, đưa mượn con dao đây.

Rồi anh ta cắt cái đế ủng đi, dựng thẳng cái thân ủng vào cái mả bên cạnh ở trong đám cỏ cao. Anh ta nói :

— Được rồi, cái con ma đào mồ khoét mả kia về đây ngay đi nào.

Hai người lại ngồi đợi.

Một lát thì con ma ấy về, tay cầm một cái bị con đầy vàng.

Người lính vừa khệ nàng cái thân ủng lên vừa nói:

— Đồ vàng vào đây, nhưng chưa được mấy tí.

Con ma rốc hết cả cái bị, nhưng vàng rơi xuống đất, ủng vẫn rỗng không.

Người lính kêu lên :

— Đồ xuẩn ở đâu ấy, người ta đã bảo chưa được mấy tí mà, đi lấy thêm vàng nữa rồi đem nhiều về đây.

Con ma vừa lắc đầu lắc cổ vừa đi độ một tiếng đồng-hồ thì quanh về nách cắp một cái bị to hơn trước.

Người lính nói :

— Lại đổ cả vào đây, nhưng không chắc có đầy ủng không.

Vàng rơi xuống loảng-soảng, nhưng ủng vẫn rỗng không.

Con ma quắc mắt nhìn vào trong ủng để tự xem ủng đã đầy chưa, rồi hằn nhăn mặt lại mà kêu rằng :

— Bụng chân đâu mà to quái gở thế này!

Người lính trả lời :

— Anh muốn chân tôi cũng nhỏ như cẳng dê giống chân anh hay sao? Anh mới sinh ra bủn-sỉn tự bao giờ thế? Thôi anh đi đem thêm vàng nữa đến đây, không thì sự mà-cả xúy-xóa đấy.

Con ma lại đi. Lần này hắn đi lâu lắm, khi về thì vai vác một cái bị to-tướng nặng còng người xuống. Hắn rốc cả cái bị vào trong ủng mà cũng vẫn chưa đầy hơn trước tí nào. Hắn phát cáu lên toan đặt cái ủng ở tay người lính ra, nhưng ngay lúc ấy mặt trời mọc lên, bóng sáng chiếu xuống, con ma kêu rú lên một tiếng rồi biến mất.

Thế là cái linh hồn khốn-nạn kia được bình yên vô-sự.

Anh nghèo muốn chia nhau cái vàng ấy, song người lính bảo rằng :

— Cái phần của tôi thì để cho những kẻ nghèo khổ, tôi sẽ đến ở nơi lều tranh túp cỏ với anh, còn một phần vàng đó ta sẽ có thể cùng nhau an-nhàn mà trời cho sống đến bao giờ sống đến bấy giờ.

NGUYỄN-THƯỢNG-HUYỀN
dịch-thuật.

(Trích trong bộ Contes choisis des Frères Grimm).

THỜI-ĐÀM

Lễ Thanh-minh và lễ tôn-trí vành kim-hoa ở Ngưng-hy Tôn-lăng

Ngày hai mươi tháng hai năm nay (6 Avril) là ngày lễ Thanh-minh. Hôm ấy suốt ngày khí trời im tạnh, thật là hòa hoãn rất thích-hiệp với thời-tự ngày lễ ấy.

Ngày lễ ấy Hoàng-thượng ngự lên chiêm bái lăng Cơ-thánh ngày 19, đến sáng ngày 20 thời ngự hành-lễ tại Tư-lăng là lăng đức tiên Hoàng-đế. Vậy sáng ngày 19 phụng Hoàng-thượng, lưỡng Tôn-cung, ngự xe ô-tô. Nội-cung, nội-thần theo hầu chầu đi xe ô-tô, đình-thần ấn-quan thấy tùy ngự-giá đã y-thời ứng-hậu tại lăng ấy. Sáng ngày 20 phụng Hoàng-thượng suất thần đình đến hành-lễ tại trước Bửu-thành rồi lại trở về hành-lễ ở điện Ngưng-hy. Khi lễ đã xong thời có quan Khâm-sứ cùng các quí quan đến, quan Khâm-sứ cung-dẹ đến một vành hoa bằng vàng để tôn-trí tại trong Bửu-thành của tiên Hoàng-đế, mà vành hoa vàng ấy là của quí Pháp-đình trí tặng để biểu tình đồn hảo của Pháp-Nam, cho nên khi quan Khâm-sứ đến tôn-trí vành hoa ấy thời Hoàng-thượng suất thần đình đến thị-lễ và khoản-tiếp ngài rất trọng-thể. Vậy khi quan Khâm-sứ vào tôn-trí vành hoa ấy, thời ngài có đọc một bài chúc-từ bằng Pháp-văn, rồi quan Tuần-vũ Hồ đại-nhân đọc bài dịch chúc từ ấy bằng quốc-ngữ ; rồi Hoàng-thượng lại đọc bài đáp-từ bằng Hán-văn, lại đến quan Tham-tá Cơ-mật Nguyễn đại-nhân lại đọc bài dịch đáp từ ấy bằng Pháp-văn. Hai bài ấy lược thuật đại ý như sau này :

Bài chúc từ của quan Khâm-sứ

Kính tâu Hoàng-thượng,

Trong khoảng năm 1885, Chánh-phủ Đại-pháp cùng các bậc lương-thần bên Nam-triều đồng một dạ ưu-cần để phụ-bật và tấn-tôn tiên Hoàng-khảo lên ngôi Đại-nam Hoàng-đế, Hoàng-hiệu Đồng-khánh nguyên-niên. Lúc bấy giờ trong nước gặp buổi rối ro mà cái họa nội-loạn hằng ngày sinh ra khắp trong các tỉnh hạt, nhân dân xiết bao ta-thán, còn sự hoàng-hoặc thời ở khắp lòng người, làm cho nông-vụ cũng nhân đó mà phải hoang-phế.

Trong lúc ấy, nước Đại-pháp đã trông thấy tiên Hoàng-đế là một đấng quốc-vương đối với nước nhà rất có lòng ái-quốc, đối với hữu-bang rất có tình thân-mật tín-thành. Vậy nên trong những lúc tiểu-phỉ an-bang đã cậy có binh-quyền của Đại-pháp chúng tôi mà vẫy được cuộc ninh-thiếp trong bờ cõi Annam nầy.

Nay Hoàng-thượng tuân-phụng theo pháp-tắc ấy của tiên Hoàng-đế, mà pháp-tắc ấy do bởi mầu-nghi của lưỡng Tôn-cung truyền-thụ lại rất hiền-từ. Cho nên mới rồi đây Hoàng-thượng đã muốn lấy cái minh-chứng trong tình thân ái, nghĩa tín thành của Hoàng-tộc và Thần-dân của qui Nam-bang mà đem lại với Đại-pháp, vậy Đại-pháp đã thể

lòng thành tín ấy của Hoàng-đế mà lấy làm trân-trọng xiết bao. Thế thời Pháp-đình biết lấy gì mà được tỏ lòng cảm tạ cái ý-chỉ rất qui-trọng, rất thành-thực ấy của Hoàng-thượng cho bằng với lên cái tư-niệm một đấng Thánh-chúa bên Nam-triều đã từng đối-đãi nước Đại-pháp với lòng tôi-thân cực-điểm, tức là tiên Hoàng-đế.

Vậy cho nên tôi đến đây, khâm-mạnh của Pháp-đình và đại-biểu thủ-hiến của Trung-kỳ Chánh-phủ Bảo-hộ để kính dâng vành kim-hoa « hòa-bình cẩm-lãm. » « danh-dự-anh-đào » (Palme de bronze doré, de chênes et de lauriers) này của Pháp-đình tri-tặng để kính tôn-trí nơi Bửu-thành tiên Hoàng-đế.

Bài đáp-từ

Kính trình quan Khâm-sứ.

Nay gặp tiết Thanh-minh, được qui Pháp-đình xa tỏ lòng dòn-hảo tri tặng vành phương-hoa để tôn trí trong Bửu-thành nơi Tôn-lăng tiên Hoàng-đế, thời quả-nhân lấy làm cảm-bội rất thâm.

Kính nhớ lại lúc tiên Hoàng-đế còn tại-vị thời đối với qui-quốc thủy chung một niềm thành tín, cho nên đã được qui quốc để huề tán trợ cho được rạng mở nghiệp trung-hưng, thần dân trong nước rất lấy làm nhờ cậy. Ngờ đâu gió mây man mát, quộc vận chuyển dời, hóa cho nên cái tiên-chí và đại-nghiệp của tiên Hoàng-đế chưa toại-tựu thời đã xe giá về trời, trong 30 năm lại đây thật chẳng xiết cảm-khái vậy! Nay qui-đình tỏ lòng tín thành của tiên Hoàng-đế mà tỏ rõ dạ quả-nhân ; quả-nhân đức mỏng dâu dám đương được, nhưng cũng hết lòng ưu cần ngày đêm để được kế-chí thuật-sự, ấy là điều tư-niệm bằng ngày. Năm ngoái việc như-Tây chính là kính theo đòi tiên-chí của tiên Hoàng-đế đó vậy.

Bốn bề núi dựng, muôn lối tùng im, lâu nay đến chiêm-bái thấy trông vào Tôn-lăng mà sinh lòng ngùi ngùi và thăm thẳm, mà nay lại có vàng kim-hoa của Pháp-đình rực rỡ chói chang ở trước, khiến người xem thấy cái vẻ tỏ-rạng của vành kim-hoa ấy khác nào trông thấy cái tia sáng văn-minh của qui Pháp-đình đã soi rạng đất nầy mà tiên Hoàng-đế sẽ đem quang-tuyến ấy mà sôi lại cho cái hồng-đồ vĩnh-viễn muôn nghìn năm của Nam-quốc, thời anh-linh của tiên Hoàng-đế được thầm ủy biết bao !

Vậy quả-nhân xin lấy một lời mà tri-tạ rằng :

Giang-sơn nầy là giang-sơn vạn-cổ. Lăng-điện nầy là lăng-điện vạn-cổ. Kim-hoa ấy cũng kim-hoa vạn-cổ mà hoa ấy lại là nhành liên-lý của Pháp Nam, hoa tịnh-đế của Pháp Nam.

* * *

Khi Hoàng-thượng đọc xong bài đáp từ ấy là khi lễ tôn-trí vành kim-hoa đã xong, quan Khâm-sứ từ tạ Hoàng-thượng ra về, đình thần cũng thủ-thứ giải tán để sắm sửa theo hầu ngự-giá hồi-loan.

Tiết Thanh-minh nầy Pháp-đình có tri tặng vành kim-hoa để tôn-trí trong Bửu-thành tiên Hoàng-đế, thực là một thạnh-điển của quốc-gia, quốc-dân đọc đến tin nầy lại càng thêm tỏ nghĩa thân ái mật thiết của hai Chánh-phủ càng ngày càng thêm tỏ rõ vậy.

Cái thạnh-điển của Hoàng-gia là thế, còn về sự tỉnh-táo của phương-dân thời năm nay ngày Thanh-minh người đi lễ ấy rất đông mà cái quang-cảnh ngày xuân lại phô-diễn cho lễ Thanh minh được thêm lắm vẻ thật là một ngày lễ rất qui báu thay.

Các bạn đồng-nghiệp mới

Ở Nam-kỳ, Ông Nguyễn-Kim Đính mới xin phép chính-phủ được mở một tờ báo quốc-văn, mạnh-danh là **« Đông-Pháp Thời-Báo »** (Le Courrier indochinois), chừng cũng nay mai thì xuất-bản.

Ở Bắc-kỳ nhà Chung Hanoi cũng mới xin phép Chính-phủ được mở một tờ báo quốc-văn, mạnh-danh là **« Trung-hòa Nhật-Báo »** chừng đến đầu tháng sáu tây thì xuất-bản.

Quốc dân ta ngày nay đương nhờ được nhà nước Bảo-hộ dìu dắt lên con đường tiến hóa, chính là lúc đương cần có nhiều báo để giúp vào sự mở mang dân trí. Hai tờ báo này ra đời thực là thích-thời lắm. Bản-chí xin có lời hoan nghênh hai bạn đồng-nghiệp mới và chúc hai bạn thịnh vượng trường cửu.

Ai-tín

Bản-chí được tin buồn rằng Cụ Hoàng-giáp, đích-mẫu ông Tú Nguyễn Đỗ-Mục Biên-tập-viên báo Trung-Bắc, thọ-chung hôm 12 tháng 2 ta là ngày 28 Mars vừa rồi, hôm 13 đã cất đám tại qui-quán làng Thư-điền huyện Thạch-thất (Sơn-tây). Năm nay cụ hưởng-thọ 86 tuổi.

Trong dịp buồn rầu, Bản-chí xin có lời kính-viếng Cụ và chia buồn cùng ông Tú Nguyễn Đỗ-Mục.

Giới-thiệu sách mới

Tam-Tự-Kinh

Ông Á-Nam Trần Tuấn-Khải vừa mới xuất-bản quyển *Tam-Tự-Kinh* mà ông dịch ra quốc-văn đã đăng ở báo « Khai-hóa » trước. Quyển sách này ông chia làm từng đoạn, mỗi đoạn trên để nguyên-văn chữ nho và dịch nguyên-âm ra quốc-văn cho tiện đọc, dưới dịch theo nghĩa chữ một, gọi là « Nghĩa đen », rồi lại giảng tóm lại c o lọn nghĩa dễ hiểu, gọi là « Nghĩa lọn », nối sau đoạn « Nghĩa lọn » lại có một đoạn bàn thêm, gọi là « Lời bàn », ông dịch rất công-phu và dễ cho trẻ-con mới bập-bẹ học lắm.

Nước ta chịu cái tinh-thần Khổng-học đã ngoại mấy nghìn năm rồi cho đến ngày nay Khổng-học dẫu đã tàn, mà xét ra quốc-văn ta sở-dĩ thành được một nền quốc-văn riêng có giá-trị, cũng vẫn là nhờ ở cái tinh-thần Khổng-học. Cho nên dù ta có vì cái tân-trào và cái thời-thế nó xô-đẩy, sự học bây giờ phải thay cũ đổi mới thế nào nữa mặc lòng, mà cái tinh-thần Khổng- ọc cũng không thể nào vất bỏ ngay đi được. Cái sự-thế tất-nhiên bây giờ đã như thế, mà Hán-học ở ta bây giờ thì quyết không thể nào lại phục-hưng được nữa rồi ; vậy thì việc lợi-dụng quốc-văn mà bảo-tồn Khổng-học, nghĩa là dùng quốc-văn mà dịch sách chữ nho, ở nước ta ngày nay, nhất-ban quốc-dân đều đã phải công–nhận là một vấn-đề rất cần-kíp, rất hợp-thời vậy. Mà thật thế ; cái thế-lực Pháp-học ở ta bây giờ một ngày một mạnh, một lan rộng mãi ra, thế-tất phải Hán-học một ngày một phải mòn dần đi ; chẳng kịp lúc Hán-học còn rày-rớt này đem sách nho ra mà diễn-dịch ngay đi, trong khoảng vài mươi năm nữa lấy ai mà làm cho ta những công-việc ấy ? Cho nên nói rằng việc dịch sách nho ngày nay là việc rất cần-kíp đáng làm trước hơn là việc dịch sách tây nhiều, tưởng cũng không phải là lời nói quá. Vậy sách nho bây giờ, ai có sức dịch được quyển nào, không đem ra mà

dịch ngay đi, xuất-bản ngay đi, còn đợi cho đến bao giờ nữa ?

Như vậy, quyển *Tam-Tự-Kinh* của ông Á-Nam nay đem xuất-bản, chẳng là hợp-thời lắm ru ? Ta chớ nên thấy cái tên *Tam-Tự-Kinh* là một quyển sách *vỡ lòng trẻ* mà ta coi thường, ấy chính là cái móng tảng của cái nền tinh-thần học cũ ta đó.

Vừa dịp quyển *Tam-Tự-Kinh* này mới xuất-bản, Bản-chí rất lấy làm hoan-nghênh, xin có lời mừng ông Á-Nam đã đem cái học bình-sinh của ông mà làm được một việc rất nên làm, và xin vui lòng giới-thiệu cùng các bạn độc-giả.

Giá mỗi quyển 0p.35, bán tại các cửa hàng sách.

* * *

Đại-Học

Tân-đà Thư-điếm ở phố Hàng-gai mới xuất-bản quyển *Đại-học*, dầy 94 trang, giá bán **0 p. 70** một quyển.

Quyển Đại-học này là quyển sách xuất-bản đầu tiên trong hai bộ Tứ-thư Ngũ-kinh mà Thư-điếm ấy sẽ dịch ra sau này và có lẽ cũng là quyển sách có giá-trị nhất của Thư-điếm ấy đã xuất-bản từ khi khai-trương đến nay.

Nước Nam ta mấy nghìn năm nay sở-dĩ thành được một nước có quốc-hồn quốc-túy cũng là nhờ ở Hán-học, mà từ nay về sau cái quốc-hồn quốc-túy ấy giữ-gìn được tưởng cũng phải nhờ có Hán-học. Từ khi khoa-cử bỏ đi, Hán-học dần kém, thánh-kinh hiền-truyện đã thành ra sách cổ mà xếp xó bỏ một nơi. Không phải không biết Hán-học là hay, là nên bảo-tồn đâu, song cái kế sinh-nhai nó chủ-trong vào « A B C » hơn, vậy cũng không thể cưỡng được với thời-thế biến-thiên mà cứ « giã giả chi hồ » được mãi. Tuy nhiều người nhiệt-tâm về sự bảo-tồn quốc-túy vẫn nói nên duy-trì Hán-học, song có lẽ nói thì nói, chớ mấy ai đã rỏi công làm. Từ trước đến nay như thế, từ nay về sau lại còn thế nào, chẳng cũng đáng tiếc cho Hán-học lắm ru ? chẳng cũng đáng e cho quốc-túy lắm ru ?

Nay ông Nguyễn-Khắc-Hiếu chủ-nhân *Tản-đà Thư-điếm* họp cùng ông Nghiêm Thượng-Văn và ông Đặng Đức-Tô dịch quyển *Đại-học* để ấn-hành, thực là hết lòng với sự duy-trì Hán-học, mà sau này Hán-học không đến nỗi mờ hết ở đất Việt-Nam này, các ông cũng có dự một phần công.

Sự dịch các thánh-kinh hiền-truyện này thực là rất khó, vì chính-văn của kinh-chuyện rất là cổ-kính, dịch sao cho đúng nghĩa, cho gọn gàng, cho khỏi mất cái tinh-thần văn cổ. Như quyển *Đại-học* này, các ông dịch cũng đã công-phu lắm. Khoảng trên thì in nguyên Hán-văn, lại dịch ra chữ quốc-ngữ cho tiện đọc, lại theo từng chữ mà thích rõ nghĩa ; mỗi chữ đã thích theo nghĩa hiện-tại trong câu đó, lại dịch nghĩa nguyên cả câu rất gọn gàng. Chữ nào thích mà xem còn chưa được rõ lắm thì lại có chua chữ Pháp cho thực rõ nghĩa hơn. Các chỗ trong sách dẫn kinh Thi, dịch theo điệu thi-ca rất khéo. Những bài bàn của tiên-nho đều dịch cả.

Nói tóm lại quyển « *Đại-học* » này dịch rất công-phu, có thể bổ-ích cho tâm-thần con người ta lắm. Tưởng ai cũng không nên coi là một quyển sách cổ-hủ mà bỏ qua vậy.

CÔNG VIỆC HỘI

CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP

CÁC TIN TRONG HỘI

Bản-hội mở ra mục này để đăng-tải các tin buồn, tin mừng, tin thuyên-chuyển, vân vân... của các Hội-viên trong Hội. Vậy ngài nào có tin-tức gì, xin gửi thư riêng về cho ông Hội-trưởng, ngoài bì đề là « Các tin trong hội » để tiện việc bóc thư.

Tòa Thư-ký Hội-chánh.

Đại-hội-đồng thường-niên các chi-hội. — *Ngày 25 Mars có hai chi-hội Haiphong và Viétri họp Đại-hội-đồng thường-niên. Hội-chánh có cử ông Trần-đình-Quang và ông Nguyễn-đình-Liên đi chứng-kiến hội-đồng chi hội Haiphong ; ông Lê-ngọc-Giản, ông Nguyễn-thượng-Huyền đi chứng-kiến hội-đồng chi hội Viétri. Ngày 15 Avril có chi hội Nam-định họp kỳ Đại-hội-đồng thường-niên và chi hội Uông-Bí họp kỳ Đại-hội-đồng thành-lập. Hội-chánh cử ông Nguyễn-Thống và ông Nguyễn-duy-Nho đi chứng-kiến hội-đồng chi hội Nam-định ; ông Nguyễn-huy-Hợi và ông Nguyễn-thượng-Huyền đi chứng-kiến hội-đồng chi-hội Uông-Bí.*

Biên-bản các chi hội đã họp Đại-hội-đồng này sẽ đăng dần lên báo Hội.

Xin ra hội. — *Ông Nguyễn-văn-Nghiêm chủ-hiệu café Phầm-anh-Nghi Nam-định có đơn xin ra hội, hiện đã có giấy của tòa Trị-sự chi hội Nam-định chuẩn-y, và từ nay ông Nguyễn-văn-Nghiêm không còn phải là hội-viên hội ta nữa.*

Ngày Đại-hội-đồng thành-lập ở chi-hội Uông-bí. — *Ngày 15 Avril 1923 chi-hội Uông-bí đã họp kỳ Đại-hội-đồng thành-lập tại nhà hội-quán mới. Tiện dịp có đặt tiệc champagne để cảm tạ quan Công-sứ Quảng-yên About đại-nhân đã cho phép dựng chi hội và quan chánh-chủ mỏ than Barondeau đại-nhân là Danh-dự hội-trưởng ở chi-hội đã hết lòng tán-trợ cho chi-hội, cùng là mời các ông Danh-dự và Tán-trợ hội-viên. Tiệc rất trọng-thể, có cả phường nhạc của nhà Chung ở làng Yên-trì đến giúp việc rất vui.*

Quan Công-sứ Quảng-yên có giây thép kiếu vì bận việc bầu Tư-vấn nghị-viên, ông Barondeau cũng bận việc không đến dự được, có cử đại-biểu là ông Bác-vật Lagoutte đến dự tiệc thay ngài. Còn các ông danh-dự hội-viên người qui-quốc đến đông đủ cả.

Các chi hội khác đều kiếu vì xa-xôi, duy có hội chánh Hanoi và chi-hội Haiphong có cử Đại-biểu đi dự Hội-đồng là M. Nguyễn-Huy-Hợi chánh Hội-trưởng, M. Nguyễn-Thượng-Huyền hội-viên trị-sự (Hanoi) M. Nguyễn-Đức-Hàn Tổng-thư-ký (Haiphong). Nhưng khi các đại-biểu đi đến bến đò Rừng, không may gặp cơn sóng gió to quá, ô-tô không sang sông được, nên M.M. Hợi và Hàn phải quanh về, vì sáng hôm sau phải ở sở làm việc, sợ vào Uông-bí thì về không kịp, duy M. Huyền được thư thời giờ hơn, thì hai ông nhờ thay mặt vào dự hội-đồng, M. Huyền đáp tầu thủy sang Quảng-yên rồi đi xe cao-su vào Uông-bí. Xe đi chậm mãi quá bốn giờ chiều mới tới nơi, thì các quan tây đã về cả rồi, chỉ còn các hội-viên tại hội-quán thôi.

Ở chi-hội Uông-bí đã tưởng không có đại-biểu nào vào, mà lại thốt-nhiên thấy M. Huyền đến, thì đều lấy làm mừng rỡ lắm, lại đặt tiệc champagne để hoan-nghênh. Sau khi ông Chi-hội-trưởng Vũ-Bá-Lương đã giới-thiệu M. Huyền cùng đại-hội-đồng rồi thì M. Huyền đứng lên thay mặt Hội-chánh và chi-hội Hải-phòng mà chúc mừng chi-hội mới thành-lập và giải bày tình hình toàn hội để đại-hội-đồng nghe. Ông Vũ-Bá-Lương và ông Phạm-Xuân-Quang có đáp lại mấy lời. Đoạn rồi Hội-đồng bắt đầu làm việc. (Công việc của đại-hội-đồng thế nào đã ghi trong tờ biên bản đang báo kỳ sau.)

Hội-đồng giải-tán rồi có chụp ảnh làm kỷ-niệm. Phường nhạc lại cử nhạc mừng rất là vui-vẻ.

Đến tối lại có cỗ-nhạc, chèo hát, múa sư-tử, đốt thăng-thiên, các cuộc vui rất rực-rỡ, làm cho đất Uông-bí có một cái quang cảnh rất mới-lạ từ xưa đến nay chưa có bao giờ.

Chi-hội Uông-bí chóng thành ra một chi-hội đứng-đắn, hội-viên đông, hội-quán có như thế, thực là bởi ở tấm nhiệt-thành của các ông hội-viên trị-sự tạm-thời mà ra, mà nhất là ông Lương và ông Quảng. Ông Lương thì nhiều công về việc hô-hào cho đông hội-viên, ông Quang thì nhiều công về việc tổ-chức các việc. Cứ như lời ông nói chuyện thì hội-quán của chi-hội ấy khi đạt giấy mời hội-đồng còn chưa khởi-công, thế mà chỉ có hơn một tuần-lễ ông đốc-thúc thợ làm đêm làm ngày, chỉnh-đốn ngay được trước ngày hội-đồng. Đáng khen thay là cái lòng quả-quyết và cái tài mẫn-cán của ông! Ấy là cái nhà ấy dựng lên, chưa phải dùng đến tiền của ông Barondeau hẹn giúp, chỉ mới là tiền của các hội-viên quyên-trợ đó thôi. Sự nhiệt-thành ấy lại đáng ngợi khen lắm. Ông Chi-hội-trưởng Vũ-bá-Lương có nói chuyện rằng từ giờ đến cuối năm thế nào ông cũng dủ được người vào hội đến ngót số ba trăm. Như thế thì chi hội Uông-bí không bao lâu sẽ to. Vậy nay ta mừng cho chi-hội Uông-bí đã thành-lập rồi, ta lại mong rằng chi-hội ấy sẽ nhờ tấm nhiệt-thành của các ông chủ-trương mà chóng được thịnh-đạt nữa.

HỘI-CHÁNH HÀ-NỘI

Biên-bản kỳ Tiểu-hội-đồng bất-thường ngày 19 Mars 1923 tại nhà hội-quán phố hàng Bông số 58 Hanoi. — *Hiện-diện có những ông: Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Thống, Nguyễn-Duy-Nho, Nguyễn-Đình-Liên, Phan-Văn-Điền, Bùi-Thiện-Nhân, Nguyễn-Thượng-Huyền.*

Vắng mặt có giấy kiếu: MM. Bạch-Thái-Sơ, Nguyễn-Long, Lê-Sĩ-Mão, Lưu-Đức-Khang, Lê-Đình-Khoa, Nguyễn-Tiến-Ân.

Vắng mặt không có giấy kiếu: MM. Tạ-Công-Viết, Đào-Trinh-Nhất, Nguyễn-Bá-Thiệu.

Đúng 8 giờ ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi, khai hội-đồng.

1° Hội-đồng cử ông Trần-Đình-Quang và ông Nguyễn-Đình-Liên làm Phái-viên đi dự Đại-hội-đồng chi-hội Haiphong, ông Lê-Ngọc-Giản và ông Nguyễn-Thượng-Huyền đi dự Đại-hội-đồng chi-hội Việt-trì.

2° Hội-đồng cử ông Nguyễn-Duy-Nho và ông Lê-Ngọc-Giản thu-xếp nhà hội-quán hội Trí-tri để Hội-Chánh họp Đại-hội-đồng. Hội-đồng cử ông Nguyễn-Thống làm các giấy đạt và thu-xếp trước các giấy-má để kịp kỳ Đại-hội-đồng này.

Đúng 9 giờ hội-đồng giải-tán.

Le Secrétaire — Nguyễn-Thống — Le Président — Nguyễn-Huy-Hợi

Biên bản kỳ Tiểu-hội-đồng thường-nguyệt ngày 3 Avril 1923.

Họp tại nhà hội-quán số 58 Phố Hàng Bông — Hanoi.

Hiện-diện có những ông: Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Long, Nguyễn-Thống, Nguyễn-Duy-Nho, Phan-Văn-Điền, Đào-Trinh-Nhất, Nguyễn-Thượng-Huyền, Nguyễn-Tiến-Ân.

Vắng mặt có giấy kiếu: MM. Lê-Sĩ-Mão, Lưu-Đức-Khang, Nguyễn-Đình-Liên, Bạch-thái-Sơ.

Vắng mặt không có giấy kiếu: MM. Lê-Đình-Khoa, Nguyễn-Bá-Thiệu, Tạ-công-Viết, Bùi-Thiện-Nhân.

Đúng 8 giờ ông Hội-trưởng khai hội-đồng.

1° Trình các thư từ trong hội. — *Ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi trình mấy bức thư của Hội-chi Uông-Bí nói về việc Đại-hội-đồng khánh-thành của Chi-hội đó. Cả hội-đồng đều vui-mừng mà chúc cho Chi-hội Uông-Bí được thịnh-đạt. Ông Hợi trình hội-đồng thơ ông Hội-viên Trần-văn-Có xin gửi một người con nuôi đi tập việc. Hội đã xếp chỗ cho người con nuôi ông Có rồi.*

2° Trình sổ quĩ. — *Ông Trần-Đình-Quang và ông Lê-Ngọc-Giản nói xin cử thêm mấy ông Hội-viên ngoài tòa Trị-sự để họp cùng Tiểu-hội-đồng Kiểm-soát xét lại sổ quĩ của hội trong năm 1922. Hội-đồng cử một ban Tiểu-hội-đồng xét quĩ có những ông Trần-Đình-Quang, Tạ-Công-Viết, Lê-Sĩ-Mão, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Duy-Nho và bốn ông Hội-viên ngoài ban Trị-sự.*

3° Trình về việc đi dự Đại-hội-đồng hai Chi-hội Haiphong và Việtri. — *Ông Trần-Đình-Quang trình về việc ông và ông Nguyễn-Đình-Liên đi dự kỳ*

Đại-hội-đồng thường-niên Chi-hội Haiphong thời hôm đó hội - đồng vui-vẻ lắm, tình-thế Chi-hội thấy càng ngày càng thịnh-đạt, thực là một Chi-hội đã nên to nhất trong các Chi-hội vậy. Hội-đồng thấy ông Quang trình rằng trong tòa Trị-sự cũ Chi-hội Haiphong, trừ hai ông từ-chức, còn thời Đại-hội-đồng bầu lại như cũ cả. Hội-đồng đều lấy làm mừng vì đã được như lời sở-nguyện của Hội-Chánh.

Ông Lê-ngọc-Giản và ông Nguyễn-Thượng-Huyền trình về việc các ông đi dự Đại-hội-đồng Chi-hội Viétri. Hôm đó nhân thể có cả ông Nguyễn-Long và ông Nguyễn-Duy-Nho lên, các viên-chức trong tòa Trị-sự đã tiếp-đãi các Phái-viên Hanoi một cách rất thân-ái. Tòa Trị-sự cũ lại được tái-cử để làm việc hội, và có bầu thêm hai ông Văn-tấn ủy-viên vì trong Chi-hội nhiều nơi xa quá cần phải có nhiều ông Văn-tấn đi thăm-nom các ông Hội-viên mới kịp. Hội-đồng đều lấy làm vui-mừng vì công-việc hội thấy ở đâu cũng có vẻ phát-đạt mà Chi-hội Viétri mới thành-lập sau này cũng đã làm vẻ-vang cho cho hội nhiều lắm vậy.

1e Việc Đại-hội-đồng Hội-Chánh. — *Ông Hội-trưởng trình hội-đồng bức thư của hội Trí-tri đã nhận lời cho hội ta mượn nhà hội-quán số 59 Phố Hàng Quạt ngày 22 Avril 1923 để hội ta họp Đại-hội-đồng.*

Hội-đồng định đến ngày 17 Avril 1923 này sẽ họp kỳ Tiểu-hội-đồng bất-thường để cắt-cử các viên-chức trong tòa Trị-sự trông-nom riêng về mỗi việc sửa-soạn Đại-hội-đồng.

3e Cử Phái-viên đi dự Đại-hội-đồng thành- lập Chi-hội Uông-Bí. — *Hội-đồng cử ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi và ông Văn-tấn ủy-viên Nguyễn-Thượng-Huyền, đi dự kỳ Đại-hội-đồng chi-hội Uông-Bí ngày 15 Avril 1923.*

6e Các việc vặt.

a) Các ông mới xin vào hội. — Ông Lê-Ngọc-Giản trình hội-đồng đơn xin vào hội của những ông :

Mai-Du-Lân, Administrateur-gérant du Thực-nghiệp dân-báo.

Nguyễn-Duy-Hoà, Administrateur de la Briqueterie à Yên-viên.

Nguyễn-Duy-Bích, tức Mai-Viên, Commerçant, 64 Rue des Pipes Hanoi.

Trịnh-Ngọc-Đạt, Chef d'Atelier de l'Imprimerie Ích-Hữu thư-xã.

Nguyễn-Hữu-Quát, tức Thận-Đức 57 Rue du Coton — Hanoi.

Trần - Như - Chất, 75 Rue Jean Dupuis — Hanoi.

Cả hội-đồng đều ưng-thuận và hoan-nghênh các ông Hội-viên mới.

b) Hội-đồng định đến ngày 22 Avril 1923 sau khi họp Đại-hội-đồng Hội-Chánh xong thì đặt một tiệc Champagne để mời ông Bạch-Thái-Bưởi, Tán-trợ Hội-viên bản-hội nhân dịp ông Bạch-Thái được thưởng Bắc-đẩu bội-tinh, vì ông Bạch-Thái đã giúp đỡ cho bản-hội nhiều lắm.

Hội-đồng lại định dâng chức Danh-dự Hội-viên cho ông Bạch-Thái-Bưởi, vì ông Bạch-Thái-Bưởi đã nhiều lần tỏ ra sẽ giúp-đỡ nhiều cho hội ta được thêm thịnh-đạt.

Đúng 10 giờ rưỡi không còn việc gì bàn nữa, hội-đồng giải-tán.

Le Secrétaire — NGUYỄN - THỐNG

Le Président — NGUYỄN-HUY-HỢI

Chi-hội Viétrì

Biên-bản kỳ Tiểu-hội-đồng thường-nguyệt họp ngày 28 Février 1923 tại Hội-quán phố Ga.

Hiện-diện có những ông : Long, My, Quỳ, Mưu, Tiếu, Lâm, Lập, Bệ, Trọng, Lựu, Toản, Chỉ và Hiền.

Vắng mặt giao quyền

Ông Thu, Chương, Tiếp, Lợi, Thịnh, Kiên, Hộ, Bỵ, Điền, Kinh, Sinh và Mỹ.

Đúng 20 giờ khai hội-đồng.

1· — Ông Hội-trưởng Nguyễn-thế-Long trình bức thư Hội-Chánh hỏi ngày nào trong tháng Mars Đại-hội-đồng thường-niên chi-hội Viétri để Hội-chánh sửa soạn cắt Đại-biểu lên chứng-kiến. Hội-đồng đều định đến ngày chủ-nhật 18 Mars sẽ họp Đại-hội-đồng thường-niên.

2. — Ông Phó Hội-trưởng Nguyễn-văn-My đọc bức thư Hội-chánh gửi lên hỏi chi-hội ta có phải bầu lại tòa Trị-sự không ? Hội-đồng đều ưng thuận xin bầu lại tòa Trị-sự.

3· — Lễ Đại-hội-Đồng. — Ông Hội-trưởng hỏi ý-kiến các hội-viên về lễ Đại-hội-đồng — Hội-đồng đều ưng thuận làm tiệc trà (Thé d'honneur).

4· — Việc tiếp các Đại-biểu. Hội-đồng xin nhờ ông Long, My, Quỳ và Mưu tiếp các Đại-biểu.

5. — Việc Văn-tấn. Hôm 26 Janvier được tin cụ nhạc-phụ ông Cao-hữu-Lập tạ-thế. Hội đã cử ông Phó hội-trưởng Nguyễn-văn-My và ông Văn-tấn Ủy-viên Tạ-văn-Sinh lên An-lão viếng cụ.

6· — Việc ông Mưu đi Đại-biểu. Ông Hội-trưởng Nguyễn-thế-Long nói hôm 21 Février ông Mưu Đại-biểu cho chi-hội ta để cùng đi với Hội-chánh lên phủ Toàn-quyền chào các quan Đại-Pháp Thứ-dân nghị-viên Phái-bộ. Ông về có thuật lại các công việc ông Nguyễn-huy-Hợi Hội-trưởng Hội-chánh đã thay mặt toàn-thể hội, yêu-cầu mấy việc thiết-yếu.

7·—Việc quỹ.—Hội-đồng nhờ ông Thủ-quỹ và ông Phó Thủ-quỹ bắt đầu từ 1er Mars này nhờ hai ông đi thu tiền nguyệt-cấp cho và xin với các hội-viên khi hai ông đến thu, sẵn lòng đóng cho kẻo để đi lại nhiều lần thêm phiền ra vì việc là việc công-ích cả.

8. — Việc ông Nguyễn-văn-My và ông Nguyễn-đình-Lợi xin từ chức Ủy-viên. — Ông Phó hội-trưởng Nguyễn-văn-My nay không ở Phú-thọ nữa, xin từ chức Ủy-viên Phú-thọ, và ông Nguyễn-đình-Lợi ở Hưng-Hóa này đổi đi nơi khác cũng xin từ chức Ủy-viên Hưng-Hóa.

Hội-đồng đều ưng thuận để hai ông từ chức và bầu ông Nguyễn-xuân-Trọng làm Ủy-viên Phú-thọ thay ông My và ông Nguyễn-văn-Bình làm Ủy-viên Hưng-hóa thay ông Lợi, ông Nguyễn-xuân-Trọng vui lòng nhận chức ấy giúp hội ; còn ông Bình thì hội sẽ viết giấy tư cho ông, nhờ ông giúp hội vì ông Bình bận việc không đến dự hội-đồng được.

9. — Ông Hội-trưởng trình các bức thư, và danh-thiếp của các quan và các chi-hội gửi mừng chi hội ta nhân dịp năm mới.

10· — Ông Hội-trưởng trình hội-đồng các phiếu hội-viên ông đã nhận được, còn nhiều ông chưa gửi ảnh về để làm Hữu-phả xin kịp gửi cho.

11° — Việc báo Hữu-Thanh. — Ông Hội-trưởng nói : ông chủ-nhiệm báo Hữu-Thanh có gửi giấy đòi tiền mua báo Hữu-Thanh đồng-niên là 1 p. 50 nhờ ông thu tiền giúp.

Kỳ Hội-đồng tháng Janvier 1923, ông đã có nói đến việc đó. Đến nay mới có vài ba ông trả thôi. Từ nay đến ngày Đại-hội-đồng ông nào không trả, ông sẽ gửi các giấy nhận ấy về giả ông chủ-nhiệm báo Hữu-Thanh.

Đúng 21 giờ Hội-đồng giải tán.

Viétri, le 28 Février 1923

Phó Thư-ký Ngô-vi-Tiếu — Hội-trưởng Nguyễn-thế-Long

Biên-bản Tiểu Hội-đồng bất-thường họp ngày 12 Mars 1923 hồi 20 giờ tại Hội-quán Phố Ga.

Hiện-diện có những ông : Long, Chi, Thu, Quý, Lâm, Mưu, Thuần, Tiếu, Sinh, Lập.

Vắng mặt những ông:

My, Liên, Thịnh.

Ông Hội-trưởng Nguyễn-thế-Long đọc bức thư của ông Hội-trưởng Hội-chánh nói : Ngày 18 Mars 1923 Đại-Hội-đồng thường-niên Chi-Hội Viétrì nhằm vào ngày Đại Hội-đồng thường-niên hội Ích-hữu Thư - xã. Phần nhiều Hội-viên là cổ-đông hội Ích-hữu Thư - xã như thế thì không tiện. Xin hoãn lại một tuần lễ, Hội-đồng điều thuận hoãn ngày Đại hội-đồng thường - niên vào ngày chủ-nhật 25 Mars 1923.

Viétri le 12 Mars 1923.

Thư-ký Trần-Đức-Mưu — Hội-trưởng Nguyễn-thế-Long.

Đại Hội-đồng thường-niên lần thứ nhất chi-hội Viétrì ngày 25 Mars 1923.

Tại Hội-quán trần-thiết rất là trực rỡ, ngoài cửa có treo biển « Association Amicale des Employés indigènes de Commerce et d'Industrie du Tonkin (Section Viétri) và một là đại-kỳ vàng đề chữ nhỏ « Công-thương đồng-nghiệp hội » Hai bên treo cờ Bảo-hộ.

Tiếp Đại-biểu Đến 20 giờ ban Trị-sự cùng các hội-viên ra ga đón Đại-biểu Hội-chánh cử lên, thì có M.M. Lê-ngọc-Giản, Nguyễn-thượng-Huyền, Nguyễn-Long và Nguyễn - duy - Nho. Khi các Đại-biểu ở trên xe xuống, hai bên tay bắt mặt mừng rất là vui vẻ, tình thân-ái đã tỏ ra một cách rất là nồng nàn. Ông Hội-trưởng Nguyễn-thế-Long và các hội-viên đưa các Đại-biểu về Hội-quán phố Ga — Các Đại-biểu rất lấy làm thâm-cảm tấm lòng qui hóa của các hội - viên chi-hội Viétri đã quá nhiệt - thành về việc công - ích. Gần 21 giờ ông Hội-trưởng mời các Đại-biểu, các hội-viên và nhân có ông Nghiêm-Vịnh, chủ-nhiệm hội Ích-hữu Thư-xã, và báo Hữu-Thanh đều về nhà ông sơi cơm. Ông Nghiêm-Vịnh cũng vui lòng nhận lời.

Sáng ngày 25 Mars hội cắt ông Phó hội-trưởng Nguyễn-văn-My cùng mấy ông đưa các Đại-biểu đi ngoạn cảnh Cổ-đô.

Trong khi đi ngoạn có chụp một bức ảnh cả ban Trị-sự và các Đại-biểu Hội-Chánh để làm kỷ-niệm. Đến 11 giờ đặt đại tiệc tại Grand-Hotel de Commerce có hơn 30 ông đến dự tiệc.

Đúng 14 giờ 30 các hội - viên các nơi đều tới Hội-quán đông đủ cả, hiện có những ông sau này dự tiệc :

Nguyễn-thế - Long Hội - trưởng ; Lê - ngọc - Giản, Nguyễn - thượng-Huyền, Nguyễn-Long, Nguyễn-duy-Nho đại-biểu Hội-chánh ; Nguyễn-văn-Thu, Nguyễn-văn-Chi, Trần-bá-Quỳ, Nguyễn-văn-My, Trần-đức-Mưu, Nguyễn-văn-Lập, Nguyễn-Liên Đỗ-đình-Danh dit Làm, Nguyễn-đức-Thuần, Tạ-văn-Sinh, Ngô-vi-Tiến, Đặng-đình-Hiền, Vũ-qui-Tụ, Phạm-văn-Cương, Nguyễn-văn-Bệ, Lưu-văn-Chương, Đào-văn-Bỳ, Cao-hữu-Lập, Bùi-đức-Tú. Ngô-đình-Toản, Trần-văn-Bàn, Nguyễn - văn - khuê, Đào - văn - Hộ, Nguyễn - văn - Diên, Nguyễn-ngọc-Mỹ, Nguyễn-văn-Cần, Nguyễn-lưu-Quang, Nguyễn-ngọc-San, Nguyễn-văn-Bình, Hoàng-văn-Thường, Nguyễn-hữu-gia, Cao-văn-Đô, Đỗ-văn-Lạc.

Vắng mặt có giấy giao quyền hoặc bận việc là những ông Lê - Thành - Giai, Trần-như-Đức, Vũ - lệ - Dịch, Trần - văn - Oánh, Vũ - sỹ - Thầm, Lê - văn - Mỹ, Lưu-duy-Tiếp, Trần-đức-Thịnh, Đặng-văn - Đắc, Nguyễn-văn-Kình, Lê-nguyên - Tư, Trần-hữu-Cự, Phạm-văn-Phước, Nghiêm-xuân-Hồ, Đỗ-linh - Chung, Phạm - đình - Đôn, Nguyễn-xuân-Trọng, Nguyễn-xuân-Lưu, Nguyễn-văn-Ngoạn, Hoàng-ngọc-Lâm, Trịnh-Ý, Ngạc-văn-Đồng, Nguyễn-đình-Lợi, Bùi - văn - Tịch, Ngô - văn - Tú, Nguyễn-văn-Vòng, Nguyễn-văn-Vỹ, Nguyễn-văn-Bình, Phạm-văn-Sáu, Khổng-trọng-Điển, Khổng-quang-Khai, Trần-văn-Liên, Lê - hữu - Duyên, Ngô - văn - Soe, Nguyễn-hữu-Đại, Lê - xuân - Nhã, Nguyễn-văn-Lung.

Đúng 15 giờ ông Hội - trưởng Nguyễn-thế-Long nhường ông Lê-ngọc - Giản đại-biểu Hội-chánh làm chủ-tọa, song ông nhất định từ chối nên ông Hội-trưởng Nguyễn-thế-Long làm chủ tọa, ông đứng lên đọc một bài diễu-văn trình hội-đồng các công việc Hội từ khi thành tập đến giờ.

Thưa các qui-hữu,

Hôm nay là ngày Đại-hội-đồng thường-niên lần thứ nhất chi-hội Viétri ta đây, lại có các Đại-biểu hội-chánh cử lên chứng-kiến và các qui-hữu đã vui lòng về dự cuộc Đại-hội-đồng lần thứ nhất đông đủ như thế này thực tỏ ra rằng giây liên-lạc, tình hữu-ái đã ràng buộc anh em ta càng ngày càng bền chặt lắm vậy. Trước hết tôi xin thay mặt toàn-thể chi-hội Viétri cảm ơn quan chánh Công-sứ Herbinet và quan Tuần-phủ Đặng-trần-Vỹ là chánh, phó Danh-dự hội-trưởng, quan Berot chánh-đốc sở máy giấy, quan Phó Công-sứ De Conchy, quan Chánh Douanes Ambrosi, quan Phủ Lâm-Thao Bùi-thiện-Cơ, Danh-dự hội-viên chi-hội ta đã vì việc công-ích đỡ đầu cho chi hội ta, cảm ơn các qui-hữu Đại-biểu hội - chánh không quản đường xá xa xôi mà lên chứng kiến Đại hội-đồng chi hội chúng tôi. Tôi lại xin thay mặt cả ban Trị-sự cảm ơn các qui-hữu chi-hội ta đã không quản thì giờ qui hóa mà đến dự Đại hội đồng hôm nay, đông đủ như thế này.

Nay tôi xin trình các qui - hữu thanh thế chi hội ta, tuy mới thành lập được bảy tháng nay mà sự phát đạt và tình liên-lạc như thế nào. Chi hội ta thành lập ngày 20-8-1922 Hội viên lúc bấy giờ mới được chừng 40 người, công việc hãy còn bỡ ngỡ, thế mà các ngài đã quá lòng yêu mà cử chúng tôi lên để lo toan công việc hội. Ấy cũng chỉ vì lòng quá yêu ấy mà chúng tôi không dám quản sự khó-nhọc, sự bỡ-ngỡ mà đồng tâm hiệp lực làm cho hết nghĩa vụ cho xứng đáng mấy lòng yêu của các qui-hữu.

Tôi thiết-tưởng nghĩa-vụ ban Trị-sự bầu lần thứ nhất của chi hội ta

công việc chia nhau nào quỹ, nào Thư-ký, nào Văn-Tấn, nào Kiểm-soát nhất nhất chúng tôi đã hết lòng không dám để sơ-suất tí nào. Biên bản thường-nguyệt đã đăng ở Tạp-chí Hữu-Thanh là cơ quan của Hội. Các quí-hữu chắc ai cũng đã đọc qua cả, chẳng qua cũng là một lần nói lại mà thôi, nên tôi chỉ trình các quí-hữu về sự phát đạt của Hội. Tôi vừa mới nói Hội ta thành lập mới được bảy tháng mà hội-viên khi ấy mới được gần 40 người. Ôi ! Trong quãng bảy tháng trời, thấm-thoắt có là bao, vì mục-đích Hội ta rất là cao-thượng nên trong quãng thì giờ ngắn ngủi ấy mà số hội-viên nay đã gấp quá hai, đó cũng là nhờ cái sức cổ-động của các quí-hữu đã đem hết tình thân-ái giây liên-lạc mà ràng buộc lấy nhau ở chỗ cố đô này. Giây liên-lạc ấy tuy là một cái vô-hình dạng mà cái sức bền chặt của nó, cứ như các quí-hữu đã biểu đồng-tình dắt-díu nhau cho đến mục-đích Hội thực thiết - tưởng không có gì bền chặt bằng. Tôi dám đoan với các quí-hữu rằng vì tấm lòng tốt của các quí-hữu mà số hội-viên Chi hội ta rồi ra chẳng gấp năm gấp mười như bây giờ hay sao, mà lại chẳng thành ra một chi Hội lớn nhất trong mấy chi Hội lớn của Hội-Chánh hay sao ? Tôi thiết-tưởng cái tài sơ học thiển của tôi chẳng bao giờ làm được vẻ-vang Chi Hội ta như thế, ấy cũng vì các viên-chức trong ban Trị-sự ông nào cũng thật hết lòng làm nghĩa-vụ của các quí-hữu đã giao phó cho từ kỳ Đại-Hội-đồng thành lập đến nay. Khi bấy giờ các quí-hữu còn chưa được am-hiểu tư cách các hội-viên trong Hội, mà đã quá yêu và cử chúng tôi lên làm việc cho Hội. Nay nghĩa - vụ chúng tôi tưởng làm được đến thế cũng là hoàn-toàn vậy. Nay cho được chánh-đáng hơn, xin các quí-hữu chọn lấy trong số hội-viên ta mà bầu lại ban Trị-sự để hành-động các công việc Hội để chấn-khởi hơn lên.

Ấy tình thế và sự hành-động của chi Hội ta từ khi thành lập đến giờ là thế. Còn tình-hình toàn-thể Hội thế nào các Đại-biểu sẽ tỏ bầy cùng các quí-hữu, sau hết xin các quí-hữu đồng thanh với tôi mà chúc cho Hội Công thương ta tràng thịnh, Chi Hội Viêtri ngay một phát-đạt hơn mãi lên.

Khi ông chi Hội-trưởng Nguyễn thế-Long đọc dứt lời, cả hội-đồng đều vỗ tay mừng và khen ban Trị-sự đã làm hết nghĩa-vụ cho nên chi hội được phát-đạt đến thế.

Tiếp đến ông Lê-ngọc-Giản đứng lên cảm ơn cả ban Trị-sự và các hội-viên đã đem hết tình thân-ái hoan-nghinh các Đại-biểu.

Ông Lê-ngọc-Giản đứng nói hơn nửa giờ đồng hồ, bầy tỏ tình thế cả toàn Hội. Trước hết ông nói cái chủ-nghĩa cao-thượng của hội. Trong Nam ngoài Bắc ai ai cũng vui mừng công-nhận là cái mối liên-lạc, cái tình thân-ái của người trong một nước, coi nhau như chân tay đã thêu rệt rõ ràng ra trước mặt công-chúng. Nên trong năm 1922 đã thành lập 2 Chi hội là Chi Viêtri, Chi Tourane hội-viên trong 8 Chi hội (section constutives) và 5 Đại-biểu (syndicats) số hội-viên đều tăng lên gấp hai cả. Ấy chính như Chi hội Viêtri đây là chỗ bán thượng-du mà còn phát-đạt đến như thế, song sự phát-đạt ấy thực cũng tại lòng sốt-sắng của anh em trong hội đã hết lòng cổ-động mời các bạn hữu vào cho đông, lấy giây « hữu-ái » mà ràng buộc con cháu Lạc-hồng — Những sự phát-đạt ấy làm cho hội ta được vẻ-vang

như thế phần nhiều cũng nhờ có tạp-chí Hữu-Thanh là cơ-quan của hội, công việc của toàn-thể hội, tin mừng tin buồn, việc định làm, việc đã thi-hành rồi, mỗi kỳ tạp-chí ra, hội ta có quyền đăng biên bản các chi hội là 10 trang, vậy thì Hội-viên ai chẳng cần phải biết công việc hội, và các ý-kiến các chi hội, các Hội-viên yêu-cầu thế nào ? nào có chỉ được biết tin cả toàn-thể hội mà thôi đâu, lại được xem những văn bài hay, ý-kiến cao của những bậc hiền-triết các nước văn-minh đã dịch ra quốc văn, mà mua báo thì Hội-viên lại được giả giá hạ hơn người ngoài.

Hội ta lại được ân đặc biệt của nhà nước cho được dự một phần cuộc sổ số hàng năm. Nguyên chỉ có 4 hội người Pháp và một hội ta được lợi quyền về cuộc sổ số ấy, không những là vẻ vang cho hội, mà lại mỗi năm được một món tiền để chi dụng công việc hội như là vợ con Hội viên hay hội viên khi nhỡ ngại, hay là cấp cho con Hội viên theo học, mà Hội chánh lại còn lo toan trù tính các công việc tối yếu, như mẹ góa con côi các Hội viên quá cố, vậy hội đã được rộng đồng tiền thì không những là đạt tới mục đích hội, mà lại còn thi hành được cái ý kiến hay của các Hội viên nữa.

Lại một dịp may cho hội ta nữa là mới tháng trước đây có ba ông Thứ dân nghị viên Đại-pháp qua Hanoi, Hội chánh được phép lên yết kiến các ngài tại phủ Toàn-quyền, Hôm ấy chỉ có vài ba hội tây, Bắc-kỳ Tư vấn nghị viện và hội ta mà thôi. Hội chánh đã tỏ bày mục đích hội thì các ông nghị viên có ngợi khen cái nghĩa hợp quần hữu ái của hội ta nhân dịp Hội chánh có yêu cầu 3 điều — Điều thứ nhất : nói rằng duy người bản sứ lòng sự nhà nước thì được quyền bảo cử vậy chẳng hóa ra không công bằng lắm ru, vả lại người làm nhà buôn cũng nhiều người có tư cách đặc biệt chứ có phải là hèn gì, song nhà nước Bảo hộ không có quyền cho phép được. Phép bảo cử ấy duy có Chánh phủ Mẫu quốc mới có quyền gia ơn — Điều thứ hai thì yêu cầu thi hành luật lao động, nghĩa là người làm các nhà buôn được nghỉ chiều thứ bảy và ngày chủ-nhật (Điều này hội Ái-Hữu Pháp cũng đang yêu cầu) Điều thứ ba Hội-chánh lại bày tỏ tình-thế người làm nhà buôn từ khi nhà-nước gia ơn tăng lương bổng phụ cấp, tiền thuê nhà và tiền đất đỏ cho các người Pháp và người Annam làm việc nhà-nước, thành-thử ra chỉ thiệt-hại riêng cho người làm nhà buôn — Các ông nghị-viên lấy điều yêu-cầu của hội ta là chánh-đáng khi nào về sẽ trình những điều yêu-cầu ấy tại Đại-Pháp Chánh-phủ và hết lòng bênh-vực cho hội ta được như ý sở-nguyện. — Cho được nhớ các điều yêu-cầu ấy, các ông nghị-viên lại bảo Hội-Chánh viết thành ra một bức thư vừa để cho dễ nhớ lại vừa đem ra trình bày với nghị-viện cho có giá-trị.

Ấy đấy là nói tóm tắt qua những việc lớn lao trong hội, còn một việc nữa cũng là một việc có danh tiếng vẻ vang cho hội lắm, là việc làm nhà Hội quán của Chi hội Haiphong.

Chi hội Haiphong là một chi lớn nhất của hội, Hội viên đã đông, ban Trị sự lại hết lòng làm nghĩa vụ ; nay Chi hội ấy đã mua được đất rồi, thì vẽ kiểu nhà Hội quán, vậy sự lo toan tổ như thế lại chẳng đáng cho cả toàn thể hội ngợi khen hay sao ? Song thiết tưởng các Chi hội trong nam ngoài Bắc, chi

nào cũng nên quyên trong các Hội viên, kẻ ít người nhiều góp nhau lại thì lo gì chẳng được một số tiền to trước để tỏ bầy tình thân ái, chi nọ với chi kia, sau là giúp cho nhà Hội quán được chóng xong để khỏi phụ lòng tốt của cả Chi Hội Haiphong. Ông Lê ngọc Giản nói xong thì cả đồng đều hiểu hết tinh thế toàn hội, đều vỗ tay vui mừng.

Việc quĩ — ông Chánh Thủ quĩ Trần bá Quỳ trình hội đồng các món chi thu từ khi hội thành lập đến nay và trình hội đồng có mấy ông từ Septembre 1922 đến nay chưa đóng tiền là M.M. Lê văn Mỹ, Nguyễn văn Kinh, Lê xuân Nhã và Hoàng ngọc Lâm; hội đồng nhờ ông Chánh Thủ quĩ viết giấy hỏi các ông ấy lần nữa. Thế nào ông sẽ trình hội đồng thường nguyệt xét sau.

Tiệc trà — Khi ông Trần bá Quỳ trình xong, ông hội trưởng Nguyễn thế Long đứng lên mời hội đồng thưởng trà để cùng nhau tỏ tình thân ái.

16 giờ 30, ông hội trưởng Nguyễn thế Long xin hội đồng bầu lại ban Trị-sự như lời ông đã yêu cầu trong tờ trình.

Hội đồng xin để nguyên ban Trị sự cũ, vì Chi Hội thành lập mới được bảy tháng nay sự thịnh đạt trông thấy cũng nhờ các viên chức trong ban Trị sự hết lòng giúp việc Hội. Các viên chức trong Ban Trị sự xin hội đồng hai ba lần bầu lại, song Hội đồng đồng ý xin để ban Trị sự cũ.

Ông hội trưởng Nguyễn thế Long thay mặt ban Trị sự cảm ơn hội đồng đã quá yêu tái cử lần nữa; ông lại nói: ban Trị sự nay còn khuyết một ông kiểm soát ủy viên. Từ khi ông Trần như Đức đổi đi Phố Mới, hộ chưa bầu ông nào thay và Hội viên Chi Hội ta càng ngày càng đông, ban Văn-tấn xem ra có 4 ông không đủ làm việc. Vậy xin Hội đồng bầu 1 ông Kiểm soát và bầu thêm 2 ông Văn-tấn. Hội đồng đồng ý bầu ông Lê nguyên Tư, thư ký sở máy giấy làm Kiểm soát và ông Phạm-văn-Cường và Nguyễn-văn-Bệ buôn bán làm Văn-tấn. Ông Phạm văn Cường và ông Nguyễn văn Bệ vui lòng nhận chức Văn-tấn làm việc giúp Hội. Còn ông Lê-nguyên-Tư vắng mặt, ban Trị sự sẽ thay mặt hội đồng hoan-nghênh ông vào ban Trị sự giúp việc hội.

Vậy ban Trị sự mới như sau này :

MM. Nguyễn-thế-Long Président
Nguyễn-văn-My Vice —
Nguyễn-văn-Thu Conseiller
Nguyễn-văn-Chi Conseiller
Trần-bá-Quỳ Trésorier
Trần-đức-Mưu Secrétaire
Đỗ-đình-Lâm dit Danh Trésorier-adjoint
Ngô-vi-Tiến Secrétaire adjoint
Nguyễn-Liên com. vérificateur
Lê-nguyên-Tư —
Nguyễn-đức-Thuần visiteurs
Trần-đức-Thịnh —
Nguyễn-văn-Lạp
Tạ-văn-Sinh
Phạm-văn-Cường
Nguyễn văn Bệ

Các Ủy viên các nơi

MM. Nguyễn-xuân-Trọng Ủy viên Phú-thọ
Nguyễn-văn-Vong Phủ-Đoan
Đào-văn-Bỷ — Bạch-hạt
Nguyễn-văn-Bình — Hưng-hóa
Lê-hữu-Duyên — Nghĩa-an
Ngạc-văn-Đồng — Vĩnh-yên
Lưu-văn-Hương — Lâu-thượng

MM. Nguyễn-ngọc-Mỹ Ủy-viên Tiên-kiên.
Cao-hữu-Lập — An-Lão

17 giờ hội-đồng giải tán.

Sau khi Hội-đồng giải-tán các Hội-viên cùng Đại-biểu Hội-chánh có chụp một bức ảnh trước cửa nhà hội-quán để làm kỷ-niệm.

17 giờ 30 ban Trị-sự cùng các hội-viên tiễn Đại-biểu ra ga xuôi Hanoi.

Thư-ký *Hội-trưởng*
Trần-Đức-Mưu *Nguyễn-Thế-Long*

Chi-hội Vòng-bi

Biên-bản kỳ Tiểu-hội-đồng thường-nguyệt ngày 10 Février 1923.

Hiện-diện có những ông Quang, Phác, Tạp, Trí, Tư, Quyền, Giảng, Thịnh, Kiểm, Giảng.

Công việc lợi. — Xét công việc của ông Thủ-quĩ và ông Thư-ký thì điều ổn-thỏa cả.

Thơ ông Hội-trưởng. — Ông Hội-trưởng viết thư cảm ơn hội đã vì tình liên-lạc mà đánh điện-tín chia buồn cùng vợ chồng ông, và gia-quyến, hôm bà nhạc-mẫu ông lạ-thế ngày 25 Janvier vừa rồi.

Thơ ông Mai. — Ông Mai Kiểm-soát ủy-viên báo tin cho hội biết, ông bị mệt phải về nhà quê dưỡng-bệnh, nhưng nay đã gần được bình phục, và ông cảm ơn Hội đã có thơ về hỏi thăm.

Nhận đơn vào hội. — Của những ông Đỗ-Văn-Đặng, Trần-Chung-Dẫn, Nguyễn-Văn-Lũy, Ngô-đình-Phan, và Ngô-văn-Loát.

Việc vặt. — Hội-đồng có nói về việc Đại-hội-đồng khánh-thành thì anh em phải lưu-tâm, để cho được kết-quả hay, vậy ông Phó hội-trưởng có tỏ ý cùng đồng-nhân hay giờ đã nay cùng tháng tận, thì việc đó hãy để ra riêng sẽ định-liệu.

Hội-đồng giải-tán hồi 8 giờ.

Le Secrétaire *Le Président*
Tư QUANG.

Biên-bản kỳ Tiểu-hội-đồng bất-thường ngày mồng 8 tháng Mars 1923.

Hồi 7 giờ rưỡi tại nhà hội-quán hiện-diện có những ông : Lương; Quang ; Tư ; Chính ; Qúy ; Khảm ; Vạn ; Quyền ; Thị ; Tuất ; Ngọ.

Chương-trình như sau này :

1· Xét các thư-từ cùng sổ sách.
2· Xét nhận đơn các ông Hội-viên mới.
3· Việc Vấn-tấn.

Ông Hội-trưởng trình hội-đồng các thư-trát cùng sổ chi-tiêu, hội-đồng xem xét đều ưng thuận.

Trình đơn các ông mới xin vào hội, hội-đồng đều hoan-nghênh các ông Hội-viên mới.

Ông Vấn-tấn ủy-viên trình hội-đồng trong tháng này có ông Thủ-qũi Tập mệt, ông có đến thăm xong ông mệt qua loa thôi.

Đúng 10 giờ rưỡi không còn bàn đều gì, hội-đồng giải-tán.

Le Secrétaire *Le Président.*
Tư QUANG.

Chi-hội Tourane.

Biên-bản kỳ Tiểu hội-đồng thường-nguyệt ngày 4 Février 1923

Chiều hôm chủ-nhật 4 Février 1923 hồi 2 giờ rưỡi, ban Trị-sự Chi-hội Công-Thương Đồng-Nghiệp ở Tourane họp tại nhà ông Hội-trưởng Ưng-hạ. Hiện-diện có những ông Ưng-Hạ, Tôn-thất-Quán, Tôn-thất-Cẩn, Ngô-quí-Di, Lữu-Kiên, Trần-như-Bích, Ưng-Thiệp, Phạm-hữu-Thứ, Phạm-duy-Niệm, Nguyễn-văn-Tùng, Võ-minh-Huy, Hồ-văn-Phát, Lưu-quang-Hòa, Lưu-quang-Vinh.

Hội-đồng họp bàn theo chương-trình như sau này :

1°. — Kiểm-soát công-quĩ,

2°. — Thuê nhà để làm Hội-quán,

3°. — Đi mời các các Danh-dự và Tán-trợ Hội-viên.

1°. — Ông Thủ-quĩ đệ trình các sổ chi-thu cho ông phó Hội-trưởng thứ nhất và hai ông Kiểm-soát ủy-viên xem xét kỹ-càng thì biết được và trình cho hội-đồng biết là :

Công-quĩ có	127p.50
Tiền gửi ra Hội-Chánh ở Hanoi năm ngoái.	21.09
Tiền chi-phí để lập thành chi-hội	5.55
Tiền của Hội còn lại đến ngày 31 Janvier 1923 là	97p.91

2°. — Chi-hội mới thành-lập, các Hội-viên phần nhiều xưa nay ít giao-thiệp với nhau, nay cùng vào một hội thì mới quen biết sơ-sơ, tưởng rằng không năng đi lại, e sinh ra tình nhạt, vậy hội định thuê một nơi để làm Hội-quán để các Hội-viên tiện lui-tới chuyện trò cho thêm tình liên-lạc. Nay thuê nhà làm Hội-quán và sắm-sửa đồ-đạc thì chưa tiện lắm cho hội, nên ông Võ-minh-Huy, Ván-tấn ủy-viên có thưa với hội giao cho ông 100p.00, ông nhận 100p.00 ấy để sinh tức hiến cho Hội một gian nhà có đèn-điện và các vật-liệu đủ lập một Hội-quán — tiền vay không lấy lãi, nhà thuê không mất tiền tưởng cũng lưỡng tiện lắm.

Cả hội-đồng đều ưng-thuận lời bàn của ông Huy, nhưng chiếu theo điều-lệ hội thì số tiền 100p.00 ấy hội giao cho ông Ưng-Hạ là Hội-trưởng vì ông có quyền lấy tiền công của hội ra mà sinh tức, rồi ông Hạ sẽ giao lại cho ông Huy.

3°. — Phần nhiều quí-vị trong tòa Trị-sự làm việc ở các tòa, các sở, mà nay hội định hiến chức Danh-dự Hội-trưởng và Hội-viên cho một vài vị Thượng-quan và các ông Chủ-nhiệm các sở buôn to, nên hội định ủy ông nào ở sở nào thì xin nói trước với ông chủ sở ấy nếu ngài ưng nhận, lúc ấy hội sẽ cử người, hoặc gửi thơ đến mời.

Còn việc khánh-thành hội, hội còn đợi xem các vị mà hội mời nhận chức Danh-dự Hội-trưởng và Hội-viên trả lời ra sao, khi ấy hội sẽ định ngày khánh-thành và sẽ đạt để các Hội-viên rõ.

Đúng 5 giờ hội-đồng đều giải-tán.

Thư-ký	Hội-trưởng
TRẦN-NHƯ-BÍCH	ƯNG-HẠ

TỜ THÔNG-ĐẠT VỀ KỲ ĐẠI-HỘI-ĐỒNG THƯỜNG-NIÊN của Hội-Chánh ngày 22 Avril 1923

Messieurs les Membres

DE L'A. M. E. C. I.

Thưa quí-hữu,

Đúng một giờ chiều ngày chủ-nhật 22 Avril 1928 (tức là ngày mồng bảy tháng ba Annam) xin mời quí-hữu đến dự kỳ Đại-hội-đồng thường-niên Hội-Chánh của hội **Bắc-Kỳ Công-Thương Đồng-Nghiệp** ta, tại nhà hội-quán hội Trí-tri số 59 Phố Hàng Quạt (59 Rue des Eventails — Hanoi) chương-trình như sau này :

1° *Nghe tờ trình của viên Hội-trưởng.*
2° *Nghe tờ trình của ban Kiểm-soát tài-chính.*
3° *Nghe tờ trình của các chi-hội.*
4° *Bầu lại toà Trị-sự.*
5° *Sửa-đổi mấy khoản trong tập điều-lệ.*
6° *Các việc vặt.*

Quí-hữu nào mắc việc không tới dự Đại-hội-đồng được, xin gửi giấy giao-quyền cho một quí-hữu khác có thể đi dự được. Quí-hữu nào có giấy giao-quyền của các quí-hữu khác ủy cho, xin đưa lại hội-sở 24 giờ trước khi hội-đồng, để tiện việc sửa-soạn.

Quí-hữu nào ở trong một chi-hội xa mà không có ủy Đại-biểu Phái-viên về thì xin làm vé bầu bằng thơ gắn kín chọn lấy 17 viên trong các ông Hội-viên ra ứng-cử danh-sách đính theo đây (1), rồi gửi thẳng về cho viên Hội-trưởng, trước khi hội-đồng 24 giờ để kịp nhận được, ngoài phong-bì đề là « Phiếu bầu ».

Nay kính đạt
HỘI-TRƯỞNG
NGUYỄN-HUY-HỢI

(1) Danh-sách các Hội-viên ra ứng-cử có đính theo tờ đạt gửi riêng cho từng ngài, ngài nào nhỡ không tiếp được giấy đạt, xin cứ theo đây mà đi dự Đại-hội-đồng.

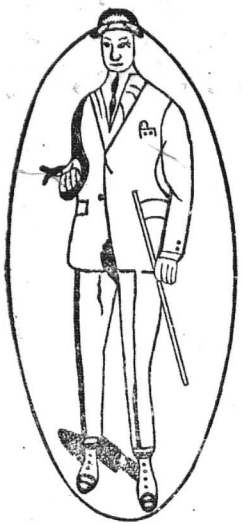

NAM-THINH — TAILLEUR

SOIERIES

6, Rue des Cantonnais — Hanoi (Tonkin)

Bán buôn và bán lẻ, hàng tơ lụa Bắc-kỳ

Bản-hiệu chuyên nghề bán cắt các thứ tơ lụa Bắc-kỳ sau này :

Tinh Lưởi trơn và hoa, lương trơn và hoa, bang thâm và các sắc, lụa cô đô thâm và chàng, lụa quần anh thâm và các sắc, the la cả thâm và các sắc, sô hột thâm và các sắc, sòi thâm thật tốt, vân thâm và các sắc, sa trơn và hoa, lượt khan 12 và 14 vuông (còn nhiều thứ nữa không kể hết).

Các thứ hàng Tây may y phục Langsa : alpaga couleur, drap fantaisie, gabardine couleur, tissus imperméable, tussor de soie très blanc, drap satin noir tennis, flanelle blanche, etc.

Cửa hàng nào buôn nhiều về bản, hãy viết thư về thương-nghị, sẽ được trừ hoa hồng từ 3 đến 10 pour cent.

Hàng gởi đi Contre-remboursement.

NAM-THỊNH, Hanoi
Kính cáo

祥和裕 YU-WO-TSÉONG

Soieries Chinoises et Annamites en tous genres

VENTE EN GROS

48, — Rue des Cantonnais, Hanoi

Téléphone nº 266

Từ khi đang báo đến nay, đã được nhiều các ngài chiếu-cố. Nay lại mới có hàng kỹ cầu dầu tiệm Dụ-ưng sang và cách thứ hàng khác sang nhiều lắm. Vậy có lời loan-báo để các ngài biết Hàng bán buôn, không bán lẻ và không có mẫu gửi đi các nơi.

Hàng tốt mà giá lại rẻ, vì rằng bản-hiệu có xưởng tự chế ở bên Trung-Hóa cho nên qui-khách nào buôn cái bản-hiệu cũng được hàng thật tốt và giá thật rẻ hơn các hiệu khác, vì rằng các hiệu đó còn buôn lại của bản-hiệu.

Nếu qui-khách nào ở xa hoặc gần mà buôn hàng của bản-hiệu, thật là buôn tại gốc bán tại ngọn đó.

Bản-hiệu có trữ nhiều các thứ hàng Bắc-kỳ nữa, hàng đen và các mầu có đủ cả, qui-khách ở Nam-kỳ có muốn buôn để bán thì cứ gửi thơ mà mua của bản-hiệu, lúc nào trong hiệu cũng có vài ngàn cây, tha hồ mà chọn, chẳng hề thiếu-thốn.

Vậy xin các qui-khách chiếu-cố cho.

YU-WO-TSÉONG.

益協 HIỆP-ÍCH

(Công-ty trách-nhiệm tập-cổ vốn định **20.000p.00**, mỗi cổ-phần **25 p.00**)

Làm các thứ đồ sơn Nhật-bản và sơn ta, các thứ ghế mây, đồ mây, tượng nặn và tranh vẽ,

Ngài nào vào cổ-phần xin gửi thư cho :

Chủ-nhiệm : **NGUYỄN-TIẾN-ÂN,** Số 11, phố hàng Bông Hanoi

Téléphone 356

HẰNG-PHONG DIT NGUYỄN-THÀNH-CỰ

Bijouterie et commerçant

CAOLANH

Bán đồ nữ-trang đủ theo kiểu kim-thời, mà nhất là bông-tai bẻo bằng vàng và đồng xứng đã tinh-xảo mà giá rẻ, vì làm sở-trường bặt thiệp nên tính công nhẹ.

南泰 NAM-THÁI

益相濟商局

SOCIÉTÉ COMMERCIALE TONKINOISE

SUCRERIE — PATISSERIE — CONFITURERIE

Hộn đường, Nấu mứt, Làm bánh

DIPLÔME DE MÉRITE A LA FOIRE DE HANOI 1920

TONKIN — 77, Rue Maréchal Foch, 77 — NAM-DINH

(Số nhà 77, Phố hàng Trống)

Các bạn đồng-nghiệp ở Nam-kỳ gửi các thứ đường ra bán nhiều lắm

Bán buôn và bán lẻ

NAM-HỒNG-PHÁT

KHÁCH-LAU

Nº 104 et 106, Boulevard Bonnard, (ngang gare xe lửa nhỏ)

Saigon, Cholon Govap, gần chợ mới

Có bán rượu tây, cho mướn phòng ngủ, và mở tiệm hớt tóc, có may y-phục Annam và Langsa, cũng có bán hàng lụa, vải, vân vân...

NAM-HỒNG-PHÁT

ỦA NGỘ QUÁ HỚ!!!

PHẠM-NGỌC-TY

MYTHỌ — Cửu-Viễn, Thuận-Trị — MYTHO

NHỰT-TÂN-ĐƯỜNG

Tôi có bán sỉ và bán lẻ, các thứ thuốc **Hườn, Tán, Cau, Đơn.** Trị-bịnh rất nên thần-hiệu vô-cùng, giá tinh phải chẳng, bào-chế rất kỹ-lưỡng.

Các ngài ở xa muống dùng thuốc chi, chúng tôi xin làm cẩn-thận mà gởi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được thuốc cuả chúng tôi gởi thơ ban khen chúng tôi.

Xin các Qui-khách chiếu-cố, chúng tôi hết lòng hoan-nghinh.

PHẠM - NGỌC - TY
Kính-mời

BẰNG-HỮU

Sách có câu rằng : **Quân-tử chi giao cửu nhi kỉnh chi, tiểu-nhơn chi giao cửu nhi hối chi** (người quân-tử mà kết bạn lâu chừng nào lại càng cung-kính nhau chừng nấy, còn đứa tiểu-nhơn kết bạn lâu chừng nào lại càng dể vui nhau chừng nấy). *Phàm hễ kết bạn với nhau, thì phải tin cậy thương-yêu nhau, có hoạn-nạng phải cứu giúp nhau, có túng ngặt phải tư trợ nhau; mà thứ nhứt là chữ* **Tín** *chẳng nên quên sát, dẫu việc chi nhỏ mọn cách mấy mà mình đã hứa với anh em rồi, thì chẳng nên sai chạy, đều ấy là thứ nhứt trong đạo bằng-hữu ; phải lấy sự thiệt-thà chắc-chắn mà ở với nhau, thì mới gọi là bằng-hữu chỉ ư tín.*

Đời nhà hán có ngươi Phạm-cự-Khanh với ngươi Trương-ngươn-Bá là anh em bạn, ở học với nhau tại kinh sư, qua tiết xuân hay người bèn từ-biệt nhau mà đi về thăm nhà.... Phạm-cự-Khanh hứa với Trương-ngươn-Bá rằng : (qua tiết thu ngày trùng-cửu, tôi sẽ đến nhà lại thăm bác một phen) chừng đến ngày hẹn ấy, Trương-ngươn-Bá bèn thưa với mẹ xin làm gà nấu cháu mà đợi Phạm-cự-Khanh, bà mẹ nói: « Anh em biết nhau lâu ngày, đường xa ngàn dặm, lời hứa lo là sau mà con tin lắm vậy : » Trương-ngươn-Bá thưa rằng : « Phạm-cự-Khanh là người tín sĩ không lẽ nói chơi » mẹ con còn đan bàn luận, thì Phạm-cự-Khanh đã bước vào nhà, hai đàng mầng rỡ nhau, rồi vào lạy mừng bà mẹ Trương-ngươn-Bá, khi ấy anh em chuyện vãn vui cười, ăn uống no say rồi mới từ-biệt nhau mà đi, đáng khen-ngợi thay !!! đáng làm gương thay !!! đáng kính-mến thay !!! người xưa kết bạn với nhau, tuy là một chuyện nhỏ mọn như vậy, mà cũng chẳng hề thất-tín những người anh em bạn mà hay lường gạt và xảo-trá nhau, chẳng biết thương-xót giúp-đỡ nhau trong cơn hoạn-nạng cũng nên hổ-thẹn với hai người tín-sĩ nầy lắm ru !!!

PHẠM - NGỌC - TY
Cửu-viễn — Mytho

友聲雜誌

第十八號

Cette revue a tirée à mille huit cents exemplaires
Monsieur le Président supérieur
Hanoi, le 19 Avril 1923
Le Directeur des Affaires
[illegible]

益友書社發行